

HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG
PHÁP LUẬT THỰC THI

CPTPP

Đánh giá hiệu quả thực hiện
và Hàm ý chính sách

Nhóm Nghiên cứu

Nguyễn Thị Thu Trang
Phùng Thị Lan Phương
Nguyễn Thị Thùy Dung
Nguyễn Thanh Trà

HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG
PHÁP LUẬT THỰC THI

CPTPP

Đánh giá hiệu quả thực hiện
và Hàm ý chính sách

Mọi quan điểm trong Báo cáo này là của Nhóm Nghiên cứu, không phản ánh quan điểm của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương hay Chương trình Aus4Reform.

LỜI NÓI ĐẦU

Là Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, tiêu chuẩn cao đầu tiên mà Việt Nam từng tham gia, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) có tác động trực tiếp tới nhiều chế định pháp luật nội địa của Việt Nam. Do đó, khác với nhiều FTA trước đây, công tác sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới các quy định pháp luật nội địa nhằm bảo đảm tương thích với cam kết là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong quá trình thực thi Hiệp định này.

Trên thực tế, có thể nói CPTPP là hiệp định đầu tiên sau WTO đòi hỏi Việt Nam phải triển khai các hoạt động xây dựng pháp luật thực thi cam kết ở phạm vi rộng như vậy. Một phần đáng kể trong số này đã được triển khai trong giai đoạn 2019-2020, với các văn bản được ban hành mới, sửa đổi/bổ sung trong nhiều lĩnh vực, ở các cấp độ pháp lý khác nhau.

Việc tổng kết quá trình thực hiện các hoạt động xây dựng pháp luật thực thi CPTPP đã triển khai, đánh giá các thành công và bất cập, nhận diện những nguyên nhân liên quan có ý nghĩa rất quan trọng. Một mặt, đây là cơ sở để Việt Nam rút ra những bài học kinh nghiệm trực tiếp cho giai đoạn thực thi CPTPP tiếp theo. Mặt khác, những hàm ý chính sách từ đây có thể là gợi ý hữu dụng cho các hoạt động xây dựng pháp luật thực thi các FTA thế hệ mới, tiêu chuẩn cao trong thời gian tới, đặc biệt là Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA).

Với mục tiêu đưa ra bức tranh toàn cảnh về hoạt động xây dựng pháp luật thực thi CPTPP trong giai đoạn 2019-2021, qua đó tổng kết các kết quả đạt được, những vấn đề còn tồn tại và các hàm ý chính sách từ đây cho Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền để tiếp tục triển khai hiệu quả công tác này cho cả CPTPP và các FTA thế hệ mới khác trong thời gian tới, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) (Trung tâm WTO và Hội nhập) thực hiện **Báo cáo nghiên cứu “Hoạt động xây dựng pháp luật thực thi CPTPP – Đánh giá hiệu quả thực hiện và Hàm ý chính sách”**.

Báo cáo được thực hiện trên cơ sở hoạt động (i) Tổng hợp các kế hoạch xây dựng pháp luật thực thi CPTPP của các cơ quan có thẩm quyền (Quốc hội, Chính phủ, các Bộ ngành); (ii) Rà soát chi tiết quá trình soạn thảo, nội dung, hiệu quả thực tế của các văn bản pháp luật thực thi cam kết CPTPP đã ban hành hoặc đang soạn thảo trong giai đoạn 2019-2021; (iii) Phân tích so sánh chi tiết các yêu cầu của cam kết với các quy định “nội luật hóa” các cam kết trong các văn bản này; và (iv) Phỏng vấn, trao đổi với một số cơ quan có thẩm quyền trong xây dựng, tổ chức thực hiện các văn bản này và một số hiệp hội doanh nghiệp là đối tượng chịu tác động trực tiếp từ các quy định thực thi cam kết CPTPP. Các phương pháp nghiên cứu tại bàn, mô tả lý thuyết, phân tích và so sánh pháp lý, phỏng vấn trực tiếp và/hoặc bình luận của chuyên gia, tổng hợp và phân tích thực tế thi hành đã được sử dụng để thực hiện Báo cáo này.

Nhóm nghiên cứu trân trọng cảm ơn Chuyên gia kinh tế cao cấp Phạm Chi Lan - Nguyên Phó Chủ tịch VCCI, Luật sư Trần Hữu Huỳnh - Nguyên Trưởng Ban Pháp chế VCCI, Nguyên Chủ tịch Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam, TS. Nguyễn Văn Cương - Viện trưởng Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp về những ý kiến bình luận quan trọng cho Báo cáo này. Trân trọng cảm ơn các chuyên gia từ Bộ Công Thương, Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam, Hiệp hội Dệt may Việt Nam, Hiệp hội Da giày Túi xách Việt Nam về những thông tin thực tiễn rất có ý nghĩa cho việc xây dựng Báo cáo.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ kỹ thuật của Chương trình Australia hỗ trợ cải cách kinh tế Việt Nam (Aus4Reform) - Đại sứ quán Australia tại Việt Nam cho việc tổ chức nghiên cứu và xây dựng Báo cáo này./

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam



MỤC LỤC

TÓM TẮT	8
Phần thứ nhất	
TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG PHÁP LUẬT THỰC THI CPTPP	14
I. Những vấn đề cơ bản về hoạt động xây dựng pháp luật thực thi CPTPP	16
1. Bối cảnh và sự cần thiết của việc xây dựng pháp luật thực thi CPTPP	17
2. Về các mục tiêu và giới hạn của hoạt động xây dựng pháp luật thực thi CPTPP	20
II. Nhận diện các hoạt động xây dựng pháp luật thực thi CPTPP	24
1. Rà soát tính tương thích của pháp luật Việt Nam với cam kết CPTPP	25
2. Kế hoạch xây dựng pháp luật thực thi CPTPP của Việt Nam	26
Phần thứ hai	
RÀ SOÁT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG PHÁP LUẬT THỰC THI CPTPP	
GIAI ĐOẠN 2019-2021	28
I. Rà soát các hoạt động xây dựng pháp luật nhằm thực thi cam kết CPTPP có hiệu lực ngay	30
1. Nhận diện các hoạt động xây dựng pháp luật đã thực hiện	31
2. Rà soát quá trình soạn thảo các VBQPPL thực thi cam kết CPTPP	34
2.1. Về cách thức “nội luật hóa” cam kết	34
2.2. Về việc tham vấn doanh nghiệp trong quá trình soạn thảo	35
3. Rà soát thời điểm có hiệu lực của các VBQPPL thực thi CPTPP	37
3.1. Về việc bảo đảm yêu cầu của CPTPP về thời điểm có hiệu lực	37
3.2. Về ảnh hưởng của việc ban hành chậm các văn bản thực thi CPTPP	41
4. Rà soát chất lượng các VBQPPL thực thi CPTPP	43
4.1. Tính thống nhất (tính tương thích)	43
4.2. Tính minh bạch	49
4.3. Tính hợp lý và khả thi	54
4.4. Tác động về giới	60
II. Rà soát các hoạt động xây dựng pháp luật chuẩn bị cho việc thực thi cam kết CPTPP	
có hiệu lực theo lộ trình	64
1. Nhận diện các cam kết CPTPP cần “nội luật hóa” theo lộ trình	65
2. Về thực tế chuẩn bị của Việt Nam	67

Phần thứ ba

HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO CÁC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG PHÁP LUẬT THỰC THI CPTPP VÀ CÁC FTA TRONG TƯƠNG LAI	70
1. Đối với công tác rà soát pháp luật trước khi phê chuẩn	72
2. Đối với hoạt động xây dựng kế hoạch xây dựng pháp luật thực thi cam kết	73
3. Về việc chuẩn bị về nội dung cho soạn thảo các quy định thực thi cam kết	74
4. Về quá trình soạn thảo các VBQPPL thực thi cam kết	75
5. Về quá trình thi hành các quy định “nội luật hóa” cam kết	76
CÁC PHỤ LỤC	80
Phụ lục I – Tổng hợp kế hoạch xây dựng pháp luật thực thi CPTPP của Việt Nam	82
Phụ lục II – Bảng rà soát tính tương thích của VBQPPL thực thi CPTPP với nội dung cam kết	87
Phụ lục III – Kết quả rà soát chi tiết các hoạt động xây dựng pháp luật thực thi CPTPP	101
1. Hoạt động xây dựng văn bản về thuế XNK ưu đãi đặc biệt CPTPP (Nghị định 57/2019/NĐ-CP)	102
2. Hoạt động xây dựng văn bản về quy tắc xuất xứ CPTPP đối với hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu (Thông tư 03/2019/TT-BCT, sửa đổi bởi Thông tư 06/2020/TT-BCT)	105
3. Hoạt động xây dựng văn bản hướng dẫn thực thi cam kết CPTPP về xác định xuất xứ đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (Thông tư 62/2019/TT-BTC)	109
4. Hoạt động xây dựng các văn bản thực thi cam kết CPTPP về hạn ngạch (Thông tư 07/2019/TT-BCT, Thông tư 03/2020/TT-BCT và Thông tư 04/2020/TT-BCT)	112
5. Hoạt động xây dựng văn bản thực thi cam kết CPTPP về biện pháp tự vệ đặc biệt (Thông tư 19/2019/TT-BCT)	119
6. Hoạt động xây dựng văn bản thực thi cam kết CPTPP về hàng rào kỹ thuật về mỹ phẩm (Thông tư 32/2019/TT-BYT)	121
7. Hoạt động xây dựng văn bản thực thi cam kết CPTPP về mua sắm công (Nghị định 95/2020/NĐ-CP, Thông tư 09/2020/TT-BKHĐT)	124
8. Hoạt động xây dựng văn bản thực thi cam kết CPTPP về sở hữu trí tuệ	127
9. Văn bản thực thi cam kết CPTPP về lao động	129
10. Hoạt động xây dựng văn bản thực thi cam kết CPTPP về dịch vụ phụ trợ bảo hiểm	133
11. Hoạt động xây dựng văn bản thực thi cam kết CPTPP liên quan tới chính sách cạnh tranh	135

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BLLĐ	Bộ luật Lao động
CFS	Chứng nhận lưu hành tự do
C/O	Giấy chứng nhận xuất xứ
CPTPP	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương
EVFTA	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu
FTA	Hiệp định Thương mại Tự do
ISDS	Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và Nhà nước
QTX	Quy tắc xuất xứ
RCEP	Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực
SME	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
TPP	Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương
UKVFTA	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Vương quốc Anh và Bắc Ai-len
VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật
VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới
XDPL	Xây dựng pháp luật



TÓM TẮT

1. Sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới các quy định pháp luật nội địa (hoạt động xây dựng pháp luật) nhằm thực thi các cam kết trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) là một trong những công tác trọng tâm trong quá trình triển khai Hiệp định này của Việt Nam. Mục tiêu chính của các hoạt động xây dựng pháp luật (XDPL) này là (i) bảo đảm sự tương thích của pháp luật nội địa với các cam kết CPTPP; và (ii) tổ chức triển khai trên thực tế các cam kết CPTPP.

2. Theo các kế hoạch XDPL thực thi CPTPP của Quốc hội, Chính phủ và các Bộ ngành thì có tổng cộng 07 Luật, 06 Nghị định và 06 Thông tư cần được sửa đổi hoặc xây dựng mới. Các hoạt động XDPL này dự kiến chia làm 02 đợt: đợt đầu thực hiện với các cam kết CPTPP có hiệu lực ngay và đợt sau thực hiện với các cam kết CPTPP có lộ trình muộn hơn. Trong giai đoạn 2019-2021, đã có tổng cộng 11 văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) được ban hành để thực thi các cam kết CPTPP có hiệu lực ngay và 04 văn bản được soạn thảo để chuẩn bị thực thi các cam kết CPTPP có hiệu lực theo lộ trình.

3. Về các VBQPPL được ban hành để thực thi các cam kết CPTPP có hiệu lực ngay, rà soát cho thấy có tổng cộng 11 văn bản (bao gồm 02 Luật, 02 Nghị định và 07 Thông tư) thuộc diện này, trong đó có 08 văn bản nội luật hóa các cam kết CPTPP về thương mại hàng hóa và 03 văn bản thực thi các cam kết quy tắc. Các văn bản này thực thi tổng cộng 63 nhóm cam kết thuộc 08 Chương (Mở cửa thị trường hàng hóa, Quy tắc xuất xứ, Dệt may, Phòng vệ thương mại, Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại, Mua sắm công, Sở hữu trí tuệ và Lao động) và 02 Thư song phương (Dệt may) của CPTPP.

4. Về cách thức đưa cam kết CPTPP vào pháp luật nội địa (cách thức “nội luật hóa”), có 07 VBQPPL được “nội luật hóa” theo cách xây dựng văn bản mới có phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng riêng (06 văn bản về thương mại hàng hóa, 01 văn bản về đấu thầu); 03 văn bản sửa đổi bổ sung VBQPPL đang có (gồm 02 văn bản về thương mại hàng hóa, 01 văn bản về sở hữu trí tuệ) và 01 trường hợp được đưa vào dự thảo sửa đổi tổng thể của văn bản liên quan (quy định thực thi cam kết CPTPP về lao động).

5. Về việc tham vấn doanh nghiệp trong quá trình soạn thảo, rà soát cho thấy tất cả các VBQPPL, kể cả trường hợp được soạn thảo theo quy trình rút gọn hay văn bản cấp thông tư, đều công khai dự thảo trên website của cơ quan soạn thảo để lấy ý kiến tham vấn của công chúng, trong đó suy đoán có các doanh nghiệp. Mặc dù vậy, trong nhiều trường hợp, cơ quan soạn thảo chỉ công khai dự thảo văn bản, không kèm theo bất kỳ tài liệu nào giải trình/giải thích về các lựa chọn chính sách trong các quy định của dự thảo (ví dụ Tờ trình, Báo cáo đánh giá tác động...), gây khó khăn nhất định cho việc tìm hiểu và góp ý của các chủ thể liên quan. Có 7/11 dự thảo được cơ quan soạn thảo gửi lấy ý kiến doanh nghiệp qua VCCI. Với các trường hợp này, dự thảo được doanh nghiệp biết đến rộng rãi hơn (qua hoạt động phổ biến và lấy ý kiến của VCCI), đồng thời cũng được VCCI tổng hợp ý kiến đóng góp tập trung và hiệu quả hơn.

6. Về thời điểm ban hành và có hiệu lực, có 08 văn bản được soạn thảo và ban hành trong năm 2019, 03 văn bản ban hành năm 2020. Mặc dù tất cả đều được soạn thảo và ban hành trong thời gian ngắn hơn quy trình thông thường theo Luật ban hành VBQPPL, nếu so sánh với mốc 14/1/2019 theo yêu cầu CPTPP thì trung bình mỗi văn bản này ban hành chậm 246 ngày.

Tuy nhiên, tất cả các văn bản đều bảo đảm hiệu lực thực thi từ 14/1/2019 theo đúng cam kết. Có 05 văn bản bảo đảm tuân thủ thời điểm hiệu lực của CPTPP thông qua quy định về hiệu lực hồi tố (hiệu lực ngược trở về trước đến 14/1/2019); 02 văn bản có hiệu lực muộn hơn 14/1/2019 nhưng để thực thi quyền (mà không phải là nghĩa vụ) của Việt Nam trong CPTPP; 02 văn bản hướng dẫn thực thi trên thực tế các cam kết thuộc diện áp dụng trực tiếp từ 14/1/2019; 02 văn bản có hiệu lực muộn hơn 14/1/2019 nhưng đã có văn bản hướng dẫn việc thực thi tạm thời từ khi Hiệp định có hiệu lực hoặc không ảnh hưởng tới lợi ích của đối tác CPTPP hay các chủ thể liên quan.

Mặc dù vẫn bảo đảm thời điểm có hiệu lực theo yêu cầu của CPTPP, việc các văn bản hướng dẫn thực thi ban hành chậm đã ảnh hưởng nhất định tới khả năng tận dụng các lợi ích từ Hiệp định của các doanh nghiệp Việt Nam trong giai đoạn đầu. Đây có thể là một trong những nguyên nhân dẫn tới hiệu quả tận dụng CPTPP trong 02 năm đầu của Hiệp định chưa đạt được kỳ vọng.

7. Về tính thống nhất, tất cả các quy định trong các văn bản này đều bảo đảm phù hợp với Hiến pháp (hợp hiến), phù hợp với các quy định pháp luật trong văn bản cấp cao hơn, đúng thẩm quyền, trình tự, thể thức (hợp pháp), và cơ bản hài hòa, không mâu thuẫn với các quy định khác trong hệ thống pháp luật liên quan (thống nhất trong hệ thống pháp luật).

8. Về tính tương thích, ngoại trừ một vài trường hợp hãn hữu, phần lớn các quy định trong các VBQPPL này đều tương thích với cam kết CPTPP mà chúng “nội luật hóa”.

Trong đa số các trường hợp (ưu đãi thuế quan, quy tắc xuất xứ, biện pháp kỹ thuật...), sự tương thích này được bảo đảm thông qua việc chuyển tải gần như nguyên văn nội dung cốt lõi cam kết vào quy định nội địa, hoặc chỉ có một số điều chỉnh nhỏ với cam kết để bảo đảm sự thống nhất về kỹ thuật và hài hòa về trình tự trong cơ chế nội địa liên quan.

Một số quy định “nội luật hóa” cam kết trong các văn bản thực thi CPTPP có nội dung vượt chuẩn cam kết, thực hiện các cam kết ở mức cao hơn yêu cầu hoặc với lộ trình sớm hơn (ví dụ về các yêu cầu minh bạch trong thủ tục đấu thầu).

Một số trường hợp quy định “nội luật hóa” có điều chỉnh nhất định so với yêu cầu của cam kết gốc (về phạm vi, điều kiện...) nhằm bảo đảm sự hài hòa, hợp lý và nhất quán trong bối cảnh pháp luật nội địa Việt Nam.

Bên cạnh đó, vẫn tồn tại một vài trường hợp đơn lẻ mà ở đó quy định/cơ chế chưa đủ để bảo đảm thực thi các cam kết CPTPP trên thực tế và do đó cần được điều chỉnh để bảo đảm tuân thủ cam kết (ví dụ về yêu cầu bước giá trong đấu giá hạn ngạch ô tô cũ) hoặc cần được xây dựng kịp thời (cơ chế cụ thể về tổ chức đại diện người lao động tại doanh nghiệp trong pháp luật lao động).

9. *Về tính minh bạch và khả thi*, hầu như tất cả các quy định đều được thiết kế hợp lý, rõ ràng, chặt chẽ, bảo đảm khả thi trên thực tế. Mặc dù vậy, vẫn còn một số vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai các văn bản này trên thực tế, nhất là về quy tắc xuất xứ và hạn ngạch thuế quan CPTPP. Ví dụ quy định sử dụng từ/thuật ngữ kỹ thuật mà không có giải thích rõ ràng (quy tắc xuất xứ mặt hàng), quy định chưa thống nhất về thủ tục (xác minh hải quan về xuất xứ), quy định đưa ra các điều kiện chưa thật hợp lý (điều kiện nhập khẩu ô tô cũ). Một phần trong các vướng mắc này đã được cơ quan quản lý xử lý thông qua việc ban hành công văn hướng dẫn hoặc bằng cách sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan. Tuy nhiên vẫn còn một số bất cập cần tiếp tục điều chỉnh, hoàn thiện.

Các bất cập thực tiễn này mặc dù không ảnh hưởng tới việc thực hiện nghĩa vụ cam kết của Việt Nam hay lợi ích của các đối tác CPTPP nhưng có thể gây ảnh hưởng bất lợi tới việc tận dụng các cơ hội từ CPTPP của doanh nghiệp Việt Nam và vì vậy cần được xem xét điều chỉnh thích hợp.

10. *Về tác động giới*, trong số 11 VBQPPL thực thi CPTPP đã được ban hành, chỉ có 01 văn bản (Bộ luật Lao động 2019) có các quy định có tác động về giới. Rà soát cho thấy có 13 nhóm quy định mới được sửa đổi/bổ sung trong Bộ luật Lao động 2019 liên quan tới các cam kết CPTPP về lao động có tác động về giới. Tất cả các quy định này đều được thiết kế theo hướng tạo hiệu quả tốt hơn về giới, tạo điều kiện thuận lợi hơn, bình đẳng và có lợi hơn cho lao động nữ so với quy định trước đó.

11. *Về các hoạt động XDPL chuẩn bị cho việc thực thi các cam kết CPTPP có hiệu lực theo lộ trình*, rà soát cho thấy trong thời gian vừa qua đã có tổng cộng 04 dự thảo VBQPPL được soạn thảo nhằm thực thi 11 nhóm cam kết CPTPP có lộ trình thực thi từ 2022-2024 thuộc 03 Chương (Mở cửa thị trường hàng hóa, Sở hữu trí tuệ, Lao động). Các văn bản này bao gồm 03 dự thảo Luật (Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi, Bộ luật Tố tụng hình sự sửa đổi, Luật Công đoàn sửa đổi) và 01 Nghị định (Dự thảo Nghị định về quản lý hàng tân trang). Về nội dung, rà soát các dự thảo 04 VBQPPL này tại thời điểm 9/2021 cho thấy tất cả các quy định “nội luật hóa” cam kết CPTPP đều bảo đảm tương thích với yêu cầu cam kết. Về thời gian, với tiến độ đã đạt được tới thời điểm rà soát, dự kiến tất cả các văn bản này đều sẽ được xem xét và/hoặc ban hành cuối 2021.

12. Việt Nam cũng đang trong quá trình thực thi các FTA thế hệ mới tiêu chuẩn cao, với các yêu cầu tương tự CPTPP về xây dựng pháp luật, thể chế. Những *bài học kinh nghiệm từ các hoạt động XDPL thực thi CPTPP giai đoạn 2019-2021 và hàm ý chính sách* từ đây rất cần được chú ý.

Trước hết, hoạt động rà soát tính tương thích với cam kết FTA và lập kế hoạch XDPL thực thi cam kết cần được thực hiện một cách bao trùm hơn (với các văn bản được rà soát ở tất cả các cấp độ), có tính liên ngành (rà soát tất cả các chế định liên quan tới cam kết mà không bị giới hạn ở phạm vi thẩm quyền quản lý theo từng bộ ngành), minh bạch và tham vấn đầy đủ với các đối tượng liên quan.

Về quá trình soạn thảo, để văn bản thực thi cam kết được ban hành sớm nhất có thể, việc soạn thảo nội dung cần được thực hiện càng sớm càng tốt, thậm chí từ khi văn kiện FTA được ký kết chính thức mà không chờ tới khi phê chuẩn. Đồng thời, kế hoạch XDPL thực thi cần nêu rõ văn bản được ban hành theo trình tự thủ tục rút gọn, qua đó tạo điều kiện để cơ quan soạn thảo đẩy nhanh tiến trình về thủ tục.

Về nội dung các quy định nội luật hóa cam kết, để bảo đảm quy định không chỉ tuân thủ đúng cam kết mà còn phù hợp nhất có thể với các lợi ích của doanh nghiệp Việt Nam, cơ quan soạn thảo cần đặc biệt chú trọng hoạt động tham vấn doanh nghiệp và các đối tượng chịu tác động trong quá trình dự thảo. Thông tin cung cấp cho doanh nghiệp nên bao gồm không chỉ dự thảo văn bản mà còn các tài liệu thuyết minh và giải trình, từ đó tăng hiệu quả thực chất của các ý kiến tham vấn.

Quá trình thực thi cam kết cần được cơ quan chủ trì soạn thảo và thực thi theo dõi thường xuyên, cần triển khai các biện pháp phổ biến tuyên truyền rộng rãi và thiết lập các đầu mối tư vấn hướng dẫn cụ thể (đặc biệt là về quy tắc xuất xứ). Đồng thời, các cơ quan này cần duy trì cơ chế tiếp nhận nhanh các phản ánh vướng mắc từ thực tiễn, xử lý ngay các bất cập cũng như sửa đổi, điều chỉnh quy định khi cần thiết.

Cuối cùng, các hoạt động xây dựng pháp luật thực thi các FTA cần được xem xét mở rộng mục tiêu, không chỉ giới hạn ở việc thực hiện những “lời hứa” với đối tác FTA, mà còn cần đi xa hơn thế, xây dựng pháp luật để đáp ứng chính nhu cầu nội tại của chúng ta trong quá trình hội nhập FTA, qua đó hỗ trợ doanh nghiệp và nền kinh tế tận dụng ở mức tốt nhất có thể các cam kết FTA, vì sự phát triển bao trùm và bền vững của Việt Nam./



Phần thứ nhất

TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG PHÁP LUẬT THỰC THI CPTPP

Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) là hiệp định thương mại tự do giữa 11 nước thành viên, bao gồm Australia, Canada, Chile, Brunei, Mexico, Malaysia, New Zealand, Nhật Bản, Peru, Singapore và Việt Nam. Hiệp định hiện đang có hiệu lực với 08 thành viên đã hoàn tất thủ tục phê chuẩn¹. Với Việt Nam, CPTPP có hiệu lực từ ngày 14/1/2019, trở thành hiệp định thương mại tự do (FTA) thứ 11 đưa vào thực thi trên thực tế.

Trong tiến trình hội nhập FTA của Việt Nam, CPTPP là Hiệp định đầu tiên được phê chuẩn bởi Quốc hội Việt Nam, mà lý do là CPTPP có các cam kết làm thay đổi các quy định pháp luật ở cấp Luật, Nghị quyết của Quốc hội. CPTPP cũng là FTA đầu tiên mà Chính phủ có Kế hoạch thực hiện CPTPP, trong đó có xây dựng pháp luật là nhóm nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, với nhiều văn bản pháp luật cần được xây dựng mới hoặc điều chỉnh, bổ sung. Công tác xây dựng pháp luật thực thi CPTPP trở thành điểm khác biệt nổi bật của Hiệp định so với 10 FTA đang thực thi trước đó của Việt Nam.

Phần này đưa ra bức tranh tổng quan về hoạt động xây dựng pháp luật thực thi CPTPP thông qua việc diễn giải các vấn đề cơ bản của hoạt động xây dựng pháp luật thực thi CPTPP ở Việt Nam (Mục I) và từ đó nhận diện các nhiệm vụ xây dựng pháp luật cụ thể nhằm thực thi CPTPP của Việt Nam (Mục II). Đây sẽ là các thông tin tiền đề quan trọng để rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động xây dựng pháp luật thực thi CPTPP của Việt Nam trong giai đoạn vừa qua (2019–2021) và sự chuẩn bị cho công tác này ở những năm tiếp theo trong tiến trình thực thi Hiệp định quan trọng này.

¹ Bao gồm Australia, Canada, Mexico, New Zealand, Nhật Bản, Peru, Singapore và Việt Nam (trong đó Peru là thành viên mới nhất phê chuẩn CPTPP, bắt đầu thực thi CPTPP từ 19/9/2021).



I

Những vấn đề cơ bản
về hoạt động xây dựng pháp luật
thực thi CPTPP



Bối cảnh và sự cần thiết của việc xây dựng pháp luật thực thi CPTPP

CPTPP có hiệu lực từ ngày 14/1/2019 với Việt Nam, đồng nghĩa với tất cả các cam kết của Việt Nam trong CPTPP (ngoại trừ các trường hợp có bảo lưu về lộ trình thực hiện muộn hơn) đều bắt đầu phải được đưa vào thực thi từ thời điểm này.

Tuy nhiên, về mặt pháp lý, các cam kết CPTPP chỉ bao gồm các cam kết ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các Bên tham gia, tức là các Nhà nước thành viên CPTPP đã ký và phê chuẩn Hiệp định. Do đó, để các cam kết này phát huy hiệu lực và tác động trên thực tế với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân cụ thể, cần thiết phải có các hành động của Nhà nước để chuyển hóa các cam kết này thành các quyền và nghĩa vụ cụ thể cho các chủ thể trên lãnh thổ nước mình cũng như của đối tác trong quan hệ thương mại với mình. Quá trình này thường được biết đến như là quá trình “nội luật hóa” cam kết FTA.

Đối với Việt Nam, quá trình “nội luật hóa”² các cam kết CPTPP này được thực hiện thông qua một hoặc hai cách thức sau:

- Cho phép áp dụng trực tiếp các cam kết CPTPP bằng Nghị quyết của Quốc hội

Nghị quyết số 72/2018/QH14 của Quốc hội phê chuẩn CPTPP (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 72) liệt kê 15 cam kết/nhóm cam kết (được xác định theo tên điểm, khoản, điều, nội dung cụ thể theo Văn kiện CPTPP) sẽ được áp dụng trực tiếp khi Hiệp định CPTPP có hiệu lực đối với Việt Nam (Phụ lục 2 Nghị quyết 72). Như vậy, 15 cam kết/nhóm cam kết CPTPP được liệt kê đã được “nội luật hóa tự động”, có thể áp dụng ngay khi Hiệp định có hiệu lực, trở thành căn cứ hợp pháp cho các hoạt động tương ứng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân mà không cần viện dẫn tới quy định pháp luật nội địa nào.

Về nội dung, chiếm phần lớn trong số các cam kết được áp dụng trực tiếp là nhóm các cam kết mở cửa thị trường hàng hóa (Biểu cam kết ưu đãi thuế quan của Việt Nam trong CPTPP), dịch vụ và đầu tư (Danh mục các biện pháp không tương thích), cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư giữa nhà đầu tư nước ngoài và Nhà nước (ISDS). Một phần nhỏ là một số cam kết về các định nghĩa khái niệm, hoặc các nghĩa vụ đủ rõ, đủ chi tiết, có thể thực hiện ngay³.

² Chú ý: trong phạm vi báo cáo này, khái niệm “nội luật hóa” được hiểu là quá trình đưa các cam kết FTA thành quy định trong pháp luật nội địa để áp dụng cho các tổ chức, cá nhân ngoài Nhà nước. Khái niệm này có thể khác so với khái niệm “nội luật hóa” trong các tranh cãi học thuật, hàn lâm về vấn đề này.

³ Về tính chất, đây là các cam kết CPTPP có nội dung được đánh giá là “đủ rõ, đủ chi tiết để thực hiện” theo quy định tại Điều 16.2 Luật Điều ước quốc tế 2016 và do đó đủ điều kiện để có thể áp dụng trực tiếp. Tuy nhiên, trên thực tế, việc lựa chọn áp dụng trực tiếp một số nhóm cam kết CPTPP còn có thể xuất phát từ một số lý do kỹ thuật, nhằm bảo đảm nghĩa vụ thực thi của Việt Nam cũng như quyền và lợi ích của các chủ thể liên quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực mà không hẳn là bởi chúng đã “đủ rõ, đủ chi tiết”.

- **Ban hành các quy định pháp luật mới, hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các quy định pháp luật đang có để thực thi các cam kết CPTPP**

Ngoại trừ các cam kết được áp dụng trực tiếp theo Nghị quyết 72 của Quốc hội, về nguyên tắc tất cả các cam kết CPTPP còn lại sẽ không được áp dụng trực tiếp ở Việt Nam. Và vì vậy suy đoán là để có thể áp dụng các cam kết này cho các tổ chức, cá nhân, thì cần “nội luật hóa” các cam kết này thông qua việc ban hành các quy định pháp luật mới, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các quy định pháp luật đang có.

Tuy nhiên, không phải tất cả các cam kết trong nhóm không được áp dụng trực tiếp này đều cần “nội luật hóa” (ví dụ các cam kết không liên quan tới các tổ chức, cá nhân ngoài Nhà nước, các cam kết mà pháp luật Việt Nam đã có quy định tương ứng/tương thích...). Vì vậy, trên thực tế các cam kết phải được “nội luật hóa” theo cách này được giới hạn ở nhóm nhỏ hơn, bao gồm các cam kết mà pháp luật Việt Nam hiện chưa tương thích, các cam kết mà việc thực thi đòi hỏi phải có hướng dẫn cụ thể trên thực tế bằng các quy định pháp luật...

Trong so sánh với tất cả các FTA đã có hiệu lực trước đó của Việt Nam, công tác “nội luật hóa” cam kết CPTPP được đặt ra vừa có điểm giống và khác.

Cụ thể, **tương tự như 10 FTA đã có hiệu lực trước đó**, CPTPP bao gồm các cam kết về ưu đãi thuế quan và quy tắc xuất xứ, các cam kết cần được hướng dẫn cụ thể bằng các quy định của pháp luật nội địa để có thể áp dụng cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

- **Đối với các cam kết ưu đãi thuế quan:** Xuất phát từ các đặc điểm kỹ thuật của các cam kết này⁴, từ yêu cầu liên quan của pháp luật Việt Nam⁵, để tổ chức thực hiện các cam kết về ưu đãi thuế đối với hàng hóa nhập khẩu, cơ quan có thẩm quyền phải thực hiện việc xây dựng và ban hành Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện CPTPP;
- **Đối với các cam kết về quy tắc xuất xứ:** Theo thông lệ chung đối với tất cả các FTA của Việt Nam, các cơ quan có thẩm quyền phải xây dựng văn bản pháp luật mới nhằm hướng dẫn về quy tắc xuất xứ cụ thể đối với hàng hóa; và điều chỉnh các quy định liên quan về xác minh xuất xứ (trong thủ tục hải quan) đối với hàng hóa muốn hưởng ưu đãi thuế quan CPTPP.

Tuy nhiên, **khác với tất cả các FTA đã có trước đó**, CPTPP là một FTA thế hệ mới, tiêu chuẩn cao thực chất, đòi hỏi khối lượng công việc “nội luật hóa” cam kết lớn hơn, tính chất công việc cũng phức tạp hơn, ở các khía cạnh thậm chí chưa từng đặt ra trong các FTA trước đó:

⁴ Ví dụ liên quan tới các cam kết ưu đãi thuế quan, một số vấn đề kỹ thuật sau đây đòi hỏi Việt Nam phải nội luật hóa cam kết này (i) Biểu cam kết thuế quan CPTPP không sử dụng cùng hệ thống mã HS theo Danh mục mã HS đang có hiệu lực của Việt Nam; (ii) Mức thuế cam kết trong Biểu cam kết CPTPP xác định theo thứ tự năm thực hiện tính từ khi CPTPP có hiệu lực, không xác định theo năm thực tế; (iii) Mức cam kết thuế quan áp dụng cho mỗi đối tác và thời gian áp dụng là khác nhau.

⁵ Theo quy định tại Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (đặc biệt là các Điều 10, 11) thì việc thực thi các cam kết ưu đãi thuế quan của Việt Nam trong các FTA phải được thực hiện trên thực tế thông qua việc ban hành các Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt, Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi bởi Chính phủ (dưới hình thức Nghị định ban hành các Biểu thuế ưu đãi) mặc dù về lý thuyết thì các cam kết này có thể được áp dụng trực tiếp (ví dụ bằng Nghị quyết phê chuẩn CPTPP của Quốc hội hay Nghị quyết phê duyệt FTA của Chính phủ nếu các biện pháp ưu đãi vẫn nằm trong khoảng dao động mức thuế suất tối đa và tối thiểu mà Quốc hội quy định trong Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu).

- *Đòi hỏi “nội luật hóa” từ tính chất “thế hệ mới” của CPTPP:*

Được coi là một trong những FTA thế hệ mới điển hình, CPTPP có phạm vi cam kết rộng hơn tất cả các FTA trước đó, với nhiều chế định thương mại mới hoặc lần đầu tiên được cam kết trong một FTA (như thương mại điện tử, doanh nghiệp Nhà nước, mua sắm Chính phủ...), và các chế định về các khía cạnh phi thương mại nhưng có mối liên hệ không tách rời với hoạt động thương mại (như lao động, môi trường...).

Ở phần lớn các chế định thuộc diện “thế hệ mới” này, các cam kết của CPTPP được thiết kế một cách thực chất, với các yêu cầu chi tiết và cụ thể liên quan trực tiếp tới nhiều cơ chế quản lý, quy tắc thương mại-đầu tư “đằng sau đường biên giới”, trong hệ thống pháp luật-chính sách nội địa Việt Nam. Vì vậy, nhiều quy định pháp luật nội địa vốn trước đây chưa từng chịu ràng buộc bởi các cam kết FTA nay cũng sẽ phải chịu sự ràng buộc của các cam kết CPTPP, và vì vậy có thể phải điều chỉnh, sửa đổi, hoặc có quy định mới riêng để đáp ứng yêu cầu cam kết CPTPP.

- *Đòi hỏi “nội luật hóa” từ tính chất “tiêu chuẩn cao” của CPTPP:*

Tính chất “tiêu chuẩn cao” của CPTPP thể hiện chủ yếu ở các cam kết quy tắc (i) có các yêu cầu/đòi hỏi cao hơn mức của các cam kết WTO về cùng vấn đề (còn gọi là các “cam kết WTO+”, ví dụ các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ, về biện pháp đầu tư...) hoặc (ii) có yêu cầu cao hơn hiện trạng pháp luật ở một/các nước thành viên trong các khía cạnh mà WTO không đề cập (ví dụ các cam kết về lao động, môi trường, thương mại điện tử...).

Trong khi đó, là thành viên của WTO từ năm 2007, hệ thống pháp luật liên quan tới thương mại, đầu tư nói chung của Việt Nam cơ bản được xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn liên quan của WTO. Trong các trường hợp WTO không có cam kết, là một nền kinh tế đang phát triển có trình độ thấp, các lựa chọn pháp luật của Việt Nam thường là theo các tiêu chuẩn thông thường/phổ biến của thế giới, phù hợp với hiện trạng năng lực quản lý và đáp ứng của doanh nghiệp Việt Nam. Do đó, việc thực thi các cam kết “tiêu chuẩn cao” này của CPTPP đòi hỏi Việt Nam phải có những điều chỉnh cần thiết để hệ thống pháp luật, thể chế nội địa tương thích với yêu cầu của CPTPP.



Về các mục tiêu và giới hạn của hoạt động xây dựng pháp luật thực thi CPTPP

Về mặt logic, mục tiêu cốt lõi của các hoạt động xây dựng pháp luật thực thi CPTPP là nhằm bảo đảm sự tuân thủ trên thực tế của Việt Nam với các cam kết bắt buộc của CPTPP.

Trên thực tế, các hoạt động xây dựng pháp luật thực thi CPTPP ở Việt Nam tập trung vào 02 mục tiêu cụ thể sau đây:

- *Mục tiêu 1: Bảo đảm sự tương thích của pháp luật nội địa với các cam kết CPTPP*

Một số cam kết CPTPP có yêu cầu cao hơn chuẩn thông thường vốn được áp dụng ở Việt Nam hoặc chưa từng được đề cập trong pháp luật Việt Nam, dẫn tới tình huống quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành chưa bảo đảm tương thích (trái, mâu thuẫn hoặc không phù hợp với cam kết). Trong các trường hợp như vậy, để bảo đảm tuân thủ các cam kết này của CPTPP, Việt Nam sẽ phải tiến hành sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh pháp luật.

Ví dụ nổi bật cho các trường hợp này là các cam kết CPTPP tiêu chuẩn WTO+ về sở hữu trí tuệ (trong khi pháp luật nội địa Việt Nam đang duy trì bảo hộ ở tiêu chuẩn WTO), các cam kết về quyền tự do liên kết của người lao động (trong khi pháp luật Việt Nam chỉ ghi nhận một công đoàn thống nhất), các cam kết về mở cửa thị trường mua sắm Chính phủ cho đối tác CPTPP (trong khi pháp luật Việt Nam về nguyên tắc là chưa mở cửa cho đấu thầu quốc tế)...

- *Mục tiêu 2: Bảo đảm các cam kết CPTPP có thể được triển khai khả thi trên thực tế*

Tùy thuộc vào tính chất, cơ chế quản lý và hiện trạng pháp luật thể chế của mỗi nước, một số cam kết CPTPP chỉ có thể triển khai trên thực tế sau khi có quy định pháp luật nội địa cụ thể hướng dẫn các nguyên tắc và cách thức tổ chức thực hiện (đối với cả cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức, cá nhân liên quan). Nếu thiếu các quy định hướng dẫn này, ngay cả khi về mặt pháp lý các cam kết được phép áp dụng trực tiếp, việc thực hiện trên thực tế các cam kết này cũng không khả thi.

Ví dụ điển hình nhất cho tình huống này là các cam kết về ưu đãi thuế quan. Mặc dù các cam kết về ưu đãi thuế quan của Việt Nam trong CPTPP đã được phép áp dụng trực tiếp theo Nghị quyết 72 của Quốc hội, Chính phủ sau đó vẫn phải thực hiện việc nội luật hóa các cam kết này thông qua việc xây dựng và ban hành Nghị định về Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực thi cam kết này trên thực tế.

Bên cạnh 02 mục tiêu này, cũng có nhiều ý kiến cho rằng Việt Nam cần chủ động thực hiện hoạt động xây dựng pháp luật nhằm các mục tiêu rộng hơn - đáp ứng các nhu cầu nội tại của chính Việt Nam trong bối cảnh hội nhập CPTPP và các FTA⁶. Tuy nhiên, cho tới nay, đây vẫn mới chỉ là các đề xuất từ góc độ chuyên gia là chủ yếu. Hoạt động xây dựng pháp luật thực thi CPTPP của Việt Nam trên thực tế vẫn đang cơ bản thực hiện bám sát các yêu cầu bắt buộc trong các cam kết CPTPP, theo 02 mục tiêu như nêu ở trên.

Với việc chỉ tập trung vào 02 mục tiêu này, xét về số lượng, hoạt động xây dựng pháp luật thực thi CPTPP ở Việt Nam khiêm tốn hơn đáng kể so với quy mô các cam kết trong Văn kiện CPTPP.

Hộp 1 – Các nhóm cam kết CPTPP không phải “nội luật hóa”

(i) Nhóm các cam kết CPTPP mà pháp luật Việt Nam đã tương thích tại thời điểm phê chuẩn Hiệp định này

Rà soát tính tương thích của pháp luật Việt Nam với các cam kết CPTPP cho thấy các quy định pháp luật tại thời điểm phê chuẩn CPTPP (cuối năm 2018) của Việt Nam đã tương thích với phần lớn các cam kết CPTPP.

Điều này có thể xuất phát từ nhiều lý do, ví dụ:

- Việt Nam đã chủ động “nâng chuẩn” trong nhiều khía cạnh pháp luật về thương mại, đầu tư (đặc biệt giai đoạn 2010-2018 đã có những sửa đổi tổng thể đối với nhiều văn bản pháp luật quan trọng theo hướng cải cách mạnh, xây dựng và hoàn thiện các yếu tố kinh tế thị trường trong nhiều lĩnh vực⁷).
- Một số văn bản pháp luật của Việt Nam đã chủ động sửa đổi theo các “chuẩn CPTPP” ngay trong quá trình Hiệp định này đàm phán do các “chuẩn” này phù hợp với định hướng cải cách của Việt Nam⁸.



⁶ Có thể thống kê 02 nhóm đề xuất xây dựng pháp luật thực thi CPTPP “vượt ra ngoài yêu cầu cam kết” sau đây:

– Xây dựng pháp luật nhằm tạo mạng lưới, hệ thống quy định thống nhất tạo điều kiện thực thi hiệu quả các cam kết CPTPP (ví dụ sửa đổi các quy định của pháp luật về bồi thường nhà nước, trung thu trung dụng... để thực hiện tốt hơn các cam kết về bảo hộ đầu tư);

– Xây dựng pháp luật nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại, đầu tư, qua đó thúc đẩy khả năng tận dụng, hiện thực hóa các lợi ích dự báo từ CPTPP (ví dụ sửa đổi các quy định chung về hải quan, kiểm tra chuyên ngành, đầu thầu... cao hơn mức cam kết).

⁷ Quá trình này được triển khai trên cơ sở hoạt động xây dựng pháp luật thi hành Hiến pháp 2013 và tiếp tục triển khai Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị ban hành Chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng 2020.

⁸ Ví dụ: Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp 2015 đã ghi nhận các nguyên tắc CPTPP về bảo hộ đầu tư, thủ tục trình tự đầu tư kinh doanh

Hộp 1 – Các nhóm cam kết CPTPP không phải “nội luật hóa”

(ii) Nhóm các cam kết CPTPP mà việc thực thi trên thực tế ở Việt Nam không đòi hỏi phải thực hiện thông qua các quy định pháp luật cụ thể

Một tỷ lệ đáng kể các cam kết trong CPTPP mặc dù chưa được đề cập trong hệ thống thiết chế, pháp luật hiện hành nhưng là các vấn đề kỹ thuật có thể được giải quyết thông qua các quyết định hành chính mà không cần điều chỉnh bằng các văn bản pháp luật, ví dụ các cam kết về:

- Việc thành lập các thiết chế theo quy định của CPTPP, với thành viên tham gia là quan chức, cơ quan đại diện Chính phủ các nước CPTPP (14 Hội đồng, Ủy ban và các Nhóm công tác của CPTPP);
- Các khía cạnh hợp tác, trao đổi thông tin liên lạc, đàm phán tương lai... giữa Chính phủ các nước (đàm phán kết nạp thành viên mới, đầu mối thông tin liên lạc của mỗi nước thành viên về các vấn đề CPTPP...);
- Các cam kết mà việc thực thi có thể được triển khai bằng các chính sách, quyết định hành chính hoặc hành động cụ thể mà không phải là các quy định pháp luật⁹.

Trên thực tế, để thực thi phần lớn các cam kết dạng này, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 734/QĐ-TTg ngày 14/6/2019 chỉ định các cơ quan đầu mối để triển khai thực hiện Hiệp định CPTPP. Đồng thời rất rõ các những quyết định cấp Bộ hoặc các văn bản hành chính khác liên quan tới việc thực thi các cam kết này.

(iii) Nhóm các cam kết CPTPP về các ràng buộc tương lai mà không phải là các yêu cầu cụ thể cho hiện tại

Một phần không nhỏ các cam kết của CPTPP, đặc biệt là các cam kết quy tắc, không buộc các nước thành viên phải thực hiện một yêu cầu hoặc áp dụng một tiêu chuẩn nào cụ thể mà ràng buộc các chính sách, pháp luật trong tương lai của nước thành viên đó. Ví dụ:

- Các cam kết về lao động yêu cầu các nước thành viên trong tương lai không được miễn trừ hoặc giảm nhẹ hiệu lực pháp lý của các quy định về quyền lao động ghi nhận trong CPTPP hay từ chối thực thi các quy định này theo cách làm ảnh hưởng tới thương mại – đầu tư với các bên khác trong CPTPP;
- Chương môi trường CPTPP cũng có cam kết với nội dung gần tương tự;
- Các Chương khác về thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư... cũng bao gồm một số cam kết dạng này.



⁹ Ví dụ các cam kết về quy trình thủ tục nhận đơn thư khiếu nại của công chúng về thực thi Chương lao động CPTPP, đối thoại về lao động; cam kết về hợp tác hải quan trong phòng chống gian lận, xác minh xuất xứ; cam kết về hỗ trợ cung cấp thông tin cho doanh nghiệp nhỏ và vừa về CPTPP...

Hộp 1 – Các nhóm cam kết CPTPP không phải “nội luật hóa”

Việc thực thi phần lớn các cam kết dạng này không đòi hỏi Việt Nam phải ban hành, điều chỉnh, hay bổ sung các quy định pháp luật nội địa nào mà chỉ phải tuân thủ các giới hạn/khung khổ nếu có các biện pháp liên quan trong tương lai.¹⁰

(iv) Nhóm các cam kết CPTPP không phải là nghĩa vụ bắt buộc mà là các khuyến nghị hoặc quyền lựa chọn

Các cam kết này phần lớn thuộc 02 nhóm:

- Nhóm các cam kết về quyền/ngoại lệ mà Việt Nam có thể tận dụng nếu muốn mà không bắt buộc phải thực hiện (ví dụ các cam kết về ngoại lệ cho phép giới hạn các quyền sở hữu trí tuệ đối với dược phẩm theo Tuyên bố của Hiệp định TRIPS và sức khỏe cộng đồng; cam kết bảo lưu quyền ưu tiên cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong các gói thầu mở cửa cạnh tranh theo CPTPP...)¹¹;
- Nhóm các cam kết mang tính khuyến nghị, không bắt buộc, dạng “khuyến khích”, “nên”, “có thể”, “sẽ nỗ lực”, “ghi nhận tầm quan trọng”... (ví dụ các cam kết khuyến khích trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, sử dụng các cơ chế linh hoạt và tự nguyện để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường...).

¹⁰ Các cam kết kiểu này làm giảm đáng kể áp lực “nội luật hóa” cam kết CPTPP của Việt Nam. Mặc dù vậy, xét trong lâu dài, việc thực thi các cam kết dạng này được cho là rất thách thức, đòi hỏi nỗ lực lớn của các cơ quan Nhà nước ở cả trung ương và địa phương. Lý do là bởi để thực thi các cam kết “ràng buộc với tương lai” này, Việt Nam phải bảo đảm tất cả các cơ quan Nhà nước liên quan phải hiểu đúng và tuân thủ cam kết trong quá trình ban hành bất kỳ văn bản pháp luật nào liên quan.

¹¹ Trên thực tế, đối với một số các cam kết thuộc diện này, đặc biệt là các cam kết về ngoại lệ được phép, tùy nhu cầu quản lý và khả năng tận dụng trên thực tế, Việt Nam vẫn nên xem xét các hoạt động xây dựng pháp luật thích hợp để có thể tận dụng hiệu quả các quyền/ngoại lệ đã được ghi nhận này, qua đó mang lại lợi ích thực tiễn cho các nhóm đối tượng liên quan.



II

Nhận diện các
hoạt động xây dựng pháp luật
thực thi CPTPP



Rà soát tính tương thích của pháp luật Việt Nam với cam kết CPTPP

Với các mục tiêu “nội luật hóa” CPTPP như nêu ở trên, để nhận diện các hoạt động xây dựng pháp luật (XDPL) thực thi CPTPP, cần rà soát tính tương thích của các quy định trong hệ thống pháp luật nội địa hiện hành với từng cam kết CPTPP.

Trên thực tế, để chuẩn bị cho việc phê chuẩn và triển khai thực thi CPTPP, Việt Nam đã tiến hành một đợt rà soát để đánh giá tác động của các cam kết CPTPP với hệ thống pháp luật Việt Nam, qua đó xác định các văn bản, quy định pháp luật cụ thể phải được sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới nhằm thực thi CPTPP.

Theo báo cáo của Chính phủ¹², Bộ Tư pháp đã được giao chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành liên quan rà soát các luật, pháp luật, nghị định đang có hiệu lực (tại thời điểm 30/4/2018) với các cam kết CPTPP. Đã có tổng cộng 265 văn bản được rà soát trong đợt này, bao gồm 56 luật, 4 pháp lệnh, 186 nghị định, 02 nghị quyết của Quốc hội, 02 nghị quyết của Chính phủ, 01 nghị quyết của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao và 14 quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Các văn bản cấp thông tư không được rà soát trong đợt này.

Sau rà soát, Chính phủ trình kiến nghị với Quốc hội các hoạt động XDPL thực thi CPTPP thuộc thẩm quyền của Quốc hội như sau:

- Kiến nghị sửa đổi bổ sung 07 luật (không tính 01 luật¹³ đã được Quốc hội thông qua tháng 6/2018);
- Kiến nghị áp dụng trực tiếp 15 cam kết/nhóm cam kết.

Đồng thời, dựa trên kết quả của đợt rà soát nói trên, Chính phủ cũng dự kiến danh mục các văn bản dưới luật/nghị quyết của Quốc hội (tức văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, các Bộ ngành) cần sửa đổi, bổ sung để thực thi cam kết CPTPP.

Ngoài ra, Chính phủ cũng giao Bộ Tư pháp tiếp tục chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiếp tục thực hiện việc rà soát pháp luật trong quá trình thực thi CPTPP để cập nhật, điều chỉnh, bổ sung nếu cần thiết. Trên thực tế, mặc dù chưa nhận diện được một cách chính xác đợt rà soát thứ hai này, các hành động cụ thể của các Bộ ngành trong việc sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới các văn bản pháp luật trên thực tế (với một số trường hợp không nằm trong dự kiến của Quốc hội hay Kế hoạch thực thi CPTPP ban đầu của Chính phủ) cho thấy các cơ quan hữu quan đã từng bước thực hiện việc rà soát đợt hai này.

¹² Báo cáo số 522/BC-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ báo cáo thuyết minh về Hiệp định CPTPP, trong Tài liệu về việc trình Quốc hội xem xét phê chuẩn Hiệp định CPTPP và các Văn kiện liên quan

¹³ Luật Tố cáo 2018

2

Kế hoạch xây dựng pháp luật thực thi CPTPP của Việt Nam

Rà soát cho thấy liên quan tới việc xác định các hoạt động XDPL thực thi CPTPP, có ít nhất là 03 nhóm kế hoạch sau đây:

- Dự kiến các hoạt động XDPL thực thi CPTPP của Quốc hội: Kế hoạch này được nêu tại Phụ lục 3 Nghị quyết 72/2018/NQ-QH14 của Quốc hội, chỉ bao gồm các hoạt động XDPL liên quan tới văn bản luật (thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội);
- Kế hoạch xây dựng pháp luật thực thi CPTPP của Chính phủ: Nêu tại Phụ lục Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP ban hành kèm theo Quyết định 121/QĐ-TTg ngày 24/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ, liệt kê tất cả các văn bản cần xây dựng, sửa đổi, bổ sung;
- Các kế hoạch xây dựng pháp luật thực thi CPTPP của các Bộ ngành: Các kế hoạch này được nêu tại các Quyết định ban hành kế hoạch thực hiện CPTPP của từng Bộ ngành¹⁴; trong đó liệt kê các hoạt động XDPL liên quan tới các văn bản pháp luật mà Bộ chịu trách nhiệm soạn thảo và/hoặc ban hành (có thể là luật, nghị định, thông tư).

Về nội dung, các kế hoạch này có nhiều khía cạnh trùng lặp nhau, do một văn bản có thể xuất hiện trong nhiều kế hoạch, của cả cơ quan soạn thảo và cơ quan có thẩm quyền ban hành. Tuy nhiên, đáng chú ý là có nhiều điểm khác biệt trong kế hoạch thực hiện CPTPP của Chính phủ với kế hoạch của các Bộ ngành về cùng vấn đề liên quan¹⁵, ví dụ:

- Các kế hoạch có thể dự kiến không giống nhau về hình thức văn bản, phạm vi điều chỉnh, thời hạn ban hành¹⁶;
- Một số trường hợp văn bản không có trong kế hoạch của Chính phủ nhưng lại có trong kế hoạch của các Bộ ngành liên quan và ngược lại.

Về thời gian triển khai, các hoạt động XDPL thực thi CPTPP cơ bản được chia làm 02 đợt. Đợt đầu gồm các hoạt động XDPL nhằm thực thi các cam kết CPTPP có hiệu lực ngay (từ 14/1/2019). Đợt thứ hai bao gồm các hoạt động XDPL nhằm thực thi các cam kết CPTPP có lộ trình thực thi sau 03-05 năm (từ 2022-2024).

¹⁴ Có tổng cộng 19 Bộ ngành đã ban hành Kế hoạch thực hiện CPTPP của Bộ mình, trong đó 08 Bộ có hoạt động xây dựng pháp luật cụ thể thực thi CPTPP (bao gồm Bộ Công Thương; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Tài chính; Bộ Lao động, Thương binh, và Xã hội; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tư pháp; Bộ Y tế)

¹⁵ Thực tế này được cho là xuất phát từ các điều chỉnh của các Bộ ngành trên cơ sở các hoạt động rà soát thực tiễn trong quá trình thực thi CPTPP của họ (đợt rà soát bổ sung).

¹⁶ Xem cụ thể tại Cột “Ghi chú bổ sung” trong Phụ lục I Báo cáo này.

Tổng hợp các kế hoạch xây dựng pháp luật thực thi CPTPP của tất cả các cơ quan liên quan¹⁷ (Xem chi tiết tại Phụ lục I) cho thấy để thực thi CPTPP, các cơ quan liên quan của Việt Nam sẽ phải tiến hành hoạt động soạn thảo, sửa đổi, bổ sung tổng cộng 19 văn bản pháp luật, trong đó có:

- 07 Luật (bao gồm Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật An toàn thực phẩm, Bộ luật Lao động, Luật Công đoàn, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự);
- 06 Nghị định (bao gồm Nghị định ban hành Biểu thuế xuất khẩu – nhập khẩu thực thi CPTPP, Nghị định về hàng tân trang, Nghị định về đấu thầu thực thi CPTPP, Nghị định về xác minh xuất xứ đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, hợp tác và kiểm tra giám sát của hải quan, Nghị định hướng dẫn Luật Cạnh tranh và Nghị định hướng dẫn Luật Sở hữu trí tuệ);
- 06 Thông tư (bao gồm Thông tư về biện pháp phòng vệ theo CPTPP, Thông tư về quy tắc xuất xứ CPTPP, Thông tư về quản lý hạn ngạch dệt may xuất khẩu sang Mexico, Thông tư về chứng nhận CFS đối với mỹ phẩm, Thông tư về hợp tác trong quản lý sáng chế đối với dược phẩm, Thông tư về xuất xứ hàng hóa trong thực thi của cơ quan hải quan).

Trên thực tế, trong đợt đầu thực hiện, các hoạt động XDPL thực thi CPTPP đã có sự thay đổi đáng kể so với dự kiến tại các kế hoạch này (kể cả dự kiến của Bộ ngành). Điều này một mặt cho thấy các cơ quan có thẩm quyền đã linh hoạt điều chỉnh thực tế hoạt động cho phù hợp, không cứng nhắc phụ thuộc vào các kế hoạch ban đầu. Mặt khác, thực tế này cũng cho thấy còn nhiều dư địa để cải thiện trong hoạt động lập kế hoạch ban đầu, để các kế hoạch này bao trùm và chuẩn xác hơn, qua đó làm cơ sở định hướng ổn định và thuận lợi hơn cho công tác triển khai thực hiện.

¹⁷ Do tất cả các Kế hoạch thực thi CPTPP của các Bộ ngành đều được ban hành sau Kế hoạch của Chính phủ, các hoạt động xây dựng pháp luật thực thi CPTPP mà các Bộ, ngành dự kiến được suy đoán là cập nhật hơn, sát với thực tế thực hiện hơn. Vì vậy, khi tổng hợp các hoạt động dự kiến, trường hợp có khác biệt giữa kế hoạch của Chính phủ với kế hoạch của các Bộ ngành thì kế hoạch của các Bộ ngành sẽ được lựa chọn.



Phần thứ hai

RÀ SOÁT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG PHÁP LUẬT THỰC THI CPTPP GIAI ĐOẠN 2019-2021

Các hoạt động XDPL thực thi CPTPP đã thực hiện trong giai đoạn 2019–2021 là các hoạt động gắn với các cam kết CPTPP có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của Hiệp định (tức là từ 14/1/2019) và chuẩn bị cho việc thực thi các cam kết có lộ trình thực hiện từ 2022–2024.

Từ góc độ yêu cầu của CPTPP, phần lớn các cam kết phải thực thi ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Về phía Việt Nam, việc thiết lập các cơ chế, quy trình tổ chức thực thi phần lớn các cam kết CPTPP cũng cần được triển khai trong giai đoạn đầu, phục vụ cho suốt quá trình thực thi Hiệp định của Việt Nam. Đồng thời, ở cuối giai đoạn này, các hoạt động XDPL nhằm chuẩn bị thực thi một số các cam kết có lộ trình ở giai đoạn liên sau cũng được tiến hành. Do đó, về khối lượng công việc, 2019–2021 là giai đoạn tập trung cao độ nhất các hoạt động XDPL thực thi CPTPP.

Phần này đưa ra bức tranh tổng quan về hiệu quả của hoạt động XDPL thực thi CPTPP giai đoạn 2019–2021 thông qua việc nhận diện các hoạt động XDPL thực thi CPTPP đã thực hiện trong giai đoạn này (Mục I), rà soát chi tiết các khía cạnh pháp lý và chất lượng của các văn bản “nội luật hóa” các cam kết CPTPP đã ban hành (Mục II), và đánh giá các hoạt động XDPL đang triển khai nhằm chuẩn bị cho việc “nội luật hóa” các cam kết CPTPP có lộ trình thực thi trong giai đoạn tiếp theo (Mục III).



I

Rà soát các hoạt động
xây dựng pháp luật nhằm
thực thi cam kết CPTPP
có hiệu lực ngay



Nhận diện các hoạt động xây dựng pháp luật đã thực hiện

Từ góc độ pháp lý, đối với các cam kết CPTPP có hiệu lực ngay, hệ thống pháp luật và tổ chức thực thi các cam kết này của Hiệp định này phải được thiết lập và sẵn sàng đưa vào thực hiện cùng thời điểm này.

Trên thực tế các hoạt động XDPL thực thi CPTPP của Việt Nam có thể đã được thực hiện cả trong khoảng thời gian trước khi Việt Nam phê chuẩn và thực thi CPTPP (trước 14/1/2019) và sau thời điểm này.

Tuy nhiên, xuất phát từ các lý do kỹ thuật và pháp lý cụ thể của Việt Nam, việc xếp các hoạt động XDPL thực hiện trước thời điểm 14/1/2019 vào diện hoạt động “nội luật hóa” CPTPP có thể là không thích hợp (như trong Hộp dưới đây). Do đó, trong khuôn khổ Rà soát này, việc rà soát chỉ tiến hành với các hoạt động XDPL thực hiện sau khi CPTPP có hiệu lực.

Hộp 2 - Các hoạt động XDPL trước khi CPTPP có hiệu lực

Theo dõi các hoạt động xây dựng pháp luật của Việt Nam trong giai đoạn đàm phán, ký kết TPP - CPTPP, đặc biệt trong khoảng 2014-2018, cho thấy Việt Nam đã trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện việc “nội luật hóa” các cam kết CPTPP trước khi Hiệp định này ràng buộc Việt Nam. Việc này được thực hiện thông qua một hoặc các cách thức sau:

- Đưa một số các nội dung cam kết đã đạt được sự thống nhất chung, ổn định, phù hợp với định hướng pháp luật Việt Nam vào các dự thảo VBQPPL được soạn thảo và ban hành trong thời gian đàm phán TPP-CPTPP (ví dụ một số quy định trong Luật Đấu thầu 2014, Luật Hải quan 2015, Luật Đầu tư 2015, Luật Doanh nghiệp 2015, Bộ luật Hình sự 2017...),
- Chuyển các cam kết trong Văn kiện Hiệp định CPTPP vào các dự thảo VBQPPL được soạn thảo và ban hành trong thời gian liền trước khi Quốc hội phê chuẩn CPTPP (ví dụ các quy định liên quan trong Luật Tố cáo 2018, Luật Phòng, chống tham nhũng 2018...).

Việc xếp các hoạt động XDPL trong giai đoạn 2010-2018¹⁸ có nội dung “tương tự” cam kết CPTPP vào nhóm hoạt động pháp luật thực thi CPTPP không thật phù hợp bởi:

- Về mặt pháp lý, phần lớn các hoạt động XDPL này khi thực hiện đều là các hành động đơn phương của Việt Nam (do đàm phán chưa kết thúc, văn kiện TPP/CPTPP chưa ký/phê chuẩn...);
- Về mặt nội dung, việc một số quy định có nội dung “tương tự” cam kết CPTPP có thể xuất phát từ nhiều lý do (ví dụ cùng sử dụng chung tiêu chuẩn, theo thông lệ quốc tế hiện đại, theo mục tiêu cải cách tự thân của Việt Nam...), vì vậy sẽ rất khó khăn trong việc phân biệt đâu là các quy định vốn được đưa vào pháp luật Việt Nam để “thực thi sớm” CPTPP, đâu là các quy định xuất phát từ nhu cầu nội tại của Việt Nam.

¹⁸ Giai đoạn từ khi bắt đầu đàm phán Văn kiện TPP – tiền thân của các cam kết CPTPP đến trước khi CPTPP có hiệu lực với Việt Nam

Ngoài ra, cũng có những văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) tuy được xếp vào nhóm thực thi cam kết CPTPP (có trong các kế hoạch thực hiện CPTPP của Chính phủ, Bộ) nhưng rà soát nội dung lại cho thấy các văn bản này không “nội luật hóa” một cam kết CPTPP mà pháp luật Việt Nam chưa tương thích hay cần tổ chức thực hiện cụ thể nào (ví dụ Luật sửa đổi Luật Kinh doanh bảo hiểm, Nghị định 35/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh). Phân tích cho thấy các văn bản này được soạn thảo và ban hành theo nhu cầu quản lý/pháp lý của Việt Nam (Xem chi tiết tại Phụ lục III). Do đó, trong khuôn khổ Báo cáo rà soát này, mặc dù các văn bản này vẫn được rà soát nhưng kết quả sẽ không được đưa vào thống kê chung.

Với các giới hạn như nêu trên, rà soát các hoạt động XDPL nhằm thực thi các cam kết CPTPP có hiệu lực ngay cho thấy đã có 11 VBQPPL được soạn thảo và ban hành. Các văn bản này đã nội luật hóa 63 cam kết/nhóm cam kết thuộc 08 Chương và 02 Thư song phương của CPTPP¹⁹, cụ thể như trong Bảng dưới đây.

¹⁹ Xem Danh mục chi tiết các cam kết được “nội luật hóa” tại Phụ lục II

Bảng 1 - Danh mục các VBQPPL “nội luật hóa” cam kết có hiệu lực ngay của CPTPP

STT	Văn bản “nội luật hóa” CPTPP	Cam kết CPTPP được “nội luật hóa”
<i>Nhóm các VBQPPL “nội luật hóa” cam kết CPTPP về thương mại hàng hóa</i>		
1	Nghị định 57/2019/NĐ-CP về Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện CPTPP giai đoạn 2019-2022	Nhóm cam kết về ưu đãi thuế quan nhập khẩu, hạn ngạch thuế quan: <ul style="list-style-type: none"> Tất cả các cam kết các dòng thuế của Biểu cam kết của Việt Nam tại Phụ lục Chương 2 về Đối xử quốc gia và mở cửa thị trường đối với hàng hóa;
2	Thông tư 07/2019/TT-BCT quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mexico theo CPTPP	<ul style="list-style-type: none"> Cam kết tại các Thư song phương giữa Việt Nam và Mexico về giám sát doanh nghiệp xuất khẩu hàng dệt may và về thương mại hàng dệt may theo nguồn cung thiếu hụt và quần áo trẻ em bằng sợi tổng hợp
3	Thông tư 03/2020/TT-BCT về việc nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu theo hạn ngạch thuế quan CPTPP	
4	Thông tư 04/2020/TT-BCT quy định về đấu giá hạn ngạch thuế quan nhập khẩu ô tô đã qua sử dụng theo CPTPP	
5	Thông tư 03/2019/TT-BCT quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong CPTPP (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 06/2020/TT-BCT)	Nhóm cam kết về quy tắc xuất xứ: <ul style="list-style-type: none"> Toàn bộ các cam kết tại Chương 3 về Quy tắc xuất xứ và Thủ tục chứng nhận xuất xứ và các Phụ lục Chương 3;
6	Thông tư 62/2019/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 38/2018/TT-BTC quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	<ul style="list-style-type: none"> 01 cam kết Chương 4 về Dệt may và toàn bộ cam kết tại Phụ lục 4-A Chương 4, Phụ lục 4-A: Tiểu phụ lục 1 - Các mặt hàng của danh mục nguồn cung thiếu hụt
7	Thông tư 19/2019/TT-BCT quy định về áp dụng các biện pháp tự vệ đặc biệt để thực thi CPTPP	07 nhóm cam kết về biện pháp tự vệ chuyển tiếp tại Chương 6 về Phòng vệ thương mại
8	Thông tư 32/2019/TT-BYT sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4 và Phụ lục số 01-MP Thông tư 06/2011/TT-BYT quy định về quản lý mỹ phẩm	01 cam kết tại Chương 8 về Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại
<i>Nhóm các văn bản “nội luật hóa” cam kết của CPTPP về quy tắc</i>		
9	Bộ luật Lao động 2019	07 nhóm cam kết tại Chương 19 về Lao động
10	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ (phần về Sở hữu trí tuệ)	11 nhóm cam kết tại Chương 18 về Sở hữu trí tuệ
11	Nghị định 95/2020/NĐ-CP quy định về việc thực hiện đấu thầu mua sắm theo CPTPP	17 nhóm cam kết tại Chương 15 về Mua sắm công

2

Rà soát quá trình soạn thảo các VBQPPL thực thi cam kết CPTPP

Nội dung dưới đây sẽ trình bày về các kết quả rà soát quá trình soạn thảo các văn bản thực thi CPTPP, được xem xét lần lượt ở các khía cạnh cách thức nội luật hóa cam kết và việc tham vấn các đối tượng chịu tác động, được đánh giá thông qua (i) nội dung các hồ sơ dự thảo các văn bản thực thi CPTPP và (ii) quá trình soạn thảo trên thực tế.

2.1. Về cách thức “nội luật hóa” cam kết

Rà soát cho thấy 11 VBQPPL thực thi CPTPP đã “nội luật hóa” cam kết CPTPP thông qua một trong ba cách thức XDPL sau:

- *Xây dựng VBQPPL mới, có phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng riêng:* Cách thức này sử dụng trong các trường hợp quy định “nội luật hóa” có phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng riêng biệt, có đối tượng điều chỉnh riêng và nội dung tổng thể khác biệt so với các VBQPPL đang có trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Có 07/11 văn bản được “nội luật hóa” theo cách này (gồm 06 văn bản về thương mại hàng hóa, 01 văn bản về đấu thầu);
- *Xây dựng VBQPPL sửa đổi, bổ sung các VBQPPL đã có:* Cách này áp dụng với trường hợp cam kết quy định thực thi CPTPP về cùng một vấn đề với VBQPPL hiện hành nhưng có một số điểm mới/khác biệt nhất định về chủ thể áp dụng, phạm vi áp dụng và/hoặc về nội dung quy định mà việc đưa vào VBQPPL chung là khả thi. Có 03 văn bản nội luật hóa CPTPP theo cách này (gồm 02 văn bản về thương mại hàng hóa, 01 văn bản về sở hữu trí tuệ);
- *Đưa nội dung thực thi CPTPP vào các VBQPPL đang được sửa đổi tổng thể:* Cách thức này áp dụng cho trường hợp quy định thực thi CPTPP có phạm vi áp dụng chung tương tự như VBQPPL về cùng vấn đề liên quan, và bản thân VBQPPL cũng đang trong quá trình sửa đổi tổng thể. Chỉ có 01 văn bản (Bộ luật lao động) được thực hiện theo cách này.

Pháp luật Việt Nam không có ràng buộc nào về các tiêu chuẩn lựa chọn cách thức nội luật hóa cam kết CPTPP. Vì vậy về cơ bản việc lựa chọn giải pháp kỹ thuật nào để “nội luật hóa” các cam kết CPTPP chủ yếu phụ thuộc vào đánh giá của các cơ quan có thẩm quyền về tính chất của cam kết (áp dụng chung hay chỉ cho riêng các đối tác CPTPP), dung lượng các quy định liên quan (số lượng các quy định nhiều hay ít) và hiện trạng VBQPPL trong lĩnh vực có quy định nội luật hóa (đã có VBQPPL về vấn đề liên quan hay chưa).

Thực tế cho thấy ngoại trừ một vài trường hợp có bất cập trong dự kiến ban đầu về hình thức VBQPPL (cấp luật, nghị định hay thông tư), tất cả các lựa chọn về cách thức “nội luật hóa” các cam kết trên thực tế đều hợp pháp và hợp lý.

2.2. Về việc tham vấn doanh nghiệp trong quá trình soạn thảo

Về mặt pháp lý, theo quy định tại Luật Ban hành VBQPPL, việc tham vấn, lấy ý kiến đối tượng chịu tác động là yêu cầu bắt buộc trong quy trình soạn thảo các VBQPPL cấp luật, nghị định và thông tư (ngoại trừ các trường hợp văn bản được ban hành theo thủ tục rút gọn)²⁰. Về thực tiễn, quá trình tham vấn nếu được thực hiện thực chất và đầy đủ, với sự tiếp thu ý kiến cầu thị và minh bạch của cơ quan soạn thảo, chất lượng VBQPPL ban hành sẽ được bảo đảm tốt hơn (đặc biệt là từ góc độ tính hợp lý và khả thi của quy định).

Trong khuôn khổ Rà soát này, việc tham vấn ý kiến của các doanh nghiệp, đối tượng chịu tác động trong quá trình soạn thảo các VBQPPL thực thi CPTPP là một tiêu chí được xem xét, qua đó cho thông tin về mức độ minh bạch và hiệu quả của hoạt động XDPL liên quan.

Ngoài ra, cũng theo quy định của pháp luật về ban hành VBQPPL²¹, các dự thảo VBQPPL có liên quan tới doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh cần được gửi lấy ý kiến cộng đồng doanh nghiệp thông qua đầu mối là VCCI. Đây được xem là quy định bổ sung nhằm bảo đảm rằng việc tham vấn doanh nghiệp của cơ quan soạn thảo được cộng đồng doanh nghiệp biết đến một cách rộng rãi và được triển khai qua hành động chủ động thông qua các kênh/mạng lưới của VCCI - tổ chức quốc gia đại diện cộng đồng doanh nghiệp. Do đó, việc tham vấn VCCI cũng được xem là một tiêu chí bổ sung để đánh giá hiệu quả thực chất của hoạt động tham vấn trong soạn thảo các VBQPPL thực thi CPTPP.

Rà soát cho thấy ngoại trừ Thông tư 03/2020/TT-BCT về hạn ngạch thuế quan đối với nguyên liệu thuốc lá nhập khẩu theo CPTPP – một văn bản có diện áp dụng rất hẹp (chỉ liên quan tới các doanh nghiệp thương mại Nhà nước được cấp quyền nhập khẩu loại sản phẩm đặc biệt này), tất cả các VBQPPL khác, dù là được soạn thảo theo quy trình rút gọn hay thông thường, đều được công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan soạn thảo để lấy ý kiến tham vấn của công chúng, trong đó suy đoán có các doanh nghiệp.

Trong tất cả các trường hợp, tài liệu được công khai để tham vấn công chúng bao gồm dự thảo văn bản. Chỉ có khoảng 1/2 trường hợp kèm theo các tài liệu giải trình/giải thích về các lựa chọn chính sách trong các quy định của dự thảo (ví dụ Tờ trình, Báo cáo đánh giá tác động...). Điều này có thể làm hạn chế hiệu quả góp ý của doanh nghiệp và các bên liên quan (do không có thông tin về những lý do, căn cứ cũng như ý đồ chính sách đằng sau các quy định tại Dự thảo để hiểu thấu đáo ý nghĩa các quy định).

Có 7/11 dự thảo được cơ quan soạn thảo gửi lấy ý kiến doanh nghiệp qua VCCI. Từ đây, VCCI có thể triển khai rộng rãi việc thông tin và tổ chức lấy ý kiến góp ý của doanh nghiệp cho những văn bản này.

Trong tổng thể, có thể nói hầu như tất cả các VBQPPL thực thi CPTPP đã bảo đảm yêu cầu về minh bạch hóa (công khai dự thảo) để tham vấn công chúng, doanh nghiệp. Mặc dù vậy, đối với một số văn bản, việc tham vấn này dường như chưa được thực hiện một cách hiệu quả, thực chất (do thiếu các thông tin giải trình, không thông tin cho VCCI để phổ biến cho doanh nghiệp...).

²⁰ Quy định tại các Điều 36, 55, 57, 86, 90, 91, 97, 101, 106, 107 Luật Ban hành VBQPPL

²¹ Theo Điều 6.1 Luật Ban hành VBQPPL, Điều 10.4 và 25.3 Nghị định 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi bởi Nghị định 154/2020/NĐ-CP) quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL.

Phỏng vấn một số hiệp hội doanh nghiệp lớn phục vụ nghiên cứu rà soát này cho thấy các hiệp hội và doanh nghiệp thành viên đều có ý kiến tham vấn sâu, hiệu quả với các dự thảo VBQPPL được cơ quan soạn thảo chủ động lấy ý kiến hiệp hội, gửi dự thảo tới VCCI, hoặc có nhiều kênh tham vấn (phần lớn đều là văn bản cấp luật, nghị định). Các hiệp hội này hầu như không biết đến, không có ý kiến đối với các văn bản chỉ đăng dự thảo trên website của bộ ngành (đặc biệt là các văn bản cấp thông tư).

Bảng 2 – Hoạt động công khai và tham vấn trong quá trình soạn thảo các VBQPPL thực thi CPTPP

STT	Văn bản	Công khai Dự thảo	Công khai Torrình	Tham vấn VCCI
<i>Nhóm VBQPPL về thương mại hàng hóa</i>				
1	Nghị định 57/2019/NĐ-CP	✓	✓	✓
2	Thông tư 03/2019/TT-BCT	✓		
3	Thông tư 62/2019/TT-BTC	✓	✓	✓
4	Thông tư 07/2019/TT-BCT	✓		
5	Thông tư 03/2020/TT-BCT			
6	Thông tư 04/2020/TT-BCT	✓		
7	Thông tư 19/2019/TT-BCT	✓	✓	✓
8	Thông tư 32/2019/TT-BYT	✓	✓	✓
<i>Nhóm VBQPPL về các vấn đề quy tắc</i>				
9	Nghị định 95/2020/NĐ-CP	✓		✓
10	Luật sửa đổi Luật SHTT 2019	✓	✓	✓
11	Bộ luật lao động	✓	✓	✓



Rà soát thời điểm có hiệu lực của các VBQPPL thực thi CPTPP

Đối với các VBQPPL thông thường, thời hạn cho việc soạn thảo và ban hành văn bản được xác định tại chương trình/kế hoạch xây dựng pháp luật tương ứng của cơ quan có thẩm quyền, căn cứ vào các yêu cầu pháp lý²² và/hoặc nhu cầu quản lý/thực tiễn liên quan của Việt Nam.

Tuy nhiên, đối với các văn bản thực thi CPTPP, thời điểm có hiệu lực của văn bản bị ràng buộc bởi cam kết CPTPP, cụ thể như sau:

- Về nguyên tắc, do các cam kết liên quan đều có hiệu lực ngay khi Hiệp định có hiệu lực (ngày 14/1/2019), các quy định “nội luật hóa” CPTPP trong các văn bản này đều phải được ban hành để có hiệu lực từ ngày này;
- Trên thực tế, do tất cả các văn bản này đều được soạn thảo, ban hành và/hoặc có hiệu lực sau ngày 14/1/2019, yêu cầu của CPTPP về thời hạn đòi hỏi các quy định “nội luật hóa” cam kết CPTPP trong trường hợp này có thể coi là được tuân thủ nếu (i) văn bản cho phép áp dụng hồi tố trở về trước đến ngày 14/1/2019, (ii) có hướng dẫn tạm thời thực thi cam kết CPTPP từ 14/1/2019 cho đến thời điểm văn bản có hiệu lực, (iii) văn bản nhằm hướng dẫn thực thi các cam kết CPTPP về quyền (mà Việt Nam có thể lựa chọn áp dụng hoặc không); (iv) văn bản hướng dẫn cam kết mà Việt Nam đã cho phép áp dụng trực tiếp kể từ ngày CPTPP có hiệu lực; hoặc (v) việc chậm có hiệu lực của văn bản không làm ảnh hưởng tới quyền của các đối tác CPTPP hay lợi ích thực tế của các chủ thể liên quan trong khoảng thời gian văn bản chưa có hiệu lực.

Sau đây là các kết quả rà soát về thời điểm có hiệu lực của các văn bản thực thi CPTPP trong so sánh với yêu cầu của CPTPP và ảnh hưởng của chúng tới lợi ích của doanh nghiệp Việt Nam.

3.1. Về việc bảo đảm yêu cầu của CPTPP về thời điểm có hiệu lực

Rà soát chỉ thực hiện với các VBQPPL “nội luật hóa” cam kết CPTPP được soạn thảo và ban hành sau thời điểm Hiệp định có hiệu lực. Vì vậy, tất cả các văn bản được rà soát này đều được ban hành và có hiệu lực chậm hơn so với thời điểm yêu cầu tại Hiệp định là 14/1/2019.

Cụ thể, trong số 11 văn bản được rà soát, có 08 văn bản được soạn thảo và/hoặc ban hành trong năm 2019, 03 văn bản ban hành năm 2020.

Nhìn bề mặt, nếu tính theo mốc 14/1/2019 có hiệu lực của CPTPP thì trung bình mỗi văn bản này được ban hành chậm 246 ngày (trong đó các văn bản về thương mại hàng hóa chậm ít hơn, trung bình 208 ngày/văn bản; các văn bản về quy tắc chậm nhiều hơn, trung bình 350 ngày/văn bản).

²² Ví dụ khoản 2 Điều 11 Luật Ban hành VBQPPL quy định đối với các văn bản quy định chi tiết, “Dự thảo văn bản quy định chi tiết ... phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản hoặc điều, khoản, điểm được quy định chi tiết”.

Tuy nhiên, về mặt pháp lý, thời điểm ban hành các văn bản này không ảnh hưởng tới hiệu lực thực thi của các quy định trong văn bản. Cụ thể, các quy định “nội luật hóa” cam kết CPTPP của Việt Nam đều bảo đảm tuân thủ yêu cầu của CPTPP về thời điểm có hiệu lực (14/1/2019), theo một trong các cách thức sau:

- Có 05 văn bản bảo đảm tuân thủ thời điểm hiệu lực của CPTPP thông qua quy định về hiệu lực hồi tố (hiệu lực ngược trở về trước đến 14/1/2019);
- Có 02 văn bản có hiệu lực muộn hơn 14/1/2019 nhưng để thực thi quyền (mà không phải là nghĩa vụ) của Việt Nam trong CPTPP;
- Có 02 văn bản hướng dẫn thực thi các cam kết vốn đã được áp dụng trực tiếp từ khi Hiệp định có hiệu lực (tức là đã có hiệu lực pháp lý từ ngày 14/1/2019);
- Có 02 văn bản có hiệu lực muộn hơn 14/1/2019 nhưng đã có văn bản hướng dẫn việc thực thi cam kết CPTPP tạm thời từ khi Hiệp định có hiệu lực hoặc không ảnh hưởng tới lợi ích của đối tác CPTPP hay các chủ thể liên quan.

Cụ thể, cách thức mà từng văn bản này bảo đảm thực thi yêu cầu của CPTPP về thời hạn hiệu lực được tóm tắt trong Bảng dưới đây.

Bảng 3 – Đánh giá mức độ tuân thủ CPTPP về thời điểm hiệu lực của các VBQPPL thực thi CPTPP

STT	Tên văn bản	Đánh giá mức độ tuân thủ CPTPP về thời điểm hiệu lực
<i>Nhóm các văn bản có quy định hiệu lực hồi tố</i>		
1	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ (phần về Luật Sở hữu trí tuệ)	Quy định về hiệu lực hồi tố thông qua việc hướng dẫn áp dụng hồi tố thích hợp từ ngày 14/1/2019 đối với từng chế định sở hữu trí tuệ (đơn đăng ký sáng chế, chỉ dẫn địa lý; hợp đồng sử dụng nhãn hiệu; vụ việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ).
2	Nghị định 57/2019/NĐ-CP về Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện CPTPP giai đoạn 2019-2022	Quy định về hiệu lực hồi tố thông qua việc cho phép hoàn thuế thừa đối với các lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu có tờ khai hải quan đăng ký từ ngày 14/1/2020 đủ điều kiện hưởng ưu đãi thuế quan theo CPTPP và đã nộp thuế theo mức thuế cao hơn mức ưu đãi
3	Thông tư 03/2019/TT-BCT của Bộ Công Thương về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong CPTPP	Quy định về hiệu lực hồi tố thông qua việc cho phép cấp Chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu CPTPP cho hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu trước ngày Thông tư có hiệu lực để được hưởng ưu đãi thuế quan theo CPTPP và theo quy định của Nước thành viên nhập khẩu.



Bảng 3 – Đánh giá mức độ tuân thủ CPTPP về thời điểm hiệu lực của các VBQPPL thực thi CPTPP

STT	Tên văn bản	Đánh giá mức độ tuân thủ CPTPP về thời điểm hiệu lực
<i>Nhóm các văn bản có quy định hiệu lực hồi tố</i>		
4	Thông tư 62/2019/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 38/2018/TT-BTC quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Quy định về hiệu lực hồi tố thông qua việc hướng dẫn các thủ tục hải quan chi tiết để xử lý về thuế nộp thừa, nếu có, cho các lô hàng hóa xuất nhập khẩu có tờ khai hải quan đăng ký từ 14/1/2019 đáp ứng đủ các điều kiện hưởng ưu đãi thuế quan theo CPTPP.
5	Thông tư 32/2019/TT-BYT sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4 và Phụ lục số 01-MP Thông tư 06/2011/TT-BYT quy định về quản lý mỹ phẩm	Quy định về hiệu lực hồi tố thông qua việc áp dụng hồi tố đối với các hồ sơ nhập khẩu mỹ phẩm từ các nước CPTPP đăng ký từ 14/1/2019
<i>Nhóm các văn bản hướng dẫn thủ tục cho các cam kết đã được áp dụng trực tiếp</i>		
6	Thông tư 03/2020/TT-BCT quy định về việc nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu theo hạn ngạch thuế quan theo CPTPP	<p>Thông tư có hiệu lực từ 29/2/2020, không hồi tố.</p> <p>Tuy nhiên Thông tư vẫn bảo đảm yêu cầu CPTPP về thời điểm hiệu lực do:</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Cam kết về hạn ngạch thuế quan đối với nguyên liệu lá thuốc lá nhập khẩu thuộc Nhóm cam kết áp dụng trực tiếp, đã có hiệu lực từ 14/1/2019 và về nguyên tắc là có thể triển khai thực thi được theo các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về hạn ngạch nhập khẩu hàng hóa; ● Thông tư này chỉ được ban hành để hướng dẫn thêm về thủ tục nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc thực thi.
7	Thông tư 04/2020/TT-BCT quy định về đấu giá hạn ngạch thuế quan nhập khẩu ô tô đã qua sử dụng theo CPTPP	<p>Thông tư có hiệu lực từ 5/3/2020, không hồi tố.</p> <p>Tuy nhiên Thông tư bảo đảm yêu cầu CPTPP về thời điểm hiệu lực do:</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Cam kết về hạn ngạch thuế quan đối với ô tô cũ nhập khẩu thuộc Nhóm cam kết áp dụng trực tiếp, đã có hiệu lực từ 14/1/2019 và về nguyên tắc là có thể triển khai thực thi được theo các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về đấu giá tài sản; ● Thông tư này được ban hành để hướng dẫn cụ thể về thủ tục riêng phù hợp hơn với hình thức đấu giá quyền tài sản và cam kết cụ thể trong CPTPP.



Bảng 3 – Đánh giá mức độ tuân thủ CPTPP về thời điểm hiệu lực của các VBQPPL thực thi CPTPP

STT	Tên văn bản	Đánh giá mức độ tuân thủ CPTPP về thời điểm hiệu lực
Nhóm các văn bản thực hiện các cam kết về quyền, không phải nghĩa vụ		
8	Thông tư 07/2019/TT-BCT quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mexico theo CPTPP	Thông tư có hiệu lực từ 20/6/2019, không hồi tố. Tuy nhiên Thông tư không vi phạm yêu cầu CPTPP về thời điểm hiệu lực do chỉ liên quan tới quyền của Việt Nam trong CPTPP (quyền hưởng ưu đãi theo hạn ngạch thuế quan của Mexico đối với hàng dệt may Việt Nam xuất khẩu sang Mexico theo CPTPP).
9	Thông tư 19/2019/TT-BCT quy định về áp dụng các biện pháp tự vệ đặc biệt để thực thi CPTPP	Thông tư có hiệu lực từ 14/11/2019, không hồi tố. Tuy nhiên Thông tư không vi phạm yêu cầu của CPTPP về thời điểm hiệu lực do việc thực hiện các biện pháp tự vệ đặc biệt đối với hàng hóa từ các đối tác CPTPP là quyền của Việt Nam, không phải nghĩa vụ.
Nhóm các văn bản đã có hướng dẫn áp dụng tạm thời hoặc không ảnh hưởng tới lợi ích của đối tác CPTPP hay các chủ thể liên quan		
10	Nghị định 95/2020/NĐ-CP quy định về việc thực hiện đấu thầu mua sắm theo CPTPP	Nghị định có hiệu lực từ 24/8/2020, không hồi tố. Tuy nhiên, trước Nghị định đã có văn bản số 251/BKHĐT-QLĐT ngày 10/01/2019 thông báo về thực hiện cam kết đấu thầu CPTPP để áp dụng trong thời gian chưa ban hành Nghị định. Do đó, việc Nghị định ban hành chậm không ảnh hưởng tới yêu cầu của CPTPP về thời điểm có hiệu lực.
11	Bộ luật Lao động sửa đổi năm 2019	Bộ luật lao động 2019 có hiệu lực từ 1/1/2021, không hồi tố. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn bảo đảm tuân thủ yêu cầu của CPTPP về thời điểm có hiệu lực của tất cả các cam kết về lao động (ngoại trừ cam kết về quyền tự do liên kết của người lao động) do Bộ luật Lao động 2012 trước đó đã tương thích với các cam kết CPTPP. Về cam kết quyền tự do liên kết của người lao động: <ul style="list-style-type: none"> ● Về pháp lý, mặc dù đã được ghi nhận trong Bộ luật Lao động, nhưng cam kết này chưa được tuân thủ đầy đủ do chưa có Nghị định hướng dẫn về trình tự, thủ tục thành lập, hoạt động của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp; ● Về tính chất, đây là cam kết đặc biệt, cần thời gian để triển khai trên thực tế cả về thiết lập cơ chế, nâng cao năng lực và nhận thức của các chủ thể liên quan; ● Về tác động, chưa ghi nhận ảnh hưởng bất lợi cụ thể nào với các chủ thể liên quan hay tác động giảm lợi ích của các đối tác CPTPP từ việc chậm thực thi cam kết này.

Điểm tích cực là trong so sánh với thời gian soạn thảo và ban hành các VBQPPL theo quy trình thông thường²³, hầu như tất cả các văn bản thực thi CPTPP đều được soạn thảo với thời gian ngắn hơn đáng kể. Một vài văn bản thậm chí còn có thể ban hành chỉ một thời gian rất ngắn sau khi Hiệp định có hiệu lực (ví dụ Thông tư 03/2019/TT-BCT về quy tắc xuất xứ, ban hành ngày 22/1/2019, Thông tư 07/2019/TT-BCT về xuất khẩu dệt may sang Mexico – ban hành ngày 19/4/2019), qua đó giúp các doanh nghiệp nhanh chóng tận dụng các ưu đãi thuế quan đầu tiên của Hiệp định này ở các thị trường đối tác. Hoặc Luật sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ được ban hành ngay trong kỳ họp Quốc hội đầu tiên sau khi CPTPP có hiệu lực (tháng 6/2019), đạt kỷ lục về tốc độ sửa đổi một văn bản luật.

Thậm chí nếu tính tới các văn bản đã được Việt Nam chủ động sửa đổi từ trước đó với kết quả là nội luật hóa cam kết CPTPP từ khi Hiệp định chưa có hiệu lực như Luật Phòng, chống tham nhũng 2018, Luật Tố cáo 2018 hay xa hơn nữa như Luật Đầu tư 2015, Luật Doanh nghiệp 2015..., và nếu nhìn từ các kế hoạch thực hiện CPTPP với các thời hạn rất ngắn, có thể thấy Việt Nam đã thể hiện sự nghiêm túc và quyết tâm trong việc thực hiện sớm nhất có thể các cam kết CPTPP.

Mặc dù có những ưu thế trên, việc soạn thảo và ban hành phần lớn các VBQPPL thực thi CPTPP này vẫn chậm so với kế hoạch dự kiến cũng như kỳ vọng của doanh nghiệp.

3.2. Về ảnh hưởng của việc ban hành chậm các văn bản thực thi CPTPP

Như đã đề cập, đứng từ góc độ nghĩa vụ cam kết, các VBQPPL thực thi CPTPP của Việt Nam dù được ban hành chậm nhưng cơ bản bảo đảm tuân thủ yêu cầu CPTPP về thời hạn hiệu lực (ngoại trừ cam kết về quyền tự do liên kết của người lao động).

Tuy nhiên, từ góc độ lợi ích thực tế của các doanh nghiệp Việt Nam, việc chậm ban hành các văn bản này vẫn gây ra những ảnh hưởng nhất định tới các doanh nghiệp, làm hạn chế khả năng tận dụng các lợi ích mà CPTPP lẽ ra có thể mang lại cho họ trong giai đoạn đầu thực thi Hiệp định.

Ví dụ đối với các trường hợp văn bản có quy định áp dụng hồi tố từ 14/1/2019, trên thực tế, không phải khi nào việc áp dụng hồi tố cũng giúp bảo toàn các quyền và lợi ích liên quan của các doanh nghiệp Việt Nam:

- Đối với các trường hợp đã xuất nhập khẩu loại hàng hóa đủ điều kiện hưởng ưu đãi CPTPP trước ngày Nghị định 52/2019/NĐ-CP và Thông tư 62/2019/TT-BTC có hiệu lực: Mặc dù pháp luật cho phép được hoàn lại phần thuế chênh lệch, tuy nhiên để được hoàn trả phần thuế này, doanh nghiệp xuất/nhập khẩu tại Việt Nam phải có đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu trong khi doanh nghiệp có thể không xin lại được một trong các chứng từ đó khi đã hoàn tất việc xuất nhập khẩu đó;
- Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký mỹ phẩm nhập khẩu: Quy định hồi tố cho phép các hồ sơ đăng ký mỹ phẩm nhập khẩu từ các đối tác CPTPP nộp từ ngày 14/1/2019 không phải xuất trình chứng nhận CFS. Mặc dù vậy, do quy trình xem xét cấp phép tối đa chỉ tới 40 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ, suy đoán là phần lớn các hồ sơ nộp trong khoảng tháng 1-12/2019 đều đã được cấp phép trước ngày 01/2/2020 (ngày có hiệu lực của Thông tư 32/2019/TT-BYT), và tất nhiên để được cấp phép các hồ sơ này vẫn phải có chứng nhận CFS theo quy định cũ.

²³ Quy trình xác định theo Luật Ban hành VBQPPL

Với những trường hợp văn bản hướng dẫn các thủ tục để thực thi các cam kết thuộc diện được áp dụng trực tiếp từ 14/1/2019 cũng có thể phát sinh tình huống tương tự. Về mặt lý thuyết là các cam kết này có thể được thực thi ngay theo thủ tục sẵn có theo pháp luật Việt Nam. Mặc dù vậy, do các thủ tục chung liên quan (ví dụ thủ tục đấu giá tài sản, cấp phép hạn ngạch nhập khẩu...) không được thiết kế để phù hợp với tính chất đặc thù của cam kết CPTPP, việc tận dụng trên thực tế các cam kết này của các doanh nghiệp rất khó khăn khi chưa có văn bản hướng dẫn chính thức.

Từ đây, có thể thấy độ trễ trong soạn thảo và ban hành các văn bản thực thi CPTPP mặc dù không ảnh hưởng tới việc bảo đảm tuân thủ nghĩa vụ của Việt Nam trong CPTPP nhưng lại là yếu tố có thể cản trở các doanh nghiệp Việt Nam trong việc tận dụng lợi ích của Hiệp định giai đoạn đầu.



Rà soát chất lượng các VBQPPL thực thi CPTPP

Pháp luật Việt Nam không định nghĩa pháp lý cụ thể nào về chất lượng VBQPPL. Mặc dù vậy, căn cứ vào các quy định liên quan tại Luật ban hành VBQPPL²⁴ và kinh nghiệm thực tiễn hoạt động phản biện chính sách pháp luật của VCCI trong nhiều năm qua, chất lượng VBQPPL từ góc độ nội dung cần được đánh giá ít nhất là thông qua 04 nhóm tiêu chí cốt lõi sau:

- Tính thống nhất (hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với các văn bản khác trong hệ thống pháp luật, tương thích với cam kết quốc tế);
- Tính minh bạch (quy định rõ ràng, không mâu thuẫn lẫn nhau, chỉ có thể hiểu theo một nghĩa duy nhất);
- Tính hợp lý và khả thi (quy định phù hợp với thực tiễn, bảo đảm yêu cầu cải cách hành chính, đạt được sự cân bằng tương đối về lợi ích giữa Nhà nước với tổ chức, cá nhân và có thể thực thi được trên thực tế);
- Bảo đảm các yêu cầu về giới (lồng ghép các vấn đề về bình đẳng giới).

Nội dung dưới đây sẽ xem xét kết quả rà soát các VBQPPL thực thi CPTPP lần lượt ở 04 nhóm tiêu chí nói trên đặt trong bối cảnh cụ thể của các văn bản này.

4.1. Tính thống nhất (tính tương thích)

Về mặt pháp lý, “tính thống nhất” là tiêu chí hàng đầu và quan trọng nhất mà một VBQPPL phải bảo đảm. Tiêu chí này bao gồm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật nội địa, và sự tương thích với các cam kết quốc tế trong lĩnh vực liên quan.

(i) Về tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất trong hệ thống pháp luật

Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Ban hành VBQPPL (về nguyên tắc soạn thảo, ban hành VBQPPL) thì VBQPPL phải bảo đảm các tiêu chí (i) sự phù hợp với Hiến pháp (hợp hiến), (ii) đúng trình tự, thủ tục, thể thức, phù hợp với các quy định pháp luật cấp cao hơn (hợp pháp), và (iii) hài hòa, không mâu thuẫn với các quy định khác trong hệ thống pháp luật liên quan (thống nhất trong hệ thống pháp luật).

Kết quả rà soát nội dung các VBQPPL thực thi CPTPP cho thấy các văn bản này đều bảo đảm 03 tiêu chí nói trên, cụ thể:

²⁴ Đặc biệt là Điều 5 Luật ban hành VBQPPL về nguyên tắc xây dựng và ban hành pháp luật

■ Về tính hợp hiến

Các quy định trong các văn bản này phù hợp và không có bất kỳ yếu tố mâu thuẫn hay khác biệt nào với tinh thần Hiến pháp cũng như các nguyên tắc cụ thể liên quan trong Hiến pháp (đặc biệt là các nguyên tắc về quyền sở hữu tại Điều 32; quyền về lao động tại Điều 35; quyền nghiên cứu khoa học công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thu lợi ích từ đó tại Điều 40; nghĩa vụ nộp thuế tại Điều 47...).

Kết quả này không gây ngạc nhiên bởi ít nhất các lý do sau:

- Các quy định trong Hiến pháp đều tập trung vào các vấn đề lớn, các nguyên tắc có tính cơ bản, nền tảng về thể chế, quyền con người... trong khi các quy định tại các VBQPPL thực thi CPTPP đều là các quy định về các vấn đề cụ thể về kinh tế, hầu như không có ảnh hưởng nào tới các nguyên tắc hiến định, và
- Các VBQPPL này chỉ “nội luật hóa” các cam kết CPTPP, mà kết quả rà soát của Chính phủ trước khi phê chuẩn CPTPP đã cho thấy không có cam kết nào mâu thuẫn với Hiến pháp.

■ Về tính hợp pháp

Một VBQPPL được xem là “hợp pháp” nếu văn bản được soạn thảo, ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục quy định, đúng thể thức và kỹ thuật văn bản; có nội dung phù hợp với các VBQPPL cấp cao hơn.

Rà soát cho thấy tất cả các VBQPPL thực thi CPTPP đều bảo đảm yêu cầu “hợp pháp”:

- Về thủ tục, các văn bản đều được ban hành đúng thẩm quyền, theo trình tự thủ tục phù hợp với pháp luật về ban hành VBQPPL, đúng thể thức quy định. Có 02 trường hợp có thay đổi về loại văn bản so với kế hoạch (trong kế hoạch là nghị định, thực tế là thông tư²⁵) mà mục tiêu là để phù hợp với quy định pháp luật liên quan;
- Về ngôn ngữ văn bản, tất cả các VBQPPL thực thi CPTPP đều sử dụng ngôn ngữ pháp lý phù hợp. Có 01 văn bản có phần lớn nội dung sử dụng gần như nguyên trạng lời văn cam kết CPTPP (Thông tư 03/2019/TT-BCT), xuất phát từ tính chất kỹ thuật đặc thù của cam kết liên quan (các quy định về quy tắc xuất xứ đòi hỏi chính xác đến từng từ/thuật ngữ);
- Về nội dung, tất cả các văn bản được rà soát đều bảo đảm không có quy định mâu thuẫn, hay trái với VBQPPL cấp cao hơn trong cả lĩnh vực pháp luật trực tiếp và các pháp luật liên quan. Trên thực tế, phần lớn các văn bản này đều là quy định về những khía cạnh đặc thù đã được cho phép hoặc không bị cấm trong các văn bản cấp cao hơn.

²⁵ Bao gồm trường hợp của Thông tư 62/2019/TT-BTC về xác minh xuất xứ và Thông tư 07/2019/TT-BCT về hạn ngạch dệt may xuất khẩu sang Mexico theo CPTPP (dự kiến trong Kế hoạch của Chính phủ là Nghị định, tuy nhiên trong Kế hoạch của Bộ ban hành sau đó đã đổi thành Thông tư)

■ Về tính thống nhất trong hệ thống pháp luật liên quan

Rà soát cho thấy các quy định tại các VBQPPL thực thi CPTPP đều bảo đảm thống nhất và phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành liên quan.

- Đối với các trường hợp VBQPPL điều chỉnh về vấn đề riêng của CPTPP, hoàn toàn độc lập với các hệ thống pháp luật còn lại (ví dụ về ưu đãi thuế quan, quy tắc xuất xứ, hạn ngạch thuế quan, đấu thầu gói thầu CPTPP,...), hầu như không đặt ra vấn đề về sự thống nhất với các quy định pháp luật chung do đối tượng điều chỉnh không chồng lấn;
- Đối với các trường hợp có sự giao thoa, kết hợp giữa các quy định thực thi CPTPP với các quy định chung hiện hành (ví dụ về xác minh xuất xứ, đăng ký mỹ phẩm nhập khẩu, phòng vệ thương mại,...), các quy định vẫn bảo đảm sự phù hợp cả về nội dung (chỉ giới hạn phạm vi áp dụng ở các trường hợp đặc thù CPTPP) và hình thức (viện dẫn tới các quy trình, thủ tục chung);
- Đối với các trường hợp sửa đổi mới đối với hệ thống pháp luật chung (ví dụ về sở hữu trí tuệ, về lao động...), các quy định thực thi CPTPP sửa đổi trực tiếp pháp luật chung hiện hành đồng thời sửa đổi các quy định pháp luật chung liên quan, do đó bảo đảm sự thống nhất chung.

(ii) Về tính tương thích với cam kết CPTPP

Liên quan tới “sự tương thích với các cam kết quốc tế”, Điều 5 Luật Ban hành VBQPPL không đề cập cụ thể về tiêu chí này mà chỉ yêu cầu VBQPPL bảo đảm “không cản trở việc thực hiện các điều ước quốc tế của Việt Nam”²⁶. Tuy nhiên, trong các điều khoản khác của Luật này liên quan tới quy trình soạn thảo, góp ý, thẩm định, thẩm tra VBQPPL, đánh giá “tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan” lại là một trong các tiêu chí bắt buộc phải có (trong hồ sơ, ý kiến góp ý, ý kiến thẩm định). Trên thực tế, hoạt động đánh giá, phân tích, tham vấn ý kiến trong quá trình soạn thảo các VBQPPL nói chung cũng đều có bước xem xét tính tương thích với các cam kết quốc tế của các quy định trong văn bản.

Đối với các VBQPPL thực thi CPTPP, trong so sánh với các thành tố khác trong “tính thống nhất” (bao gồm hợp hiến, hợp pháp, thống nhất trong hệ thống), “tính tương thích” (hiểu theo nghĩa là sự phù hợp, tương hợp, không mâu thuẫn, có thể tồn tại hài hòa đồng thời²⁷) với các cam kết cụ thể liên quan của CPTPP có thể xem là tiêu chí cốt lõi và quan trọng nhất trong đánh giá “tính thống nhất” của các văn bản này bởi mục tiêu đầu tiên và chủ yếu của việc xây dựng các văn bản này là để bảo đảm tính tương thích của pháp luật Việt Nam với các cam kết CPTPP.

Rà soát các quy định của các VBQPPL thực thi CPTPP với từng cam kết cụ thể tương ứng của CPTPP cho thấy những kết quả đáng chú ý.

²⁶ Điều 5.4 Luật ban hành VBQPPL

²⁷ Luật Ban hành VBQPPL không sử dụng thuật ngữ “tương thích” (compatibility). Pháp luật Việt Nam cũng không định nghĩa cụ thể về “tính tương thích” của pháp luật nội địa với các cam kết quốc tế. Do đó, ở đây Nhóm Nghiên cứu sử dụng thuật ngữ này theo cách hiểu thông thường, được sử dụng rộng rãi bởi các nhà nghiên cứu pháp lý ở Việt Nam.

■ Phần lớn các quy định đều bảo đảm tương thích với các cam kết CPTPP ở mức vừa đúng yêu cầu

Sự tương thích này được bảo đảm thông qua nhiều cách thức khác nhau, tùy thuộc vào tính chất của cam kết được “nội luật hóa” và bối cảnh pháp luật cụ thể liên quan:

- *Bảo đảm tương thích thông qua việc chuyển tải nguyên văn cam kết, không thay đổi, không chỉnh sửa:*

Cách thức này được sử dụng phổ biến trong các trường hợp mà cam kết CPTPP liên quan tới các con số chính xác, các chủ thể cụ thể, các yếu tố kỹ thuật không thể thay đổi. Phần lớn các quy định của Nghị định 57/2019/NĐ-CP về biểu thuế xuất nhập khẩu ưu đãi theo CPTPP (các Phụ lục), Thông tư 03/2019/TT-BCT về quy tắc xuất xứ CPTPP (đa số các điều khoản, các Phụ lục), Nghị định 95/2020/NĐ-CP về đấu thầu gói thầu CPTPP (các Phụ lục) được thiết kế theo cách thức này.

- *Bảo đảm tương thích thông qua việc sử dụng chính xác các nội dung cốt lõi của cam kết, chỉ điều chỉnh ở các khía cạnh kỹ thuật cho phù hợp (về ngôn ngữ văn bản, về các thủ tục trình tự):*

Cách này thường được áp dụng cho các trường hợp cam kết có nội dung tương đối rõ ràng (ví dụ các thời hạn, các định mức...) nhưng việc áp dụng phải phù hợp với hiện trạng sẵn có/khả năng thực tế của Việt Nam (về cơ chế, quy trình thủ tục...). Các quy định tại các Thông tư về hạn ngạch thuế quan (Thông tư 07/2019/TT-BCT, 03/2020/TT-BCT và 04/2020/TT-BCT), Thông tư 32/2019/TT-BYT về chứng nhận CFS cho mỹ phẩm nhập khẩu, một số quy định trong Nghị định 95/2020/NĐ-CP (về quy trình đấu thầu gói thầu CPTPP)... được soạn thảo theo cách này.

- *Bảo đảm sự tương thích thông qua việc diễn giải lại nhưng bảo toàn đầy đủ nội dung cam kết, đồng thời kết hợp hợp lý với các quy định pháp luật nội địa liên quan:*

Cách thức “nội luật hóa” này được xem là phức tạp nhất, đòi hỏi người soạn thảo VBQPPL phải vừa bảo đảm các cam kết được thể hiện đúng tinh thần/mức độ yêu cầu, vừa được chuyển hóa hợp lý, kết hợp khả thi với hiện trạng pháp lý hiện hành. Trên thực tế, cách này được áp dụng chủ yếu cho các trường hợp cam kết quy tắc, ví dụ cam kết về sở hữu trí tuệ (Luật sửa đổi Luật sở hữu trí tuệ thực thi CPTPP), lao động (Bộ luật lao động), đấu thầu (một số điều khoản của Nghị định 95/2020/NĐ-CP).

■ Một số quy định tương thích ở mức cao hơn yêu cầu của cam kết hoặc không sử dụng hết quyền được phép theo cam kết

Về tính chất, cam kết CPTPP chỉ đặt ra yêu cầu tối thiểu, nước thành viên có thể lựa chọn chỉ thực hiện ở mức tối thiểu đó hoặc thực hiện ở mức cao hơn. Và như đã thấy trong kết quả rà soát ở trên, lựa chọn phổ biến của Việt Nam là thực hiện đúng ở mức cam kết. Tuy nhiên, trong một số trường hợp thích hợp, Việt Nam đã lựa chọn thực hiện “nội luật hóa” bằng các cam kết với nội dung tốt hơn, cao hơn yêu cầu của CPTPP, chưa sử dụng hoặc chỉ sử dụng một phần quyền được phép theo cam kết.

Rà soát cho thấy phần lớn các trường hợp này đều thuộc Nghị định 95/2020/NĐ-CP về đấu thầu gói thầu CPTPP. Việc thực thi cao hơn yêu cầu cam kết trong một số các quy định của văn bản này thực hiện chủ yếu trong các tình huống sau:

- *Hệ thống pháp luật và thực tiễn trong nước của Việt Nam đã đủ khả năng thực hiện ở mức cao hơn cam kết*

Ví dụ: Về nghĩa vụ minh bạch trong đăng tải thông tin gói thầu CPTPP:

Cam kết CPTPP (đặc biệt tại các 4.8, 6, 7 và Phụ lục 15-A Chương 15) yêu cầu Việt Nam phải *tạo điều kiện* để tổ chức đấu thầu qua phương tiện điện tử (gồm công bố thông tin gói thầu, các thông báo, hồ sơ mời thầu, tiếp nhận hồ sơ dự thầu) và đăng tải thông tin trên Báo Đấu thầu. Khi nội luật hóa các cam kết này, Nghị định 95/2020/NĐ-CP quy định *bắt buộc* phải đăng tải các thông tin liên quan lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (ngoại trừ nộp hồ sơ dự thầu điện tử) và trích xuất thông tin để đăng tải trên Báo Đấu thầu.

- *Hệ thống pháp luật hiện hành không có hoặc chưa có các cơ chế tổ chức thực thi tương thích và biện pháp kỹ thuật đủ hiệu quả để kiểm soát, nên Việt Nam chưa tận dụng hoặc chỉ tận dụng một phần các quyền được CPTPP cho phép*

Ví dụ: Về phạm vi ưu đãi trong nước với các gói thầu CPTPP

Theo cam kết CPTPP (đặc biệt tại các Điều 4.6, 5.5 Phần lời văn Chương 15 và Khoản 8 phần J Phụ lục 15-A), Việt Nam được phép dành ưu đãi cho nhà thầu trong nước với tỷ lệ nhất định (40%-30% tùy giai đoạn) tổng giá trị gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh CPTPP *toàn quốc*.

Thực thi cam kết này, Nghị định 95/2020/NĐ-CP quy định quyền ưu đãi trong nước với tỷ lệ (40%-30% tùy giai đoạn) tổng giá trị gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh CPTPP *của từng cơ quan mua sắm*. Lựa chọn này có thể khiến Việt Nam bị thiệt thòi hơn, do có thể nhiều trường hợp các cơ quan mua sắm riêng lẻ có thể không dùng hết tỷ lệ ưu đãi cho nhà thầu nội địa. Mặc dù vậy, đây là giải pháp khả thi và hiệu quả nhất trong bối cảnh của Việt Nam, khi chưa có hệ thống để tính toán tổng giá trị các gói thầu CPTPP trong nước trước cũng như cơ chế cho phép trừ lùi tự động “hạn ngạch” các giá trị gói thầu được phép ưu tiên nhà thầu trong nước hàng năm.

- *Một số ít trường hợp quy định chưa hoàn toàn bám sát cam kết CPTPP*

Kết quả rà soát cho thấy không có quy định nào trong số 11 VBQPPL được rà soát trái hoặc mâu thuẫn với cam kết CPTPP. Cũng như vậy, không có cam kết CPTPP nào có hiệu lực tại thời điểm 14/1/2019 thuộc diện phải được “nội luật hóa” do pháp luật Việt Nam không tương thích mà chưa được đưa vào các quy định tại 11 VBQPPL này.

Mặc dù vậy, có một vài trường hợp cam kết CPTPP được đưa vào pháp luật Việt Nam với nội dung hoặc hiệu lực thực thi có điều chỉnh so với cam kết CPTPP tương ứng.

Những điều chỉnh này chủ yếu theo một trong các hình thức sau đây:

- **Điều chỉnh về kỹ thuật so với cam kết gốc**

Ví dụ: Về điều kiện chỉ định thầu gói thầu CPTPP trong trường hợp cung cấp bổ sung hàng hoá/dịch vụ không nằm trong phạm vi của gói thầu ban đầu

Cam kết CPTPP (Khoản 2.c.ii Điều 10 Chương 15) quy định một trong những điều kiện để cho phép chỉ định thầu là “(việc thay đổi nhà thầu sẽ) *gây ra những bất tiện đáng kể hoặc làm tăng gấp đôi chi phí cho cơ quan mua sắm*” (“*would cause significant inconvenience or substantial duplication of costs for the procuring entity*”).

Về vấn đề này, Nghị định 95/2020/NĐ-CP (Điều 21.2.b) quy định điều kiện “(việc thay đổi nhà thầu sẽ) *làm phát sinh đáng kể chi phí cho cơ quan mua sắm*”. Như vậy, so với cam kết, Nghị định đã điều chỉnh theo hướng giảm bớt mức độ của điều kiện về chi phí, và không tận dụng trường hợp “gây bất tiện đáng kể” để chỉ định thầu.

Phân tích cho thấy rất có thể sự điều chỉnh này là nhằm cân bằng giữa việc bỏ qua không tận dụng trường hợp “gây bất tiện đáng kể” (không thích hợp để áp dụng ở Việt Nam, do quy định định tính quá lớn, có thể bị lạm dụng) với điều kiện về “tăng chi phí cho cơ quan mua sắm” (giảm bớt mức độ khắt khe của điều kiện này để bù đắp cho việc bỏ đi điều kiện kia).

- **Điều chỉnh nhỏ về phạm vi áp dụng so với cam kết**

Ví dụ: Về điều kiện xác định chỉ dẫn địa lý là tên gọi chung

Theo cam kết CPTPP (Điều 32.1c và Điều 33 Chương 18) thì tên gọi chung của hàng hóa được xác định “theo cách hiểu của *người tiêu dùng* trên lãnh thổ Việt Nam”. Về vấn đề này, Luật sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ (2019) quy định “theo nhận thức của *người tiêu dùng có liên quan* trên lãnh thổ Việt Nam”.

Theo cơ quan soạn thảo (Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ) thì việc khoanh vùng ở nhóm người tiêu dùng “có liên quan” là cần thiết và phù hợp với thông lệ quốc tế, qua đó bảo đảm tính hợp lý của quy định do người tiêu dùng không liên quan (không bao giờ tiêu dùng tới sản phẩm đó) suy đoán có thể không thể biết về tên gọi chung của hàng hóa đó.

- **Quy định đã tương thích với cam kết nhưng chưa đủ cơ chế để bảo đảm khả năng triển khai trên thực tế**

Ví dụ: Về quyền tự do liên kết (của người lao động)

Cam kết CPTPP (Điều 3.1a Chương 19) quy định nghĩa vụ của nước thành viên phải *thông qua và duy trì* các quy định pháp luật cũng như *thực hiện* các quy định pháp luật liên quan tới quyền tự do liên kết.

Với các quy định về tổ chức đại diện người lao động tại doanh nghiệp trong các Điều 5.1(c), 7, 170, 172-178, Bộ luật Lao động 2019 đã bảo đảm nghĩa vụ “thông qua và duy trì” quy định pháp luật về quyền tự do liên kết của người lao động theo CPTPP. Mặc dù vậy, để các quy định này có thể hiện thực hóa, qua đó bảo đảm nghĩa vụ “thực hiện” các quy định pháp luật này theo cam kết CPTPP, Chính phủ còn cần ban hành Nghị định hướng dẫn cụ thể về các quy trình, thủ tục thành lập, hoạt động của tổ chức đại diện người lao động tại doanh nghiệp. Cho tới 9/2021, Nghị định này vẫn đang trong quá trình soạn thảo.

Một mặt, việc Nghị định hướng dẫn về vấn đề này chưa được ban hành này được đánh giá là chưa bảo đảm yêu cầu của CPTPP.

Mặt khác, trong bối cảnh pháp luật Việt Nam chưa từng có quy định về vấn đề này, và hệ thống công đoàn trước nay đang triển khai theo một cơ chế hoàn toàn khác biệt, việc thiết lập một chế độ hoàn toàn mới, với rất nhiều các vấn đề xung quanh việc quản lý, thực hiện, giám sát, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan, điều chỉnh quan hệ tương tác với các chế độ khác trong pháp luật về lao động... cần nhiều thời gian và rất nhiều nguồn lực (nhân lực, chuyên môn, tiền...) để triển khai. Bên cạnh đó, theo cơ quan quản lý Nhà nước về vấn đề này, cho tới hiện tại, việc chưa có quy định cụ thể về quy trình thành lập tổ chức đại diện người lao động tại doanh nghiệp chưa làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích thực tế của các chủ thể (do cho tới nay chưa có tổ chức, cá nhân nào bày tỏ ý định cụ thể về việc thành lập tổ chức đại diện của người lao động tại doanh nghiệp).

Đây có thể là lý do mà cho tới nay các đối tác CPTPP mặc dù bày tỏ quan tâm về kế hoạch thực hiện của Việt Nam liên quan tới nghĩa vụ này nhưng không đặt vấn đề quan ngại về nỗ lực thực thi cam kết của Việt Nam.

- *Quy định hoàn toàn tương thích với cam kết nhưng hướng dẫn thực tế có điểm chưa bám sát cam kết*

Trường hợp này phát sinh với duy nhất 01 cam kết CPTPP, về đấu giá hạn ngạch nhập khẩu ô tô. Cụ thể, theo cam kết CPTPP và Thông tư 04/2020/TT-BCT (Điều 6.6) thì doanh nghiệp sẽ không bị yêu cầu phải *bỏ giá tối thiểu* để tham gia hay nhận phân bổ hạn ngạch nhập khẩu ô tô cũ. Tuy nhiên, trong Quy chế đấu giá hạn ngạch năm 2020 do Hội đồng đấu giá thành lập theo Thông tư này ban hành thì lại có quy định về “bước giá tối thiểu 30 triệu đồng/xe”.

Về mặt câu chữ thì “bỏ giá tối thiểu” và “bước giá tối thiểu” có thể là khác nhau (mặc dù trong cả Thông tư 04 lẫn Quy chế đấu giá 2020 đều không có định nghĩa/giải thích về các thuật ngữ này). Tuy nhiên, hai quy định này dẫn tới cùng một thực tế là các doanh nghiệp tham gia đấu giá bắt buộc phải bỏ giá thấp nhất cho 01 xe là 30 triệu đồng, do đó chưa bám sát cam kết CPTPP và quy định tại Thông tư 04/2020/TT-BCT nói trên.

Về cơ bản, có thể thấy trong phần lớn các trường hợp, sự “khác biệt” giữa VBQPPL thực thi CPTPP và cam kết liên quan đều là những điều chỉnh có chủ ý của cơ quan soạn thảo, nhằm bảo đảm tính hợp lý và khả thi của cam kết vốn có tính “ngoại lai” khi đưa vào hệ thống pháp luật và tổ chức thực hiện thực tế của Việt Nam. Đồng thời ở các trường hợp này, các điều chỉnh không tạo ra thay đổi nội dung cơ bản của cam kết hay làm giảm hiệu lực thực tế của cam kết liên quan.

4.2. Tính minh bạch

Minh bạch là nguyên tắc quan trọng được nhấn mạnh trong hoạt động xây dựng VBQPPL của Việt Nam²⁸ cũng như trong CPTPP²⁹. Từ góc độ nội dung, yêu cầu minh bạch đòi hỏi các quy định phải được trình bày một cách rõ ràng, cụ thể, chặt chẽ, cho phép hiểu đúng và chỉ theo một nghĩa thống nhất và duy nhất. Từ góc độ quy trình, thủ tục, yêu cầu minh bạch còn thể hiện ở việc các bước trong thủ tục phải được thiết kế chặt chẽ, có thời hạn chính xác, với các điều kiện/tiêu chí rõ ràng, cụ thể, hạn chế tối đa không gian quyết định có tính định tính của cơ quan có thẩm quyền, bảo đảm sự tuần tự, thống nhất giữa các bước với nhau.

²⁸ Điều 5.3 Luật Ban hành VBQPPL

²⁹ Mục B Chương 26 CPTPP

Rà soát nội dung các quy định cụ thể tại các VBQPPL thực thi CPTPP cho thấy hầu hết các quy định đều bảo đảm các tiêu chí minh bạch cả về nội dung và quy trình, nếu có.

Mặc dù vậy, vẫn có một số ít quy định mặc dù bảo đảm đúng cam kết nhưng chưa thực sự rõ ràng để các doanh nghiệp Việt Nam có thể áp dụng thuận lợi. Các trường hợp như vậy tập trung chủ yếu trong Thông tư 03/2019/TT-BCT về quy tắc xuất xứ CPTPP, cụ thể:

- *Ngôn ngữ không thật sự dễ hiểu*

Thông tư này nội luật hóa các cam kết tại Chương 3 về Quy tắc xuất xứ của CPTPP – một trong các Chương được đánh giá là có tính kỹ thuật, phức tạp nhất, đòi hỏi cách hiểu và áp dụng chính xác và chi tiết nhất có thể. Trên thực tế, ngoại trừ các điều khoản chung (về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng...), hầu hết các quy định khác trong Thông tư này có nội dung bám sát nguyên văn cam kết.

Một mặt điều này bảo đảm tính chính xác trong quá trình “nội luật hóa” các cam kết kỹ thuật chuyên môn sâu về quy tắc xuất xứ, từ đó bảo đảm tính tương thích của Thông tư với cam kết, giảm thiểu nguy cơ chứng nhận xuất xứ của hàng hóa xuất khẩu Việt Nam bị đối tác CPTPP từ chối do dựa trên các tiêu chí không bám sát cam kết.

Mặt khác, cách chuyển tải gần như nguyên vẹn câu chữ cam kết vào quy định pháp luật có thể gây khó khăn cho việc hiểu và áp dụng cam kết của các tổ chức, cá nhân trong nước. Ngôn ngữ cam kết CPTPP vốn đã rất phức tạp, ngôn ngữ dịch thậm chí có thể còn khó hiểu hơn nữa. Điều này dẫn tới khó khăn của doanh nghiệp trong việc hiểu đúng, chính xác về các quy định để triển khai thực hiện cho đúng.

Hộp 3 – Khó khăn của doanh nghiệp trong việc hiểu quy tắc xuất xứ CPTPP

Quy tắc xuất xứ CPTPP quy định trong Thông tư 03 có nhiều điểm mới so với QTXX trong các FTA trước đây mà doanh nghiệp đã quen thuộc, lại được quy định bám sát ngôn ngữ đàm phán. Do đó, có không ít doanh nghiệp mặc dù đã được đọc, nghiên cứu QTXX trong Thông tư 03 nhưng chưa hiểu được nội dung hay cách thức áp dụng các quy định này.

Với các doanh nghiệp thủy sản, Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản (VASEP) phải phối hợp với Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương tổ chức nhiều khóa tập huấn mà ở đó cán bộ Cục giúp diễn giải, hướng dẫn cách hiểu, giải thích các quy định cụ thể trong Thông tư 03 cho doanh nghiệp. Cũng có những trường hợp sau đào tạo, doanh nghiệp khi làm thực tế vẫn không hiểu, VASEP sẽ liên hệ với cán bộ Cục để trả lời cho doanh nghiệp.

Với các doanh nghiệp dệt may, do có điều kiện tham gia sát sao quá trình đàm phán, Hiệp hội dệt may Việt Nam (VITAS) có cơ hội để hiểu khá rõ về QTXX với hàng dệt may. Vì vậy, trước tình trạng nhiều doanh nghiệp không hiểu được các quy định về QTXX cho sản phẩm của mình trong Thông tư 03, Hiệp hội này đã chủ động tổ chức nhiều khóa đào tạo cho doanh nghiệp thành viên.

Tuy nhiên, các nỗ lực này dường như là chưa đủ, cần thiết phải có quy định hướng dẫn cụ thể hơn, chi tiết và đầy đủ hơn (ví dụ thông qua việc sửa đổi, bổ sung Thông tư 03 hoặc dưới hình thức Công văn hướng dẫn thích hợp).

● Một số ký hiệu được sử dụng mà không có giải thích/định nghĩa cụ thể

Các Phụ lục của Thông tư 03/2019/TT-BCT quy định cụ thể quy tắc xuất xứ CPTPP của từng nhóm mặt hàng. Trong các Phụ lục này, thay vì quy định diễn giải về quy tắc xuất xứ như trong cam kết CPTPP, Thông tư sử dụng các ký hiệu ngắn gọn (CC, CTH...), suy đoán là có ý nghĩa tương đương với các diễn giải của cam kết. Tuy nhiên, nội dung Thông tư không có phần giải thích từ ngữ để định nghĩa về phạm vi, ý nghĩa hay giá trị của các ký hiệu này (ngoại trừ một vài nội dung để cập gián tiếp trong phần lời văn đầu Phụ lục).

Trên thực tế, với nhiều doanh nghiệp xuất khẩu, đây là các ký hiệu khá quen thuộc và đã được áp dụng tương đối thông dụng. Mặc dù vậy, đây chỉ là cách hiểu và áp dụng theo thói quen. Về mặt pháp lý, tất cả các ký hiệu sử dụng trong VBQPPL đều phải được giải thích/định nghĩa rõ ràng. Rà soát cho thấy không chỉ trong Thông tư 03 này mà trong tất cả các VBQPPL liên quan tới xuất xứ có thể áp dụng cho Thông tư 03³⁰ đều chưa có giải thích chính thức nào về các ký hiệu này.

Hộp 4 - Ví dụ về việc dùng ký hiệu trong Thông tư 03/2019/TT-BCT thay thế diễn giải trong cam kết CPTPP

● Cam kết CPTPP

02.01 - 02.10	Chuyển đổi cho hàng hóa của nhóm 02.01 đến 02.10 từ bất kỳ chương nào khác.
0304.95	Chuyển đổi cho <i>Merluccius angustimanus</i> (Panama hake) hoặc <i>Merluccius productus</i> (North Pacific hake) của phân nhóm 0304.95 từ bất kỳ chương nào khác; Chuyển đổi cho bất kỳ hàng hóa nào của phân nhóm 0304.95 từ bất kỳ nhóm nào khác.
3505.20	Chuyển đổi cho hàng hóa của phân nhóm 3505.20 từ bất kỳ nhóm nào khác; hoặc Không chuyển đổi mã số hàng hóa cho hàng hóa của phân nhóm 3505.20, với điều kiện hàm lượng giá trị khu vực không thấp hơn: (a) 35% theo cách tính trực tiếp; hoặc (b) 45% theo cách tính gián tiếp.



³⁰ Bao gồm Nghị định 31/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Luật quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa và Thông tư 05/2018/TT-BCT quy định về xuất xứ hàng hóa

Hộp 4 - Ví dụ về việc dùng ký hiệu trong Thông tư 03/2019/TT-BCT thay thế diễn giải trong cam kết CPTPP

● Quy định tại Phụ lục I Thông tư 03/2019/TT-BCT

02.01 - 02.10	CC
0304.95	Đối với cá tuyết thuộc loài <i>angustimanus</i> (Panama hake) hoặc <i>productus</i> (North Pacific hake) thuộc phân nhóm 0304.95: CC; Đối với hàng hóa khác thuộc phân nhóm 0304.95: CTH.
3505.20	CTH; hoặc RVC không thấp hơn: a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc b) 45% theo công thức tính gián tiếp.

Phần chú giải thuật ngữ trong Phụ lục I Thông tư chỉ có các nội dung gián tiếp và không đầy đủ về các ký hiệu sử dụng trong Danh mục quy tắc xuất xứ mặt hàng:

2. Trong Phụ lục này, hàng hóa có xuất xứ là hàng hóa được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều Nước thành viên bởi một hoặc nhiều nhà sản xuất và có sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ, với điều kiện:

a) Mỗi nguyên liệu không có xuất xứ được sử dụng để sản xuất ra hàng hóa đáp ứng quy tắc chuyển đổi mã số hàng hóa (CC, CTH hoặc CTSH), quy tắc quy trình sản xuất cụ thể, quy tắc hàm lượng giá trị khu vực (RVC), hoặc các quy tắc khác được nêu trong Phụ lục này; và

...

3. Để diễn giải Quy tắc cụ thể mặt hàng trong Phụ lục này:

...

c) Quy tắc chuyển đổi mã số hàng hóa (CC, CTH hoặc CTSH) chỉ áp dụng cho nguyên liệu không có xuất xứ;

...

g) Trường hợp Quy tắc cụ thể mặt hàng đơn nhất áp dụng cho tập hợp gồm nhiều nhóm hoặc nhiều phân nhóm và quy tắc xuất xứ đó yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa của nhóm (CTH) hoặc phân nhóm (CTSH), việc chuyển đổi mã số hàng hóa này áp dụng với nguyên liệu không có xuất xứ từ nhóm hoặc phân nhóm khác, hoặc có thể từ nhóm hoặc phân nhóm khác với nhóm hoặc phân nhóm của hàng hóa trong cùng tập hợp.

...

Nguồn: Phụ lục 3-D Chương 3 CPTPP và Thông tư 03/2019/TT-BCT

- Quy định dẫn chiếu tới các hướng dẫn, giải thích chưa bảo đảm minh bạch

Thông tư 06/2020/TT-BCT sửa đổi bổ sung Thông tư 03/2019/TT-BCT về quy tắc xuất xứ CPTPP có quy định dự tính trước tình huống các điều khoản trong Thông tư 03 có thể được giải thích, hướng dẫn thêm (theo thống nhất chung giữa các đối tác CPTPP). Theo đó (i) các giải thích, hướng dẫn về cách hiểu các quy tắc xuất xứ mà các nước CPTPP đã thống nhất sẽ là căn cứ để giải thích và áp dụng khi thực hiện Thông tư 03, và (ii) Bộ Công Thương sẽ thông báo các hướng dẫn, cách hiểu được thống nhất này cho các cơ quan, tổ chức cấp C/O và cơ quan hải quan.

Từ góc độ hiệu quả, quy định này cho phép giải quyết các vướng mắc trong quá trình áp dụng các quy định của Thông tư 03 trên thực tế cho doanh nghiệp ngay khi các nước CPTPP có thống nhất về vấn đề có vướng mắc liên quan (mà không phải chờ đợi quy trình sửa đổi Thông tư vốn khá dài với nhiều quy trình). Quy định cũng chỉ rõ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải dựa vào các giải thích, hướng dẫn đã thống nhất để xử lý vướng mắc cho doanh nghiệp, giúp giải quyết nhanh các vấn đề phát sinh.

Tuy nhiên, từ góc độ pháp lý, quy định này chưa thực sự bảo đảm yêu cầu minh bạch do các doanh nghiệp không được biết đến các hướng dẫn, giải thích này để áp dụng và thực hiện tương ứng (những hướng dẫn, giải thích chỉ được thông báo cho các cơ quan Nhà nước liên quan).

Xét một cách công bằng, trong so sánh với các VBQPPL thực thi CPTPP còn lại, Thông tư 03/2019/TT-BCT là văn bản có tính kỹ thuật chuyên sâu nhất. Việc yêu cầu các quy định kỹ thuật của Thông tư này phải được thiết kế theo cách để tất cả các chủ thể áp dụng có thể hiểu và thực hiện được như các văn bản khác là không dễ dàng và không hiện thực. Hơn nữa, trong một số các trường hợp, việc diễn giải quy định của Thông tư (có nội dung tương tự cam kết) có thể cần được sự thống nhất của các đối tác CPTPP, hoặc cần vận dụng linh hoạt, do đó có thể không thích hợp để đưa minh thị vào VBQPPL.

Bản thân Bộ Công Thương, cơ quan chủ trì soạn thảo và thực hiện Thông tư 03, cũng đã nhận diện được các bất cập này. Để khắc phục, cơ quan này đã tổ chức các Hội thảo, chương trình phổ biến QTXX cho doanh nghiệp; đào tạo cho các cán bộ tại cơ quan tổ chức cấp để họ hiểu rõ quy định và hướng dẫn các doanh nghiệp khi xin cấp C/O CPTPP; biên soạn các tài liệu, xây dựng video và bài viết hướng dẫn về QTXX CPTPP. Đối với các hướng dẫn, giải thích QTXX mà được các nước CPTPP thống nhất³¹, theo dự kiến, tương tự các FTA khác, Bộ cũng sẽ thông báo rộng rãi về các nội dung này trên website của Bộ, qua các phương tiện thông tin đại chúng và tại cơ sở cấp C/O.

Mặc dù vậy, những nỗ lực này dường như chưa đủ, đặc biệt từ góc độ minh bạch pháp lý. Trong bối cảnh Thông tư 03 buộc phải bám sát câu chữ trong Hiệp định, có lẽ cơ quan có thẩm quyền (Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương) nên xem xét ban hành thêm các văn bản hướng dẫn bổ sung, chi tiết (ví dụ dưới dạng Công văn) để (i) diễn giải rõ hơn về các QTXX theo cam kết trong Thông tư 03, ví dụ theo từng nhóm sản phẩm có QTXX phức tạp/gây tranh cãi; (ii) cập nhật các giải thích hướng dẫn về QTXX mà các nước CPTPP thống nhất với nhau trong quá trình thực thi Hiệp định. Các văn bản hướng

³¹ Theo thông tin từ Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương, tính tới tháng 9/2021, chưa có thống nhất nào giữa các nước thành viên CPTPP về việc hướng dẫn, giải thích các cam kết về QTXX.

dẫn này ít nhất phải được công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương, công bố tại cơ sở cấp C/O, gửi tới VCCI và các Hiệp hội ngành nghề để thông báo rộng rãi và chính thức tới doanh nghiệp. Ngoài ra, liên quan tới các hướng dẫn, giải thích được thống nhất giữa các nước CPTPP, cần xem xét sửa đổi Thông tư khoản 3 Điều 33 Thông tư 03 (sửa đổi bởi Thông tư 06) để mở rộng diện chủ thể được thông báo không chỉ ở các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà cả VCCI và các Hiệp hội doanh nghiệp liên quan.

4.3. Tính hợp lý và khả thi

Mặc dù CPTPP không có bất kỳ yêu cầu nào về tính hợp lý hay khả thi của các quy định nội địa thực thi CPTPP, đây lại là đòi hỏi quan trọng từ góc độ lợi ích của chính Việt Nam trong thực thi Hiệp định.

Rà soát các VBQPPL thực thi CPTPP cho thấy từ góc độ nội dung, phần lớn các quy định trong các văn bản này là hợp lý và khả thi.

Kết quả này không gây ngạc nhiên, bởi một số lý do cả từ góc độ kỹ thuật và chính sách:

- Thứ nhất, trong đa số các trường hợp, các quy định “nội luật hóa” buộc phải bám sát nội dung cam kết CPTPP gốc. Quyền lựa chọn của Việt Nam khi thiết kế quy định này hầu như không đáng kể. Vì vậy tính “hợp lý” hay “không hợp lý” của quy định hầu như không đặt ra. Ví dụ điển hình là các quy định về mức thuế quan ưu đãi cho từng dòng hàng (Nghị định 57/2019/NĐ-CP), mức hạn ngạch được phép (các Thông tư 07/2019/TT-BCT, 03/2020/TT-BCT, 04/2020/TT-BCT), quy tắc xuất xứ mặt hàng (Thông tư 03/2019/TT-BCT, sửa đổi bởi Thông tư 06/2020/TT-BCT), danh mục gói thầu mở cửa cho nhà thầu CPTPP (Nghị định 95/2020/NĐ-CP)...;
- Thứ hai, quá trình lấy ý kiến tham vấn các đối tượng chịu tác động trong quá trình soạn thảo nhiều văn bản đã được thực hiện tương đối thực chất, hiệu quả. Trên thực tế, đa phần các dự thảo VBQPPL thực thi CPTPP được công khai và/hoặc lấy ý kiến doanh nghiệp trong quá trình soạn thảo qua VCCI. Sau khi cơ quan soạn thảo tiếp thu các ý kiến, nhiều quy định đã được điều chỉnh cho phù hợp thực tiễn doanh nghiệp, bảo đảm tốt hơn yêu cầu về tính hợp lý và khả thi của quy định. Ví dụ các quy định về xác minh xuất xứ từ góc độ hải quan (Thông tư 62/2019/TT-BTC), quy định về biện pháp phòng vệ đặc biệt (Thông tư 19/2020/TT-BCT)...;
- Thứ ba, kinh nghiệm và kiến thức của các cơ quan chịu trách nhiệm soạn thảo cho phép lựa chọn phương án hợp lý và khả thi cho nhiều quy định. Rà soát cho thấy đối với tất cả các VBQPPL thực thi CPTPP, cơ quan chịu trách nhiệm soạn thảo cũng đồng thời là đơn vị quản lý nhà nước về lĩnh vực liên quan và trước đó là đầu mối đàm phán kỹ thuật về cam kết cần “nội luật hóa”. Các cơ quan này suy đoán là nắm rất rõ về hiện trạng pháp luật, yêu cầu của cam kết, thực tiễn liên quan, và thậm chí được cho là đã phải lên phương án thích hợp ngay khi phương án cam kết được chốt trong quá trình đàm phán;
- Một số ít trường hợp chưa thể kiểm chứng được về tính hợp lý, khả thi trên thực tế. Trong số các VBQPPL thực thi CPTPP, có một số trường hợp mặc dù quy định đã có hiệu lực pháp lý nhưng chưa được sử dụng trên thực tế bởi các chủ thể liên quan do lựa chọn chủ quan của họ (ví dụ các biện pháp tự vệ đặc biệt trong khuôn khổ CPTPP) hoặc do đang chờ thiết lập cơ chế tổ chức thực hiện (ví dụ chế định về thành lập và hoạt động của tổ chức đại diện người lao động tại doanh nghiệp).

Đối với các trường hợp này, do trên thực tế chưa kiểm chứng được nên tính hợp lý và khả thi mới chỉ được đánh giá từ góc độ phân tích nội dung pháp lý.

Mặc dù hầu hết các quy định thực thi CPTPP đều được đánh giá là phù hợp và khả thi, các phân tích chi tiết và rà soát thực tiễn thực hiện cho thấy vẫn tồn tại một số trường hợp quy định/cách thức “nội luật hóa” chưa thực sự hợp lý, gây vướng mắc ảnh hưởng nhất định tới lợi ích của doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình tận dụng cơ hội từ CPTPP.

■ *Trường hợp quy định có nội dung được áp dụng/giải thích chưa hợp lý, dẫn tới vướng mắc trong thực tiễn*

Rà soát cho thấy có chỉ có Thông tư 03/2019/TT-BCT về quy tắc xuất xứ có vướng mắc trong diễn giải quy định khi thực thi trên thực tế.

Thông tư 03/2019/TT-BCT quy định về QTXX, chủ yếu là để áp dụng cho hàng hóa của Việt Nam muốn được hưởng ưu đãi thuế quan CPTPP khi xuất khẩu sang các đối tác CPTPP. Với Thông tư này, vướng mắc nổi cộm liên quan tới cách thức diễn giải quy tắc “từ sợi trở đi” đối với hàng dệt may.

Bộ Công Thương, cơ quan soạn thảo, ban hành và thực thi Thông tư 03, đã xử lý vướng mắc này thông qua các văn bản hướng dẫn về cách giải thích QTXX đối với dệt may (văn bản hướng dẫn cơ quan cấp C/O và văn bản hướng dẫn doanh nghiệp). Tuy nhiên, doanh nghiệp dệt may vẫn cho rằng vướng mắc mới được xử lý một phần, chưa triệt để.

Hộp 5 – Vướng mắc trong thực thi quy tắc xuất xứ “từ sợi trở đi” đối với hàng dệt may

Theo CPTPP, để được hưởng ưu đãi thuế quan CPTPP, hàng dệt may phải đáp ứng các QTXX cụ thể cho từng nhóm sản phẩm dệt may, mà tinh thần cốt lõi là quy tắc “từ sợi trở đi”. Mặc dù các cam kết cụ thể không trực tiếp sử dụng thuật ngữ “từ sợi trở đi”, tất cả các nước đường như đều thống nhất về yếu tố cốt lõi này, thể hiện trong nhiều Tài liệu chính thức của các nước thành viên TPP-CPTPP khi tóm tắt về QTXX với hàng dệt may TPP-CPTPP.

Quy tắc “từ sợi trở đi” hiểu một cách giản lược là yêu cầu các công đoạn trong chuỗi sản xuất hàng dệt may bắt đầu từ sợi trở đi (tức là từ xe sợi, dệt, nhuộm, in, cắt, may, dập... đến thành phẩm cuối cùng) đều phải thực hiện tại các nước thành viên CPTPP.

Về mặt quy định, Thông tư 03/2019/TT-BCT đã chuyển tải nguyên văn lời văn cam kết về các QTXX đối với từng nhóm sản phẩm dệt may cụ thể. Do đó không nảy sinh bất cập nào từ góc độ này. Tuy nhiên, khi áp dụng trên thực tế, QTXX đối với hàng dệt may lại được cơ quan cấp C/O diễn giải theo hướng “từ bông trở đi” (thay vì “từ sợi trở đi”).

Theo cơ quan cấp C/O, cách hiểu này bám sát đúng câu chữ cam kết về quy tắc cụ thể mặt hàng dệt may của Hiệp định.



Hộp 5 – Vướng mắc trong thực thi quy tắc xuất xứ “từ sợi trở đi” đối với hàng dệt may

Trong khi đó, theo các doanh nghiệp dệt may, cách giải thích QTXX với một số mặt hàng dệt may như vậy là chưa hợp lý, gây bất lợi cho doanh nghiệp Việt Nam:

- Theo một chuyên gia về xuất xứ CPTPP của Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS) thì quy tắc sản phẩm cụ thể “từ bông trở đi” khi kết hợp với quy tắc chung về “cộng gộp toàn phần” sẽ dẫn tới quy tắc thực tế là “từ sợi trở đi”, áp dụng cho tất cả các sản phẩm dệt may; cách hiểu như vậy đã được các bên thống nhất ngay trong quá trình đàm phán, vì thế các Tài liệu của TPP-CPTPP đều thống nhất miêu tả QTXX dệt may CPTPP là “từ sợi trở đi”;
- Theo Ông Lê Tiến Trường, Tổng giám đốc Tập đoàn Dệt may, Phó Chủ tịch VITAS thì “*Ở một góc độ nào đó, lời văn trong Hiệp định CPTPP chưa tường minh. Tuy nhiên khi chưa tường minh thì chúng ta cũng nên xử lý theo hướng bảo vệ quyền lợi tốt nhất cho doanh nghiệp. Sau này, nếu bất cứ quốc gia nào trong khối CPTPP khiếu nại, chúng ta có quyền đàm phán song phương với họ. Không việc gì phải chọn phương án xấu nhất cho cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam*”³².

Trên thực tế, cơ quan cấp C/O cũng đã tiếp nhận phản ánh về vướng mắc này của doanh nghiệp dệt may ngay từ khi phát sinh vấn đề. Tuy nhiên, phải đợi tới sau Phiên họp Hội đồng CPTPP (10/2019 tại New Zealand) mà ở đó Bộ trao đổi song phương với một số nước CPTPP về cách hiểu và triển khai thực thi QTXX đối với hàng dệt may và nhận được phản hồi từ họ sau Phiên họp, vấn đề này mới được giải quyết.

Cụ thể, ngày 25/10/2019, Bộ Công Thương đã có Công văn số 8101/BCT-XNK (Cục Xuất nhập khẩu) hướng dẫn các Tổ cấp C/O của Bộ về việc cấp C/O mẫu CPTPP đối với các sản phẩm dệt may trong CPTPP, Công văn 1138/XNK-XXHH ngày 4/11/2019 gửi Hiệp hội dệt may hướng dẫn về QTXX hàng dệt may trong CPTPP để giải quyết vấn đề này. Theo các hướng dẫn này, trên cơ sở vận dụng nguyên tắc “cộng gộp toàn phần”, cơ quan này chấp nhận quy tắc “từ sợi trở đi” nhưng chỉ trong trường hợp “sợi được kéo tại Việt Nam”.

Tuy nhiên, theo doanh nghiệp dệt may, cách xử lý như trên của Bộ Công Thương chưa giải quyết được hoàn toàn vấn đề, bởi với hướng dẫn của Bộ, QTXX với dệt may vẫn là “từ bông trở đi”, chỉ bổ sung ngoại lệ duy nhất là chấp nhận “sợi kéo tại Việt Nam” (còn “sợi kéo ở các nước CPTPP” vẫn không được chấp nhận).

Ngoài ra, theo thông tin từ doanh nghiệp dệt may, các nước đối tác CPTPP đã chấp nhận cho doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam được tự chứng nhận xuất xứ CPTPP. Và nếu tự chứng nhận xuất xứ, doanh nghiệp có thể chủ động diễn giải quy tắc “từ sợi trở đi” và tự chịu trách nhiệm với diễn giải đó của mình. Vấn đề là ở chỗ doanh nghiệp không dám chắc mình có được tự chứng nhận xuất xứ không bởi Thông tư 03 hoàn toàn không đề cập tới vấn đề này.

³² <https://www.bsc.com.vn/tin-tuc/tin-chi-tiet/672445-vi-dau-loi-ich-tu-cptpp-nam-tren-giay>

■ Trường hợp quy định chưa dự kiến hết các tình huống thực tế

Rà soát cho thấy thực tiễn thực thi 01 văn bản (Thông tư 62/2019/TT-BTC) có phát sinh một số vướng mắc thuộc trường hợp này.

Thông tư 62/2019/TT-BTC chủ yếu điều chỉnh các khía cạnh về xác minh xuất xứ từ góc độ thủ tục hải quan, áp dụng phần lớn cho hàng hóa nhập khẩu xuất xứ CPTPP. Các vướng mắc chủ yếu phát sinh từ các tình huống thực tiễn, mà chưa được điều chỉnh hoặc chưa được xử lý trong Thông tư, ví dụ:

- Quy định mâu thuẫn liên quan tới số tham chiếu trên C/O của hàng hóa nhập khẩu: Thông tư 62/2019/TT-BTC không yêu cầu thông tin này trong C/O CPTPP hàng nhập khẩu, tuy nhiên Điều 5 Thông tư 38/2018/TT-BTC lại quy định đây là thông tin bắt buộc phải có;
- Quy trình, cách thức xử lý đối với trường hợp chứng từ tự chứng nhận xuất xứ CPTPP của hàng hóa nhập khẩu bị cấp lỗi: Nhà xuất khẩu nước ngoài đã cấp C/O lỗi có thể sửa lỗi trực tiếp trên C/O đó không? có thể cấp C/O khác thay thế không? và thủ tục, điều kiện như thế nào?
- Các điều kiện để áp dụng C/O CPTPP điện tử cho hàng nhập khẩu từ nước đối tác CPTPP vào Việt Nam: Phải thực hiện thủ tục gì? Ai thực hiện? Định dạng C/O điện tử như thế nào thì được chấp nhận?...

Trên thực tế, các vướng mắc thực tiễn này được Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) xử lý chủ yếu thông qua việc ban hành các Công văn hướng dẫn về cách thức xử lý trong các trường hợp cụ thể.

■ Trường hợp quy định được thiết kế theo cách thức tương đối phức tạp, khiến việc hiểu để thực thi không thật dễ dàng

Trong khi tất cả các VBQPPL thực thi CPTPP đều lựa chọn phương thức xây dựng quy định “nội luật hóa” trực tiếp các cam kết cụ thể của CPTPP mà pháp luật Việt Nam chưa tương thích, Nghị định 95/2020/NĐ-CP về đấu thầu gói thầu CPTPP là văn bản duy nhất lựa chọn phương thức riêng – quy định lại toàn bộ chế định pháp luật đấu thầu (trong đó ngoài một số ít các quy định nội luật hóa cam kết CPTPP, phần lớn nhắc lại các quy định chung của pháp luật đấu thầu tại Nghị định 63/2014/NĐ-CP).

Theo cơ quan soạn thảo, cách quy định này tạo điều kiện cho các chủ thể áp dụng (chỉ phải tra cứu duy nhất văn bản này cho các gói thầu CPTPP). Hơn nữa, một số trường hợp cam kết CPTPP không dễ để quy định riêng mà phải lồng vào các quy định hiện có.

Mặc dù vậy, rà soát từ góc độ của các đơn vị mời thầu phải thực thi Nghị định cho thấy cách thức quy định này có thể gây ra những khó khăn nhất định cho họ khi thực hiện các gói thầu CPTPP.

- Khó khăn từ góc độ tìm hiểu quy định để thực thi:

Trên thực tế, hầu như các chủ thể sẽ áp dụng các quy định của Nghị định này, đặc biệt là các chủ đầu tư, bên mời thầu, đều đã rất quen thuộc với hệ thống pháp luật đấu thầu chung. Nếu Nghị định chỉ bao gồm các quy định riêng, đặc thù cho gói thầu CPTPP, các chủ thể này sẽ chỉ cần điều chỉnh “thông lệ đấu thầu” hiện tại của họ ở những khía cạnh CPTPP có quy định khác biệt cho các gói thầu CPTPP là đủ. Số lượng các quy định đặc thù riêng của CPTPP khá ít, vì vậy việc tìm hiểu các điểm mới của đấu thầu gói thầu CPTPP sẽ không phải là quá khó khăn.

Tuy nhiên, do Nghị định này quy định lại toàn bộ chế định về đấu thầu để áp dụng cho gói thầu CPTPP (trong đó tất nhiên không chỉ rõ đâu là điểm mới của CPTPP, đâu là các quy định vẫn giữ nguyên như trước, đâu là các quy định gần giống hiện hành nhưng có điều chỉnh chút ít). Vì vậy, các chủ đầu tư, bên mời thầu sẽ phải làm quen lại từ đầu với toàn bộ các nội dung của Nghị định. Tiếp theo đó, họ cũng sẽ phải tìm hiểu lại toàn bộ các nội dung Thông tư hướng dẫn Nghị định 95 này lập hồ sơ mời thầu theo từng loại sản phẩm, cách thức thầu áp dụng riêng cho các gói thầu CPTPP.

● Phức tạp từ góc độ pháp lý

Với sự ra đời của Nghị định 95/2020/NĐ-CP, lần đầu tiên pháp luật Việt Nam có một chế định pháp luật với cùng lúc 02 hệ thống riêng song song và độc lập tồn tại: một hệ thống pháp luật đấu thầu chung cho mọi gói thầu và một hệ thống pháp luật đấu thầu riêng chỉ dành cho các gói thầu CPTPP (mà sau này có bổ sung thêm các gói thầu EVFTA, UKVFTA).

Sự tồn tại đồng thời của 02 hệ thống có phần lớn nội dung giống nhau dẫn tới tình trạng lệ thuộc lẫn nhau về nội dung. Trong tương lai, khi hệ thống pháp luật đấu thầu gốc (áp dụng chung) thay đổi, các quy định tương tự trong Nghị định 95 cũng sẽ phải thay đổi theo.

Điều này sẽ khiến cho mỗi sửa đổi, bổ sung đối với pháp luật đấu thầu hầu như sẽ dẫn tới sửa đổi cùng lúc cả 02 hệ thống, làm tăng khối lượng công việc trong tất cả các quy trình liên quan tới soạn thảo và ban hành. Đồng thời các chủ thể thực thi cũng sẽ phải tìm hiểu cùng lúc các thay đổi ở cả 02 hệ thống.

■ Trường hợp quy định bổ sung các yêu cầu riêng của Việt Nam ảnh hưởng tới tính khả thi và hiệu quả áp dụng

Kết quả rà soát pháp luật và thực tiễn cho thấy có 01 VBQPPL thực thi CPTPP gặp “trục trặc” trong thực thi mặc dù vẫn bảo đảm tuân thủ đúng cam kết. Lý do được cho là nằm ở các điều kiện mà Việt Nam quy định để được hưởng ưu đãi CPTPP (CPTPP cho phép Việt Nam tự quy định các điều kiện này). Đó là trường hợp của Thông tư 04/2020/TT-BCT quy định về đấu giá hạn ngạch thuế quan nhập khẩu ô tô đã qua sử dụng theo CPTPP.

Trong CPTPP, Việt Nam cam kết dành ưu đãi cho một số sản phẩm ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu theo chế độ hạn ngạch thuế quan. Ngoài cam kết mức thuế ưu đãi trong hạn ngạch, Việt Nam có cam kết về mức hạn ngạch hàng năm, và một số nguyên tắc trong quy trình đấu giá phân bổ hạn ngạch đối với các sản phẩm này. Thông tư 04/2020/TT-BCT được xây dựng để thực thi cam kết này.

Tuy nhiên các quy định của Thông tư liên quan tới điều kiện đấu giá và nhập khẩu ô tô cũ dường như quá chặt chẽ, khiến việc tận dụng cam kết này của doanh nghiệp hầu như không khả thi.

Hộp 6 - Thực tế thực thi Thông tư 04 về đấu giá hạn ngạch ô tô cũ

Thông tư 04 được ban hành ngày 22/1/2020, có hiệu lực từ 5/3/2020, suy đoán sẽ mang lại cơ hội cho doanh nghiệp nhập khẩu ô tô cũ với mức thuế hấp dẫn. Căn cứ vào Thông tư này, Bộ Công Thương đã tổ chức 02 đợt đấu giá hạn ngạch nhập khẩu ô tô cũ cho năm 2020 và 2021:

- Phiên đấu giá năm 2020 tiến hành với hạn ngạch tổng cộng là 66 chiếc, kết quả có 2 doanh nghiệp trúng đấu giá, với số lượng 15 chiếc. Tuy nhiên, cả 2 doanh nghiệp này đều không thực hiện được việc nhập khẩu trên thực tế do không được cấp phép nhập khẩu ô tô và không ủy thác được cho đơn vị nào có giấy phép nhập khẩu ô tô thực hiện việc nhập khẩu;
- Phiên đấu giá năm 2021 cho 72 chiếc ô tô cũ đã không được tổ chức, do mặc dù đã đăng thông báo về việc đấu giá nhưng trong vòng 03 tháng, Bộ Công Thương vẫn không nhận được bất kỳ hồ sơ quan tâm nào.

Việc các doanh nghiệp Việt Nam không quan tâm tới ưu đãi thuế quan đối với ô tô cũ nhập khẩu trong CPTPP như giai đoạn đầu hoàn toàn không phải bởi doanh nghiệp không nhìn thấy lợi ích từ cam kết này mà chủ yếu xuất phát từ 02 lý do sau:

- Thứ nhất, điều kiện để được phép nhập khẩu ô tô cũ quá khó khăn

Theo quy định tại Thông tư 04, doanh nghiệp chỉ được nhập khẩu ô tô theo hạn ngạch thuế quan nếu được Bộ Công Thương cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô, nếu không thì phải ủy thác cho một đơn vị có Giấy phép này thực hiện việc nhập khẩu. Nói cách khác, điều kiện nhập khẩu ô tô cũ áp dụng như điều kiện nhập khẩu ô tô mới vốn chỉ có doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, kinh doanh ô tô lớn mới có thể đáp ứng được. Trong khi đó, các doanh nghiệp lớn này lại không có bất kỳ động lực nào để nhập khẩu ô tô cũ, càng không có lý do nhận ủy thác của bất kỳ đơn vị nào khác để thực hiện việc này.

Tất nhiên, các điều kiện này của Việt Nam hoàn toàn không trái với cam kết CPTPP, bởi CPTPP cho phép Việt Nam được tự đặt ra các điều kiện cho đơn vị kinh doanh nhập khẩu ô tô. Tuy nhiên, nếu như Việt Nam đặt ra các điều kiện nhập khẩu ô tô cũ hợp lý hơn, khác biệt so với điều kiện nhập khẩu ô tô mới (ví dụ chỉ giữ các điều kiện liên quan tới quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô; các giảm bớt một số yêu cầu rất khó có thể thực hiện được đối với ô tô cũ như phải có giấy ủy quyền triệu hồi, bảo dưỡng của hãng xe, phải có cơ sở bảo hành, bảo dưỡng theo từng hãng xe...), có lẽ cam kết này đã có thể được hiện thực hóa trên thực tế.

- Thứ hai, mức bỏ giá tối thiểu theo quy định dường như là không thích hợp

Mặc dù thực hiện đúng cam kết CPTPP, Thông tư 04 không quy định về mức bỏ giá tối thiểu trong đấu giá hạn ngạch nhập khẩu ô tô cũ, Quy chế đấu giá năm 2020 của Hội đồng đấu giá lại quy định về bước giá tối thiểu 30 triệu đồng. Đây được xem là bước giá tương đối cao, cộng thêm với các quy định về tiền đặt trước 50 triệu đồng/chiếc, rõ ràng lợi ích mà doanh nghiệp kỳ vọng có thể thu được từ hoạt động nhập khẩu này, nếu trúng giá, đã bị thu hẹp đáng kể.

4.4. Tác động về giới

Rà soát các quy định tại các VBQPPL thực thi CPTPP cho thấy có 10/11 văn bản trung tính về giới, tức là không có quy định cụ thể nào liên quan tới các yếu tố giới, cũng không tác động riêng nào về giới cả trực tiếp hoặc gián tiếp. Trong các Tài trình và các tài liệu đi kèm dự thảo các văn bản này (bản thuyết minh, đánh giá tác động...) đều không có nội dung nào đề cập tới tác động về giới của văn bản.

Điều này xuất phát từ thực tế là các quy định thực thi CPTPP trong 10 văn bản này:

- Điều chỉnh các hoạt động thương mại thuần túy, được thực hiện bởi các chủ thể kinh doanh nói chung (doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh) không phân biệt về giới tính của chủ sở hữu, đội ngũ lãnh đạo hay của người lao động; hoặc là
- Liên quan tới các sản phẩm thương mại nói chung (hàng hóa, dịch vụ, tài sản sở hữu trí tuệ) không phân biệt về giới tính hay chủ thể sản xuất, kinh doanh sản phẩm.

Có 01 văn bản duy nhất có các quy định thực thi CPTPP liên quan có tác động về giới là Bộ luật Lao động 2019.

Văn bản này thực thi các cam kết CPTPP về lao động, trong đó có cam kết về (i) chấm dứt phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp (Điều 3.1.d Chương 19 CPTPP), và (ii) bảo đảm điều kiện làm việc có thể chấp nhận được về lương tối thiểu, giờ làm việc và an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (Điều 3.2 Chương 19 CPTPP). Mặc dù các cam kết này không trực tiếp đưa ra các tiêu chuẩn lao động cụ thể, không có các quy định riêng gắn với các yếu tố về giới, và trong quá trình xây dựng các quy định của Bộ luật lao động liên quan tới các vấn đề được đề cập trong cam kết, đã có một sự chú ý đặc biệt tới việc bảo đảm không phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp với lao động nữ, và bảo đảm các điều kiện làm việc chấp nhận được liên quan tới lao động nữ.

Bảng sau đây tóm tắt một số thay đổi trong Bộ luật Lao động 2019 so với Bộ luật Lao động 2012 về các khía cạnh liên quan tới vấn đề giới có liên quan tới 02 cam kết CPTPP về không phân biệt đối xử và bảo đảm điều kiện làm việc chấp nhận được. Rà soát cho thấy tất cả các thay đổi này đều được thiết kế theo hướng tạo hiệu quả tốt hơn về giới, tạo điều kiện thuận lợi hơn, bình đẳng và có lợi hơn cho lao động nữ so với quy định trước đó (Bộ luật Lao động 2012).

Bảng 4 – Các điểm mới, tiến bộ của Bộ luật Lao động 2019 từ góc độ giới

STT	Vấn đề	Quy định của BLLĐ 2012	Quy định của BLLĐ 2019
1	Định nghĩa hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc	Không có	Khoản 9 Điều 3: Quấy rối tình dục tại nơi làm việc là hành vi có tính chất tình dục của bất kỳ người nào đối với người khác tại nơi làm việc mà không được người đó mong muốn hoặc chấp nhận. Nơi làm việc là bất kỳ nơi nào mà người lao động thực tế làm việc theo thỏa thuận hoặc phân công của người sử dụng lao động.
2	Nghĩa vụ mới của người sử dụng lao động	Chưa có	Khoản 2 Điều 6 bổ sung nhiều nghĩa vụ của người sử dụng lao động: <ul style="list-style-type: none"> ● Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nhằm duy trì, chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động; ● Thực hiện quy định của pháp luật về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp và an toàn, vệ sinh lao động; xây dựng và thực hiện các giải pháp phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc; ● Tham gia phát triển tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, đánh giá, công nhận kỹ năng nghề cho người lao động.
3	Trường hợp không áp dụng thử việc	Khoản 2 Điều 26: Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động mùa vụ thì không phải thử việc.	Khoản 3 Điều 24: Không áp dụng thử việc đối với người lao động giao kết hợp đồng lao động có thời hạn dưới 01 tháng.
4	Các trường hợp người lao động được đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không cần báo trước	Theo Điều 37: Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn vẫn phải báo trước trong các trường hợp này.	Khoản 2 Điều 35: Người lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động không cần báo trước trong trường hợp: <p>...</p> <p>c) Bị người sử dụng lao động ngược đãi, đánh đập hoặc có lời nói, hành vi nhục mạ, hành vi làm ảnh hưởng đến sức khỏe, nhân phẩm, danh dự; bị cưỡng bức lao động;</p> <p>d) Bị quấy rối tình dục tại nơi làm việc;</p> <p>đ) Lao động nữ mang thai phải nghỉ việc theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật này.</p>



Bảng 4 – Các điểm mới, tiến bộ của Bộ luật Lao động 2019 từ góc độ giới

STT	Vấn đề	Quy định của BLLĐ 2012	Quy định của BLLĐ 2019
5	Trường hợp bên thuê lại lao động được sử dụng lao động thuê lại	Không quy định	Khoản 2 Điều 53 quy định bên thuê lại lao động được sử dụng lao động thuê lại trong trường hợp: ... b) Thay thế người lao động trong thời gian nghỉ thai sản, bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hoặc phải thực hiện các nghĩa vụ công dân.
6	Từ chối làm thêm giờ trong trường hợp đặc biệt	Điều 107: Người lao động không được từ chối trong các trường hợp nhất định	Điều 108: Người lao động được quyền từ chối nếu làm các công việc này mà có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của người lao động.
7	Nội dung mới trong nội quy lao động	Không quy định	Khoản 2 Điều 118 bổ sung thêm nội dung: Phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc; trình tự, thủ tục xử lý hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc.
8	Thêm trường hợp người lao động bị sa thải	Không quy định	Điều 125 bổ sung 01 trường hợp bị áp dụng hình thức sa thải là người lao động có hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc.
9	Sử dụng lao động nữ đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi	Điểm b khoản 1 Điều 155 quy định người sử dụng lao động không được sử dụng lao động nữ đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi làm việc ban đêm, làm thêm giờ và đi công tác xa.	Điểm b khoản 1 Điều 137 quy định người sử dụng lao động được sử dụng lao động nữ đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi làm việc ban đêm, làm thêm giờ và đi công tác xa nếu người đó đồng ý.
10	Thêm nhiều công việc lao động nữ mang thai được giảm giờ làm/ chuyển công việc	Không quy định	Khoản 2 Điều 137 đã bổ sung những công việc sau: ● Nghề, công việc độc hại, nguy hiểm; ● Nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; ● Nghề, công việc khác có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản và nuôi con khi mang thai.



Bảng 4 – Các điểm mới, tiến bộ của Bộ luật Lao động 2019 từ góc độ giới

STT	Vấn đề	Quy định của BLLĐ 2012	Quy định của BLLĐ 2019
11	Điều kiện về thời gian mang thai để được giảm giờ làm/chuyển công việc	Theo khoản 2 Điều 155, lao động nữ làm công việc nặng nhọc phải mang thai tới tháng thứ 7 mới được giảm giờ làm hoặc chuyển công việc nhẹ hơn	Khoản 2 Điều 137 quy định người lao động khi làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc làm nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản và nuôi con nếu mang thai và có thông báo cho người sử dụng lao động biết thì sẽ được chuyển làm công việc khác an toàn hơn hoặc giảm giờ làm.
12	Thay đổi quy định về sử dụng lao động là người khuyết tật	Khoản 1 Điều 178 quy định cấm sử dụng lao động là người khuyết tật suy giảm khả năng lao động từ 51% trở lên làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm. Khoản 2 Điều 178 quy định cấm sử dụng lao động là người khuyết tật làm những công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại.	Khoản 1 Điều 160 quy định được sử dụng người lao động là người khuyết tật nhẹ suy giảm khả năng lao động từ 51% trở lên, khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm nếu người đó đồng ý. Khoản 2 Điều 160: Được sử dụng lao động khuyết tật làm những công việc này sau khi đã được người sử dụng lao động cung cấp đầy đủ thông tin về công việc đó và được họ đồng ý.
13	Tăng tuổi nghỉ hưu	Theo khoản 1 Điều 187, tuổi nghỉ hưu với lao động nam là đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi.	Điều 169: Tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường được điều chỉnh theo lộ trình cho đến khi đủ 62 tuổi đối với lao động nam vào năm 2028 và đủ 60 tuổi đối với lao động nữ vào năm 2035. Kể từ năm 2021, tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường là đủ 60 tuổi 03 tháng đối với lao động nam và đủ 55 tuổi 04 tháng đối với lao động nữ; sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 03 tháng đối với lao động nam và 04 tháng đối với lao động nữ.



II

Rà soát các hoạt động
xây dựng pháp luật chuẩn bị cho
việc thực thi cam kết CPTPP
có hiệu lực theo lộ trình



Nhận diện các cam kết CPTPP cần “nội luật hóa” theo lộ trình

Các cam kết CPTPP cần được đưa vào pháp luật Việt Nam trong thời gian tới là các cam kết mà Việt Nam có bảo lưu về thời điểm thực hiện muộn hơn thời điểm CPTPP có hiệu lực mà pháp luật Việt Nam hiện hành chưa bảo đảm tính tương thích.

Về số lượng, có tổng cộng 11 nhóm cam kết thuộc 03 Chương của CPTPP cần được “nội luật hóa” trong thời gian tới, bao gồm:

- 01 cam kết trong Chương 2 – Đối xử quốc gia và mở cửa thị trường hàng hóa (Điều 2.11.2 về việc không áp dụng biện pháp cấm/hạn chế nhập khẩu hàng đã qua sử dụng với hàng tân trang);
- 01 cam kết trong Chương 3 – Quy tắc xuất xứ (Điều 3.20 về thủ tục tự chứng nhận xuất xứ);
- 09 cam kết trong Chương 18 – Sở hữu trí tuệ (các Điều 18.18 về nhãn hiệu dạng âm thanh; Điều 18.47 về bảo hộ độc quyền dữ liệu đối với nông hóa phẩm; Điều 18.53 về các biện pháp liên quan tới việc đưa ra thị trường dược phẩm đã biết; Điều 18.77 về xử lý hình sự đối với một số hành vi giả mạo nhãn hiệu, sao lậu quyền tác giả và quyền liên quan; Điều 18.78 về xử lý hình sự đối với một số hành vi xâm phạm bí mật thương mại lưu giữ trên hệ thống máy tính).

Về thời gian bảo lưu, các cam kết này chia làm 02 nhóm: nhóm bảo lưu 05 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực (tức là thực hiện từ 14/1/2024), gồm 02 cam kết (cam kết về bảo hộ độc quyền dữ liệu đối với nông hóa phẩm và cam kết về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa³³); và nhóm bảo lưu 03 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực (tức là phải thực hiện từ 14/1/2022) gồm 09 cam kết còn lại.

Về nội dung, so với các cam kết đã được “nội luật hóa” trong thời gian trước, hầu như tất cả các cam kết quy tắc mà Việt Nam cần bảo lưu lộ trình thực thi đều là các cam kết có tiêu chuẩn cao, được xem là “khó có thể thực hiện ngay” ở Việt Nam (do đó mới được bảo lưu). Vì thế, suy đoán là việc “nội luật hóa” các cam kết thuộc nhóm này sẽ phức tạp hơn so với các cam kết ở nhóm thực thi ngay mà Việt Nam đã thực hiện.

³³ Chú ý là cam kết về tự chứng nhận xuất xứ (Điều 3.20) sau thời gian bảo lưu 05 năm còn có thể gia hạn thêm 05 năm nữa nếu Việt Nam thấy cần thiết và tuân thủ đầy đủ các quy định về thông báo trước.

Căn cứ trên các cam kết này, Việt Nam cũng đã nhận diện các hoạt động XDPL thực thi CPTPP trong Phụ lục II Nghị quyết 72/2018/NQ-QH14 phê chuẩn CPTPP của Quốc hội và các Kế hoạch thực hiện CPTPP của Chính phủ và các Bộ ngành. Cụ thể, các hoạt động XDPL thực thi CPTPP tiếp theo được dự kiến như sau:

- Sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ (giai đoạn 2);
- Sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Sửa đổi Luật Công đoàn;
- Xây dựng mới Nghị định về hàng tân trang;
- Sửa đổi Thông tư về quy tắc xuất xứ thực hiện CPTPP;
- Sửa đổi các Nghị định, Thông tư hướng dẫn các nội dung mới liên quan tới CPTPP trong Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi.



Về thực tế chuẩn bị của Việt Nam

Rà soát thực tiễn hoạt động XDPL của cơ quan có thẩm quyền trong thời gian qua cho thấy phần lớn các cam kết CPTPP có thời gian bảo lưu 03 năm (tức là phải thực thi bắt đầu từ 14/1/2022) đã được đưa vào các chương trình xây dựng pháp luật ở thời điểm hiện tại. Cùng với đó, xuất phát từ một số lý do kỹ thuật và pháp lý, 01 cam kết có lộ trình 05 năm (cam kết về bảo hộ độc quyền dữ liệu đối với nông hóa phẩm) cũng đã được triển khai “nội luật hóa” luôn trong giai đoạn này.

Rà soát cho thấy tính tới tháng 9/2021, đã có tổng cộng 04 hoạt động XDPL được thực hiện để chuẩn bị cho việc thực thi các cam kết CPTPP trong giai đoạn tới, bao gồm:

- Sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ;
- Sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Sửa đổi Luật Công đoàn;
- Xây dựng Nghị định về hàng tân trang.

Bảng 5 - Tổng hợp các hoạt động XDPL thực thi cam kết CPTPP đang triển khai (tháng 9/2021)

STT	Hoạt động XDPL đang triển khai	Cam kết CPTPP liên quan
1	Xây dựng Luật Sở hữu trí tuệ (sửa đổi)	09 cam kết thuộc Chương 18 – Sở hữu trí tuệ ³⁴
2	Xây dựng Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi)	03 cam kết liên quan tới thủ tục tố tụng áp dụng đối với các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ Chương 19 CPTPP
3	Xây dựng Nghị định về hàng tân trang	02 cam kết về hàng tân trang Chương 1 và 2 CPTPP
4	Sửa đổi Luật Công đoàn	01 cam kết về quyền tự do liên kết của người lao động Chương 19 CPTPP

Sau đây là các thông tin cơ bản về các kết quả triển khai các hoạt động này (tính tới tháng 9/2021).

³⁴ Trên thực tế, rà soát cho thấy Dự thảo Luật này bao gồm 24 quy định nội luật hóa cam kết FTA, trong đó có cả các cam kết CPTPP, EVFTA–UKVFTA. Nhiều cam kết CPTPP thuộc diện không bắt buộc nội luật hóa cũng được đưa vào Dự thảo Luật này.

■ Về hoạt động sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ

Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ là hoạt động XDPL thực thi CPTPP quan trọng nhất trong giai đoạn này, dự kiến sẽ sửa đổi các quy định để nội luật hóa tất cả các cam kết CPTPP về sở hữu trí tuệ còn lại (vốn là nhóm chiếm phần lớn các cam kết cần “nội luật hóa” được bảo lưu).

Hiện quy trình xây dựng Luật này đã hoàn thành giai đoạn soạn thảo và thẩm định cấp Chính phủ, bước vào giai đoạn trình Quốc hội thẩm tra (Ủy ban pháp luật của Quốc hội chủ trì tra), đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến, dự kiến sẽ được trình để Quốc hội xem xét tại Kỳ họp tháng 11/2021.

Rà soát Dự thảo Luật này³⁵ cho thấy có tổng cộng 24 quy định nội luật hóa cam kết FTA, trong đó có cả các cam kết CPTPP, EVFTA-UKVFTA. Nhiều cam kết CPTPP thuộc diện các ngoại lệ về quyền cũng tận dụng hiệu quả thông qua các quy định Dự thảo Luật này³⁶. Ngoài ra, Dự thảo cũng “nội luật hóa” tất cả các cam kết CPTPP có lộ trình 5 năm, với dự kiến sẵn về thời điểm có hiệu lực của quy định liên quan tương ứng với cam kết. Kết quả rà soát sơ bộ cho thấy tất cả các quy định “nội luật hóa” CPTPP trong Dự thảo đều tương thích với cam kết liên quan.

■ Về hoạt động sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự

Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự là hoạt động XDPL thực thi 01 cam kết CPTPP liên quan tới thủ tục tố tụng đặc thù áp dụng cho các tội vi phạm quyền SHTT (sao lậu quyền tác giả và giả mạo nhãn hiệu).

Cũng như Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ, Dự án Luật này đã hoàn thành các giai đoạn cần thiết, dự kiến sẽ được trình để Quốc hội xem xét tại Kỳ họp tháng 11/2021.

Dự thảo Bộ luật này³⁷ cho thấy có tổng cộng 02 quy định được sửa đổi để nội luật hóa cam kết CPTPP (về quyền khởi tố của cơ quan nhà nước ngay cả khi không có khiếu nại của người bị hại liên quan tới các tội về sao lậu quyền tác giả, giả mạo nhãn hiệu). Dự thảo điều chỉnh bỏ các tội này khỏi diện các tội chỉ được khởi tố nếu có yêu cầu của người bị hại, do đó đã phù hợp cam kết.

■ Về hoạt động xây dựng mới Nghị định về hàng tân trang

Xây dựng Nghị định về hàng tân trang là hoạt động được nêu trong Kế hoạch XDPL thực thi CPTPP của Chính phủ và Bộ Công Thương, dự kiến hoàn thành theo đúng lộ trình cam kết trong CPTPP (3 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực).

Hàng tân trang là vấn đề mới, chưa từng được đề cập trong hệ thống pháp luật nội địa của Việt Nam (trước CPTPP, cũng như nhiều nước khác, Việt Nam không phân biệt “hàng tân trang” với “hàng đã qua sử dụng”). Do đó, việc xây dựng Nghị định này được tiến hành với cách tiếp cận thận trọng.

³⁵ Phiên bản trình Ủy ban Pháp luật của Quốc hội ngày 27/7/2021

³⁶ Theo Báo cáo “Rà soát mức độ tương thích của Dự thảo Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi với các cam kết FTA mà Việt Nam đã ký kết”, thực hiện bởi VCCI theo đề nghị của Ủy ban Pháp luật của Quốc hội

³⁷ Phiên bản tháng 8/2021

Dự thảo Nghị định đã được Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu) soạn thảo xong, đã đăng công khai để lấy ý kiến công chúng và gửi VCCI lấy ý kiến cộng đồng doanh nghiệp vào tháng 8/2021. Nếu đúng lịch trình thì Nghị định này sẽ được ban hành cuối năm 2021 để có hiệu lực 2022.

Dự thảo công bố cho thấy Nghị định tập trung vào 02 vấn đề cơ bản (i) cơ chế cho hàng tân trang: nội dung này được quy định theo đúng mức mở cam kết trong CPTPP, theo đó hàng tân trang nhập khẩu từ các nước CPTPP (thuộc danh sách mã HS được liệt kê) sẽ không phải chịu các hạn chế nhập khẩu áp dụng đối với hàng đã qua sử dụng; (ii) các điều kiện để hàng tân trang tại nước ngoài được phép nhập khẩu vào Việt Nam theo CPTPP, các điều kiện này được thiết kế theo hướng chặt, kiểm soát ở nhiều khâu và hạn chế diện thụ hưởng (theo đó để có thể hưởng cơ chế theo cam kết CPTPP, hàng tân trang phải được sản xuất tại cơ sở tân trang đặt tại nước thành viên CPTPP đã có mã số hoạt động do Bộ Công Thương cấp phép; mỗi lô hàng tân trang nhập khẩu phải được cấp phép nhập khẩu bởi Bộ quản lý chuyên ngành). Các vấn đề này thuộc quyền quyết định của Việt Nam, không bị ràng buộc bởi CPTPP.

■ Về hoạt động sửa đổi Luật Công đoàn

Cam kết CPTPP liên quan tới vấn đề quyền tự do liên kết của người lao động đã được Việt Nam “nội luật hóa” đầy đủ với quy định về quyền thành lập, hoạt động của các tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp (bên cạnh hệ thống công đoàn truyền thống) trong Bộ luật lao động 2019. Do đó, về mặt nguyên tắc, sửa đổi Luật Công đoàn không phải là nhiệm vụ XDPL để bảo đảm tính tương thích với CPTPP mà chủ yếu để các quy định về công đoàn phù hợp với cơ chế mới được thiết lập trong Bộ luật lao động về các tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở. Mặc dù vậy, việc sửa đổi Luật Công đoàn vẫn được đưa vào Kế hoạch XDPL dự kiến để thực thi CPTPP của Quốc hội như là hoạt động tiếp nối của việc sửa đổi Bộ luật lao động thực thi CPTPP (trong Phụ lục II Nghị quyết 72).

Dự thảo Luật Công đoàn sửa đổi bao gồm (i) nhóm các quy định sửa đổi để phù hợp với các quy định mới của Bộ luật lao động về tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở và (ii) nhóm các quy định sửa đổi để khắc phục các tồn tại, bất cập của Luật Công đoàn 2012.

Dự thảo Luật này đã được công bố và lấy ý kiến rộng rãi từ giữa năm 2020, đã được trình Quốc hội thẩm tra (Ủy ban pháp luật của Quốc hội chủ trì thẩm tra) tháng 9/2020, dự kiến sẽ được trình để Quốc hội xem xét tại Kỳ họp tháng 11/2021.



Phần thứ ba

HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO CÁC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG PHÁP LUẬT THỰC THI CPTPP VÀ CÁC FTA TRONG TƯƠNG LAI

Căn cứ vào lộ trình thực hiện các cam kết CPTPP, sau giai đoạn 2019–2021, Việt Nam sẽ còn phải triển khai hoạt động XDPL thực thi các cam kết có lộ trình. Tuy nhiên, như đã xem xét trong Phần thứ hai, tất cả các hoạt động XDPL phục vụ cho “nội luật hóa” các cam kết có lộ trình 3 năm đã cơ bản được triển khai, thậm chí mở rộng tới một số cam kết có lộ trình 5 năm (về sở hữu trí tuệ).

Do đó, trong thời gian tới, về nguyên tắc, sẽ không có nhiều hoạt động XDPL để thực thi các cam kết CPTPP diện bắt buộc thực hiện nữa. Tuy vậy, các hoạt động XDPL để thực thi CPTPP theo nghĩa rộng, nhằm hướng tới việc tạo ra các thể chế pháp lý tốt hơn, hoàn thiện hơn nhằm phục vụ cho việc tận dụng hiệu quả hơn các cơ hội CPTPP lại được dự báo là sẽ rất phong phú. Những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn thực hiện hoạt động soạn thảo, ban hành và thực thi các VBQPPL về CPTPP trong giai đoạn đầu chẵn chẵn sẽ có nhiều ý nghĩa cho việc thực hiện hiệu quả hơn hoạt động tương tự sắp tới.

Ngoài ra, bên cạnh CPTPP, Việt Nam cũng đang đứng trước nhiệm vụ “nội luật hóa” các cam kết chưa tương thích trong các FTA thế hệ mới được ký kết và/hoặc có hiệu lực sau CPTPP, đặc biệt là Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA), Việt Nam – Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA) và Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP). Những hàm ý chính sách rút ra từ hoạt động XDPL thực thi CPTPP đang và sẽ là những nhân tố có thể góp phần vào việc tăng hiệu quả thực hiện các FTA khác từ góc độ pháp luật thể chế này.

Phần này phân tích các bài học kinh nghiệm từ quá trình xây dựng pháp luật thực thi CPTPP trong giai đoạn đầu, qua đó rút ra những hàm ý chính sách cần thiết cho Việt Nam trong triển khai các hoạt động tương tự không chỉ trong thực thi CPTPP tới đây mà còn cho toàn bộ các hoạt động “nội luật hóa” thực thi các FTA tiếp theo.



Đối với công tác rà soát pháp luật trước khi phê chuẩn

Rà soát tác động của cam kết FTA đối với hệ thống pháp luật Việt Nam là quá trình đánh giá, nhận diện các trường hợp quy định pháp luật chưa tương thích với các cam kết FTA.

Đối với các FTA thế hệ mới, tiêu chuẩn cao, suy đoán là có nhiều nội dung khác biệt, mâu thuẫn với quy định pháp luật nội địa, rà soát đánh giá tính tương thích của pháp luật nội địa với cam kết là hoạt động đặc biệt quan trọng từ góc độ pháp lý. Một mặt, đây là công việc Chính phủ phải thực hiện để phục vụ cho công tác xây dựng Hồ sơ trình Quốc hội phê chuẩn FTA liên quan. Mặt khác, kết quả từ hoạt động rà soát này cũng là căn cứ cơ bản để Chính phủ và các cơ quan liên quan chuẩn bị các kế hoạch thực thi FTA ở khía cạnh xây dựng pháp luật, thể chế.

Do đó, mặc dù không được xác định là một phần của “hoạt động XDPL thực thi cam kết” nhưng công tác rà soát tính tương thích lại là khía cạnh đặc biệt quan trọng, ảnh hưởng đáng kể tới hiệu quả của các hoạt động XDPL thực thi cam kết sau này.

Thực tiễn việc rà soát chuẩn bị phê chuẩn CPTPP cho thấy công tác này cần được thực hiện bao trùm, sâu sát và hiệu quả hơn để các Kế hoạch XDPL đầy đủ và chính xác hơn, qua đó giúp việc triển khai các hoạt động XDPL thuận lợi và nhanh chóng hơn.

Từ thực tế này, để hoạt động XDPL thực thi CPTPP (trong các đợt tiếp theo) và các FTA thế hệ mới khác đạt hiệu quả, công tác rà soát tính tương thích, đánh giá các tác động và dự kiến kế hoạch “nội luật hóa” nhằm bảo đảm tương thích của pháp luật nội địa với các cam kết này cần đặc biệt chú ý các vấn đề sau:

- Việc lên kế hoạch và triển khai rà soát cần phải được thực hiện hiệu quả hơn, với cách tiếp cận toàn diện và liên ngành, đặc biệt là các trường hợp liên quan cùng lúc nhiều lĩnh vực (ví dụ chế định về bảo hộ đầu tư có thể liên quan tới các quy định pháp luật về đầu tư, bồi thường Nhà nước, tài chính ngân hàng, tư pháp...);
- Vai trò thẩm định kết quả rà soát, kết nối và bao quát các lĩnh vực trong trường hợp có liên quan tới nhiều chế định pháp luật khác nhau của Bộ Tư pháp cần được nhấn mạnh hơn, với sự tham gia sâu hơn của cơ quan này vào quá trình rà soát của các bộ ngành chủ trì từng chế định;
- Quá trình rà soát phải được thực hiện minh bạch, với thông tin rõ ràng và kịp thời về các kết quả rà soát từng thời điểm, đồng thời chú trọng việc tham vấn cộng đồng doanh nghiệp và các đối tượng chịu ảnh hưởng từ với các dự thảo kết quả rà soát và giải pháp thể chế dự kiến.

Ở khía cạnh này, sự chủ động tham gia của các doanh nghiệp mà đặc biệt là các tổ chức đại diện doanh nghiệp (hiệp hội doanh nghiệp, VCCI) cũng là điều cần chú ý. Hiệu quả của tham vấn phải xuất phát ở cả hai chiều: cơ quan tham vấn và đối tượng được tham vấn.



Đối với hoạt động xây dựng kế hoạch xây dựng pháp luật thực thi cam kết

Việc lên kế hoạch cho hoạt động XDPL thực thi cam kết có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình thực hiện sau đó của các Bộ ngành. Kế hoạch càng chi tiết, càng chính xác và dự kiến đúng thực tiễn thì hoạt động triển khai thực hiện sau đó càng thuận lợi và nhanh chóng do được định hướng rõ ràng, có thể giảm lược được nhiều khâu về thủ tục cũng như xử lý kịp thời các khác biệt về quan điểm.

Thực tế việc lên kế hoạch cho hoạt động XDPL thực thi CPTPP chưa được thực hiện hiệu quả như mong muốn. Một số hoạt động không thực sự cần thiết nhưng vẫn được đưa vào kế hoạch, khiến quá trình thực hiện gặp vướng mắc, phải giải trình để thay đổi, hoặc tốn kém nguồn lực không cần thiết. Một số trường hợp kế hoạch không nêu rõ, chi tiết về quy trình XDPL (thủ tục rút gọn hay thủ tục thông thường) khiến việc triển khai mất thêm thời gian cho việc xác định các vấn đề này. Một số trường hợp khác xác định loại văn bản thiếu chính xác, phạm vi điều chỉnh của văn bản chưa thích hợp với hiện trạng pháp luật, khiến cho quá trình thực thi có thể bị kéo dài do phải điều chỉnh, giải trình, thay đổi lại.

Từ đây, đối với các FTA thế hệ mới sau này, công tác xây dựng kế hoạch cho hoạt động XDPL thực thi cam kết cần được thực hiện với các yêu cầu sau:

- Kế hoạch cần được xây dựng dựa trên các thông tin đầy đủ, chính xác về (i) các khía cạnh pháp lý liên quan tới quy định pháp luật cần phải xây dựng mới, sửa đổi/bổ sung để thực thi cam kết (nội dung quy định, vị trí của quy định đó trong chế định/hệ thống pháp luật liên quan, loại văn bản chứa quy định đó, mối liên hệ giữa quy định đó với các quy định khác trong cùng văn bản, với các văn bản khác về cùng chế định, hệ quả của việc bổ sung mới/sửa đổi quy định đó với văn bản/chế định pháp luật liên quan); (ii) các thời gian, thời hạn liên quan (thời gian thông thường cần thiết để thực hiện việc bổ sung mới/sửa đổi một/các quy định tương tự; thời hạn phải thực thi của cam kết liên quan); (iii) các vấn đề, xu hướng thực tế xung quanh quy định liên quan (các định hướng chính sách chung của Việt Nam, xu hướng/thông lệ thế giới, quan điểm, thái độ, mong muốn của đối tượng chịu tác động...);
- Trên cơ sở cân nhắc tất cả các thông tin liên quan, Kế hoạch cần đưa ra định hướng càng chi tiết càng tốt cho hoạt động XDPL liên quan, như dự kiến về hình thức văn bản, phạm vi điều chỉnh, quy trình thủ tục (có rút gọn hay không), cách thức nội luật hóa (xây dựng quy định mới hay sửa đổi quy định hiện hành)... - để bảo đảm tính khoa học, các dự kiến này cần đi kèm các giải trình cụ thể về lý do để xuất dự kiến như vậy;
- Quá trình lên kế hoạch cần được thực hiện công khai, tham vấn ý kiến rộng rãi, đặc biệt từ các hiệp hội doanh nghiệp và VCCI, cho phép nhận diện và điều chỉnh ngay các bất cập, không hợp lý trong dự thảo kế hoạch.



Về việc chuẩn bị về nội dung cho soạn thảo các quy định thực thi cam kết

Từ góc độ pháp luật, quy trình xây dựng VBQPPL bị ràng buộc bởi nhiều quy định khác nhau và trong nhiều trường hợp không thể thực hiện sớm như mong muốn. Trong khi đó, thời hạn để các cam kết FTA có hiệu lực lại được xác định cố định, không thể điều chỉnh tùy nghi như các chương trình xây dựng pháp luật nội địa thông thường.

Mặc dù vậy, công tác chuẩn bị về mặt nội dung lại có thể được thực hiện rất sớm. Cụ thể, nội dung các cam kết phải thực thi đều đã xác định ngay khi công bố văn kiện chính thức. Cũng như vậy, các khía cạnh không tương thích của các quy định nội địa cũng đã được nhận diện (ít nhất là sau khi rà soát pháp luật phục vụ cho việc phê chuẩn, thậm chí đa phần có thể đã được xác định ngay sau khi việc đàm phán cam kết đó hoàn tất). Do đó, cơ quan soạn thảo có đủ điều kiện để chuẩn bị trước về nội dung dự kiến của quy định “nội luật hóa”, qua đó rút ngắn tối đa thời gian dành cho việc soạn thảo chính thức. Sau khi có quyết định chính thức về việc bắt đầu quy trình soạn thảo quy định liên quan, cơ quan soạn thảo có thể đã có ngay dự thảo ban đầu, từ đó có thể triển khai ngay các công việc tiếp theo như tham vấn ý kiến, tiếp thu, thẩm định....

Do đó, đối với hoạt động XDPL thực thi cam kết FTA, công tác chuẩn bị nội dung dự thảo nên và cần được thực hiện từ rất sớm, không chờ đợi quy trình chính thức.



Về quá trình soạn thảo các VBQPPL thực thi cam kết

Khác với các VBQPPL nội địa thông thường, nội dung các quy định trong các VBQPPL thực thi cam kết FTA bị ràng buộc bởi các “chuẩn” đã nêu trong cam kết, do đó về lý thuyết không gian để lựa chọn chính sách khi soạn thảo không quá lớn. Mặc dù vậy, như đã đề cập, các FTA đều không ràng buộc cách thức mà các nước thành viên giải thích cam kết, chuyển hóa các cam kết này vào pháp luật nội địa cũng như tổ chức thi hành chúng trên thực tế. Do đó, vẫn có không ít không gian chính sách để thực thi các cam kết FTA.

Thực tế việc soạn thảo các VBQPPL thực thi CPTPP trong giai đoạn vừa qua cho thấy phần lớn các quy định gây vướng mắc, bất cập, không khả thi trên thực tế đều nằm ở các khía cạnh thuộc về quyền lựa chọn chính sách của Việt Nam, mà không phải do CPTPP bắt buộc. Điều này cho thấy việc lựa chọn định hướng chính sách trong thiết kế các quy định thực thi cam kết là rất quan trọng. Đối với các cam kết CPTPP có lộ trình thực thi trong thời gian tới, những lựa chọn như vậy có lẽ còn quan trọng hơn nữa, do đây đều là các cam kết phức tạp, dự kiến sẽ tác động đáng kể tới nhiều chủ thể.

Để nâng cao hiệu quả của việc “lựa chọn” này, quá trình soạn thảo các VBQPPL thực thi cam kết FTA trong thời gian tới cần chú trọng các khía cạnh sau:

- Để có đủ căn cứ trong soạn thảo quy định cũng như lựa chọn định hướng chính sách, cần thiết phải tổng hợp, thu thập đầy đủ các thông tin nhiều chiều về tất cả các khía cạnh liên quan tới quy định (cả về pháp lý và thực tiễn, cả tổng kết thực tiễn trong nước và các xu hướng thế giới) và cần xử lý một cách nghiêm túc, cẩn trọng các thông tin này;
- Quá trình soạn thảo cần thu hút sự tham gia rộng rãi của các đối tượng chịu tác động (công khai các dự thảo và tài liệu liên quan theo các cách thức phổ biến nhất, các phiên bản dự thảo thay đổi đều phải được công khai, gửi dự thảo qua đầu mối VCCI, phối hợp với các hiệp hội/VCCI để tổ chức lấy ý kiến rộng rãi doanh nghiệp và các đối tượng khác, đặc biệt là nhóm các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ dễ bị tác động từ các vướng mắc trong thực thi các FTA); các ý kiến thu được cần được xử lý một cách thực tâm và minh bạch, với các giải trình rõ ràng về lý do tiếp thu/chưa tiếp thu/tiếp thu một phần;
- Các định hướng chính sách lớn (ví dụ về phạm vi áp dụng, về chuẩn thực hiện...) cần được trao đổi, chia sẻ cởi mở, đặc biệt với các đối tượng chịu tác động, qua đó có thông tin nhiều chiều, đầy đủ để ra các quyết định hợp lý.



Về quá trình thi hành các quy định “nội luật hóa” cam kết

Hoạt động XDPL thực thi cam kết FTA không dừng lại ở việc ban hành VBQPPL liên quan mà vẫn còn kéo dài suốt quá trình thực hiện các văn bản này, bởi việc ban hành văn bản không phải mục tiêu cuối cùng của hoạt động, mà là việc cam kết phải được thực thi trên thực tế.

Do đó, bảo đảm quá trình thực thi được triển khai thuận lợi, tuân thủ đúng cam kết và mang lại hiệu quả tốt nhất có thể cho các chủ thể liên quan là điều rất quan trọng. Để thực hiện được yêu cầu này thì quá trình triển khai thực hiện các quy định “nội luật hóa” cam kết cần chú ý:

- Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền (thường cũng là cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản) cần thiết lập đầu mối hướng dẫn thực hiện, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực thi các quy định liên quan;
- Cơ quan này cũng cần thường xuyên theo dõi tình hình, tập hợp và các phản ánh, kịp thời chỉnh lý bất cập trong giải thích, áp dụng các quy định;
- Cơ quan soạn thảo và các doanh nghiệp cần thường xuyên, định kỳ trao đổi thông tin, tổng kết, đánh giá hiệu quả thực hiện trên thực tế các cam kết CPTPP, từ đó có động thái sửa đổi, bổ sung các VBQPPL thực thi đã ban hành nếu cần thiết.

Cũng liên quan tới vấn đề này, đối với các VBQPPL thực thi CPTPP đã ban hành trong giai đoạn 2019-2020, các kết quả rà soát như trình bày trong Báo cáo này, đặc biệt phần liên quan tới chất lượng các VBQPPL cần được xem là những chỉ dấu để các cơ quan có thẩm quyền xem xét và thực hiện các điều chỉnh thích hợp (cả về quy định trong văn bản cũng như cách thức thực thi) để bảo đảm thực thi cam kết một cách đầy đủ, chính xác, hiệu quả, hợp lý và có lợi nhất cho doanh nghiệp.

Bảng 6 - Tổng hợp các vấn đề cần được xem xét điều chỉnh liên quan tới các VBQPPL thực thi CPTPP đã ban hành

STT	VBQPPL liên quan	Vấn đề bất cập	Đề xuất giải pháp
1	Thông tư 03/2019/TT-BCT về quy tắc xuất xứ	<p>Các ký hiệu không có giải thích, định nghĩa từ ngữ</p> <p>Các hướng dẫn, giải thích nội dung cam kết theo thống nhất của các nước đối tác CPTPP không được ghi nhận trong văn bản Thông tư</p> <p>Các nội dung QTXX phức tạp, đặc thù, nhiều nội dung có thể gây hiểu nhầm, hiểu theo các cách khác nhau</p>	<p>Sửa Thông tư để bổ sung giải thích từ ngữ với các ký hiệu sử dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> Sửa đổi Thông tư để (i) mở rộng đối tượng được thông báo về các hướng dẫn, giải thích nội dung cam kết được các nước thống nhất Xây dựng các văn bản (dạng Công văn) để hướng dẫn cụ thể về các nội dung liên quan, công khai các văn bản hướng dẫn này trên website của Bộ, tại các cơ sở cấp C/O, gửi cho VCCI và các Hiệp hội ngành hàng liên quan <p>Xây dựng các văn bản hướng dẫn, giải thích chi tiết về các nội dung liên quan (có thể theo từng nhóm QTXX mặt hàng đặc thù), công bố rộng rãi để doanh nghiệp có thể tiếp cận (website của Bộ, tại cơ sở cấp C/O, gửi VCCI và các Hiệp hội ngành hàng liên quan)</p>
2	Thông tư 04/2020/TT-BCT về hạn ngạch thuế quan đối với ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu theo CPTPP	<p>Điều kiện đối với chủ thể nhập khẩu ô tô cũ (được cấp phép hoạt động nhập khẩu ô tô) không phù hợp (doanh nghiệp có nhu cầu hầu như không thể đáp ứng điều kiện)</p> <p>Quy định bước giá tối thiểu dường như chưa đúng tinh thần cam kết CPTPP</p>	<p>Cần nhắc sửa đổi Thông tư để giảm các điều kiện đối với chủ thể nhập khẩu ô tô cũ (điều kiện khả thi và hợp lý hơn)</p> <p>Bỏ quy định về bước giá tối thiểu hoặc giảm mức bước giá tối thiểu yêu cầu</p>



Bảng 6 - Tổng hợp các vấn đề cần được xem xét điều chỉnh liên quan tới các VBQPPL thực thi CPTPP đã ban hành

STT	VBQPPL liên quan	Vấn đề bất cập	Đề xuất giải pháp
3	Nghị định 95/2020/NĐ-CP về đấu thầu gói thầu CPTPP	Chưa có các Thông tư hướng dẫn lập hồ sơ mời thầu cho các gói thầu không phải mua sắm hàng hóa	Bổ sung các Thông tư cần thiết; Trong trường hợp vẫn áp dụng các Thông tư của các gói thầu chung thì cần sửa đổi Nghị định để nêu rõ hơn về việc áp dụng này.
		Duy trì hai hệ thống pháp luật song song về đấu thầu	Tổng hợp các bất cập trong quá trình thực thi, nếu có, cần thiết thì cân nhắc sửa Nghị định theo hướng chỉ quy định về các vấn đề đặc thù riêng đối với gói thầu CPTPP, không quy định lại các vấn đề đã quy định tại Nghị định 63/2014/NĐ-CP
4	Bộ luật Lao động	Chưa có Nghị định hướng dẫn về các điều kiện, thủ tục trình tự, quản lý Nhà nước... đối với tổ chức đại diện người lao động tại doanh nghiệp	Sớm soạn thảo và ban hành Nghị định hướng dẫn Bộ luật Lao động về tổ chức đại diện người lao động tại doanh nghiệp
		Các tác động thực tiễn về giới của các quy định nội luật hóa cam kết CPTPP có thể chưa đánh giá được chỉ bằng quy định tại văn bản	Chú ý đánh giá tác động về giới của các quy định thực thi cam kết CPTPP trong các hoạt động rà soát, tổng kết thực thi CPTPP và/hoặc thực hiện Bộ luật Lao động

Cuối cùng, cần chú ý rằng các hoạt động XDPL thực thi CPTPP hay các FTA hiện tại mới chỉ dừng lại ở các mục tiêu bảo đảm tính tương thích hay tổ chức thực thi trên thực tế các cam kết CPTPP. Cách tiếp cận này là phù hợp trong giai đoạn đầu, khi Việt Nam mới thực thi Hiệp định, với nhiều nhiệm vụ XDPL phải hoàn thành theo cam kết. Tuy nhiên, khi các công việc này cơ bản hoàn tất, hoạt động XDPL gắn với CPTPP và các FTA cần tính tới các mục tiêu thực chất hơn với Việt Nam.

Cụ thể, trong quá trình thực thi CPTPP và các FTA, các cơ quan Nhà nước và doanh nghiệp cần rà soát để nhận diện các yêu cầu điều chỉnh về pháp luật cần thiết để gỡ bỏ những vướng mắc, tạo điều kiện hỗ trợ hiệu quả cho các doanh nghiệp và chủ thể kinh doanh khi áp dụng, tận dụng các cam kết FTA. Nói cách khác, cần tính tới các hoạt động XDPL không chỉ giới hạn ở việc thực thi cam kết mà cần vượt lên trên yêu cầu cam kết, vì chính nhu cầu nội tại của Việt Nam và để hỗ trợ tốt nhất cho việc tận dụng hiệu quả các cam kết FTA của nền kinh tế và cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam.

Nói cho cùng, hoạt động XDPL thực thi các FTA phải là các hoạt động nhằm tạo ra khung khổ pháp lý phù hợp và hiệu quả nhất để Việt Nam hiện thực hóa các cơ hội từ các FTA này./



Phụ lục I

Tổng hợp kế hoạch xây dựng pháp luật
thực thi CPTPP của Việt Nam

Phụ lục I – Tổng hợp kế hoạch xây dựng pháp luật thực thi CPTPP của Việt Nam

STT	Hoạt động	Phạm vi nội dung	Thời hạn thực hiện theo Kế hoạch	Nhận xét
1	Xây dựng Luật sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ, Kinh doanh bảo hiểm, An toàn thực phẩm để thực thi CPTPP	<p>Sửa đổi 03 Luật để bảo đảm tuân thủ các cam kết liên quan của CPTPP:</p> <ul style="list-style-type: none"> Sửa Luật Sở hữu trí tuệ để thực thi các cam kết có hiệu lực ngay; Sửa Luật Kinh doanh bảo hiểm để bổ sung quy định về dịch vụ phụ trợ bảo hiểm (4 dịch vụ); Sửa Luật An toàn thực phẩm để bổ sung quy định về biện pháp SPS khẩn cấp phải rà soát lại cơ sở khoa học của biện pháp trong vòng 6 tháng 	Tháng 5/2019	<p>Luật sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ và Luật Kinh doanh bảo hiểm, ban hành ngày 14/6/2019.</p> <p>Không sửa Luật An toàn thực phẩm.</p>
2	Xây dựng Bộ luật Lao động sửa đổi	<p>Sửa đổi, bổ sung Chương XIII Bộ luật Lao động 2012 về công đoàn theo hướng cho phép thành lập tổ chức đại diện của người lao động không thuộc hệ thống Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.</p> <p>Bổ sung vào Chương V, XIII và XIV Bộ luật Lao động 2012 liên quan đến công đoàn, tổ chức đại diện người lao động, quyền đối thoại tại nơi làm việc, thỏa ước lao động tập thể, giải quyết tranh chấp lao động tập thể, đình công.</p>	2019-2020	Bộ luật Lao động 2019 ban hành ngày 20/11/2019.
3	Sửa đổi Luật Công đoàn 2012	Rà soát, xem xét sửa đổi Luật Công đoàn 2012 sau khi Bộ luật Lao động được sửa đổi để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.	Sau khi Bộ luật Lao động được sửa đổi	Đã hoàn tất soạn thảo Luật sửa đổi một số điều của Luật Công đoàn, dự kiến ban hành cuối 2021.



STT	Hoạt động	Phạm vi nội dung	Thời hạn thực hiện theo Kế hoạch	Nhận xét
4	Sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ	Sửa đổi, bổ sung các điều khoản liên quan tới các cam kết CPTPP về sở hữu trí tuệ có lộ trình 3 năm, 5 năm (nhãn hiệu là âm thanh, bảo hộ độc quyền dữ liệu thử nghiệm nông hóa phẩm, quyền được thông tin của chủ bằng sáng chế, thẩm quyền tự tiến hành các biện pháp tại biên giới với hàng hóa XNK giả nhãn hiệu, sao lậu quyền tác giả).	Kế hoạch của Chính phủ và Bộ Khoa học Công nghệ: 2021 Kế hoạch của Bộ Văn hóa, Thể thao, Du lịch: 2022	Đã hoàn tất soạn thảo Luật sửa đổi một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ, dự kiến ban hành cuối 2021.
5	Sửa Bộ Luật Hình sự	Bổ sung quy định về xử lý hành vi sau đây trong phạm vi hành vi phân phối (i) xuất khẩu hàng hóa giả mạo nhãn hiệu; (ii) XNK hàng hóa sao lậu quyền tác giả và quyền liên quan; Bổ sung quy định xử lý hành vi (i) liên quan đến tem nhãn, bao bì giả mạo; (ii) vi phạm bí mật thương mại; Bổ sung quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân.	Kế hoạch của Chính phủ: 2021 Kế hoạch của Bộ Tư pháp: 2021-2022	Đã có quy định phù hợp, không cần thiết sửa đổi.
6	Sửa Bộ luật Tố tụng hình sự	Sửa đổi khoản 1 Điều 155 bãi bỏ nội dung dẫn chiếu tới Điều 226 của Bộ luật Hình sự để cho phép cơ quan có thẩm quyền có thể khởi tố vụ án hình sự về tội phạm xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp mà không cần có yêu cầu của người bị hại.	2021	Đã hoàn tất soạn thảo Luật sửa đổi một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự, dự kiến ban hành cuối 2021.
7	Xây dựng Luật Phòng chống tham nhũng	Mở rộng phạm vi chủ thể của hành vi tham nhũng sang khu vực tư, bổ sung quy định liên quan đến việc phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng trong lĩnh vực tư.		Luật thực tế đã được thông qua tháng 11/2018, trước khi CPTPP có hiệu lực.
8	Nghị định ban hành Biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu theo CPTPP	Hướng dẫn ưu đãi thuế quan theo cam kết của Việt Nam trong Chương 2 CPTPP.	Kế hoạch của Chính phủ: 1/2019 Kế hoạch của Bộ Tài chính: Quý 1/2019	Nghị định 57/2019/NĐ-CP ban hành ngày 26/6/2019.



STT	Hoạt động	Phạm vi nội dung	Thời hạn thực hiện theo Kế hoạch	Nhận xét
9	Nghị định đầu thầu thực thi CPTPP	Hướng dẫn riêng đối với các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của CPTPP và chỉ áp dụng đối với các nước CPTPP.	Kế hoạch của Chính phủ: 1/2019 hoặc muộn hơn (nhưng cần có Văn bản hướng dẫn tạm thời) Kế hoạch của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: 11/2019	Nghị định 95/2020/ND-CP ban hành ngày 24/8/2020.
10	Nghị định liên quan tới hàng tân trang	Hướng dẫn cam kết CPTPP về hàng tân trang tại Chương 2 CPTPP. (Kế hoạch của Chính phủ dự kiến Nghị định về cả hàng tân trang và hàng dệt may, Kế hoạch của Bộ Công Thương dự kiến Thông tư về dệt may Mexico, không có Nghị định về hàng tân trang).	Kế hoạch của Chính phủ: 1/2019 Kế hoạch của Bộ Công Thương: Không có	Đã hoàn thành Dự thảo, đang tiến hành lấy ý kiến, dự kiến ban hành cuối 2021.
11	Nghị định quy định xác minh xuất xứ đối với hàng hóa nhập khẩu, hợp tác hải quan và giám sát hải quan	Hướng dẫn cam kết CPTPP về xác minh xuất xứ, hợp tác hải quan và giám sát hải quan.	Kế hoạch của Chính phủ: 1/2019 Kế hoạch của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương Quy 1/2019	Thông tư 62/2019/TT-BTC sửa đổi một số quy định Thông tư 38/2018/TT-BTC), ban hành ngày 5/9/2021 về xác minh xuất xứ đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.
12	Xây dựng Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Cảnh tranh	Không xác định	1/2019	Nghị định 35/2020/ND-CP ban hành ngày 24/3/2020.



STT	Hoạt động	Phạm vi nội dung	Thời hạn thực hiện theo Kế hoạch	Nhận xét
13	Sửa Nghị định 105/2006/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ	Cam kết về sở hữu trí tuệ trong Chương 18 CPTPP.	Không xác định (Theo lộ trình sửa Luật Sở hữu trí tuệ)	Dự kiến sẽ thực hiện sau khi có Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ (2021).
14	Sửa Thông tư 06/2011/TT-BYT quy định về quản lý mỹ phẩm	Thực thi cam kết CPTPP tại mục 19 Phụ lục 8-D Chương 8 CPTPP về việc không yêu cầu chứng nhận CFS đối với mỹ phẩm nhập khẩu.	Kế hoạch của Chính phủ: 1/2019 Kế hoạch của Bộ Y tế: 2019-2020	Thông tư 32/2019/TT-BYT sửa đổi Thông tư 06/2011/TT-BYT, ban hành ngày 16/12/2019.
15	Sửa Thông tư 32/2018/TT-BYT quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc	Thực thi cam kết CPTPP tại Điều 18.13, 18.14 mục B Chương 18 CPTPP về hợp tác về sở hữu trí tuệ nói chung và về sáng chế nói riêng giữa các nước thành viên CPTPP.	2021-2022	Dự kiến sẽ thực hiện sau khi sửa đổi Luật SHTT 2021 và Nghị định hướng dẫn Luật này.
16	Thông tư hướng dẫn nội dung các biện pháp phòng vệ thương mại trong CPTPP	Hướng dẫn cam kết về các biện pháp phòng vệ thương mại tại Chương 4 và Chương 6 CPTPP.	Quý III/2019 (không có trong Kế hoạch của Chính phủ, chỉ có trong Kế hoạch của Bộ Công Thương)	Thông tư 19/2019/TT-BCT ban hành ngày 30/9/2019.
17	Thông tư hướng dẫn thực hiện quy tắc xuất xứ hàng hóa	Hướng dẫn cam kết về quy tắc xuất xứ tại Chương 3 và Chương 4 CPTPP.	1/2019	Thông tư 03/2019/TT-BCT ban hành ngày 22/1/2019.
18	Thông tư quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mexico	Hướng dẫn trong Thụ song phương giữa Việt Nam và Mexico trong CPTPP về hàng dệt may.	Quý I/2019	Thông tư 07/2019/TT-BCT ban hành ngày 19/4/2019.

Phụ lục II

Bảng rà soát tính tương thích của VBQPPL
thực thi CPTPP với nội dung cam kết

Phụ lục II – Bảng rà soát tính tương thích của VBQPPL thực thi CPTPP với nội dung cam kết

STT	Cam kết CPTPP	Quy định nội luật hóa	Nhận xét về tính tương thích
<i>1. Nghị định 57/2019/NĐ-CP ban hành Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo CPTPP</i>			
1	Biểu cam kết của Việt Nam tại Phụ lục Chương 2 về Đối xử quốc gia và mở cửa thị trường đối với hàng hóa (Cam kết năm 1-5 tại Biểu cam kết)	Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo CPTPP Biểu thuế năm 2019-2022 theo ATHN 2017	Tương thích
<i>2. Thông tư 03/2019/TT-BCT, sửa đổi bởi Thông tư 06/2020/TT-BCT về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong CPTPP</i>			
2	Điều 3.1 Chương 3 về Quy tắc xuất xứ và Thủ tục chứng nhận xuất xứ	Điều 3	Tương thích
3	Điều 3.2 – 3.18 Chương 3	Điều 5 – 21	Tương thích
4	Điều 3.20 Chương 3	Điều 22	Tương thích
5	Điều 3.22-3.27 Chương 3	Điều 22-27	Tương thích
6	Điều 3.31 Chương 3	Điều 28	Tương thích
7	Phụ lục B Chương 3 – Thông tin tối thiểu trên Chứng nhận xuất xứ	Phụ lục IV, V, VI (Thông tư 03) sửa đổi	Đã tương thích sau khi sửa đổi
8	Phụ lục C Chương 3 – Ngoại lệ De minimis	Phụ lục III (Thông tư 03) sửa đổi	Đã tương thích sau khi sửa đổi



STT	Cam kết CPTPP	Quy định nội luật hóa	Nhận xét về tính tương thích
<i>2. Thông tư 03/2019/TT-BCT, sửa đổi bởi Thông tư 06/2020/TT-BCT về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong CPTPP</i>			
9	Phụ lục 3-D Chương 3 – Quy tắc xuất xứ mặt hàng	Phụ lục I (Thông tư 03)	Tương thích
10	Điều 2 Chương 4 về Dệt may	Điều 29-31	Tương thích
11	Phụ lục 4-A Chương 4 - Quy tắc xuất xứ cụ thể đối với hàng dệt may	Phụ lục VII (Thông tư 03)	Tương thích
12	Phụ lục 4-A: Tiêu phụ lục 1 Chương 4 – Danh mục nguồn cung thiếu hụt	Phụ lục VIII (Thông tư 03)	Tương thích
<i>3. Thông tư 62/2019/TT-BTC sửa đổi bổ sung Thông tư 38/201/TT-BTC về xác định xuất xứ của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu</i>			
13	Điều 3.20, 3.21, 3.27-30 Chương 3	Điều 7a	Tương thích
<i>4. Thông tư 07/2019/TT-BCT về xuất khẩu hàng dệt may sang Mexico theo CPTPP</i>			
14	Thư song phương về thương mại hàng dệt may theo nguồn cung thiếu hụt và quần áo trẻ em bằng sợi tổng hợp	Điều 3-8 Phụ lục I, II, III	Tương thích
15	Thư song phương về giám sát doanh nghiệp xuất khẩu hàng dệt may	Điều 9-10	Tương thích



STT	Cam kết CPTPP	Quy định nội luật hóa	Nhận xét về tính tương thích
5. Thông tư 04/2020/TT-BCT về đấu giá hạn ngạch thuế quan nhập khẩu ô tô đã qua sử dụng theo CPTPP			
16	Mục 4, 5 Phụ lục A của Việt Nam về Hạn ngạch thuế quan - Chương 2, tiểu mục 4(d)(v) và 5(d)(v)	Điều 6 khoản 7	<p>Hầu hết tương thích</p> <p>Một số điểm có điều chỉnh nhỏ so với cam kết:</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Theo CPTPP: kết quả đấu giá phải được đăng công khai trên trang web của cơ quan Chính phủ; ● Thông tư 04: kết quả đấu giá đăng công khai qua các phương tiện thông tin đại chúng.
17	Mục 4, 5 Phụ lục A của Việt Nam - Chương 2, tiểu mục 4(d)(iii) và 5(d)(iii)	Điều 6 khoản 6	<p>Về pháp luật thi tương thích, theo đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Cam kết: "Viet Nam shall not require any minimum bid to participate in or receive a quota allocation through the auction"; ● Thông tư 04: Hội đồng đấu giá không yêu cầu mức bỏ giá tối thiểu để tham gia hoặc nhận phân bổ hạn ngạch thông qua đấu giá. <p>Tuy nhiên, Quy chế đấu giá hạn ngạch 2020 quy định bước giá tối thiểu 30 triệu đồng/1 chiếc</p>
18	Mục 4, 5 Phụ lục A của Việt Nam - Chương 2, tiểu mục 4(b) và 5(b)	Các nội dung của Thông tư 04 (ngoại trừ các khoản 6-7 Điều 6)	Tương thích
	Phụ lục I		



STT	Cam kết CPTPP	Quy định nội luật hóa	Nhận xét về tính tương thích
<i>6. Thông tư 03/2020/TT-BCT về việc nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu theo hạn ngạch thuế quan CPTPP</i>			
19	Mục 6 Phụ lục A của Việt Nam - Chương 2, tiêu mục 6(b)	Phụ lục I	Tương thích
20	Mục 6 Phụ lục A của Việt Nam - Chương 2, tiêu mục 6(c) và 6(d)	Điều 3, 4	Tương thích
<i>7. Thông tư 19/2019/TT-BCT về việc áp dụng các biện pháp tự vệ đặc biệt</i>			
21	Điều 6.3 Chương 6 – Điều kiện áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp	Điều 3, 5, 8	Tương thích
22	Điều 6.4 Chương 6 – Cách thức áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp	Điều 8	Tương thích
23	Điều 6.5 Chương 6 – Thủ tục điều tra tự vệ chuyển tiếp	Điều 5.6	Tương thích
24	Khoản 1-3 Điều 4.3 Chương 4 – Điều kiện, cách thức áp dụng biện pháp tự vệ đặc biệt với hàng dệt may	Điều 12 khoản 1-3	Tương thích
25	Khoản 4 Điều 4.3 Chương 4 – Quy trình điều tra, chứng minh để áp dụng biện pháp tự vệ đặc biệt với hàng dệt may	Điều 9 khoản 4	Tương thích
26	Khoản 6 Điều 4.3 Chương 4 – Các giới hạn đối với việc áp dụng biện pháp tự vệ đặc biệt với hàng dệt may	Điều 12 khoản 4, 5 Điều 9 khoản 3	Tương thích



STT	Cam kết CPTPP	Quy định nội luật hóa	Nhận xét về tính tương thích
<i>7. Thông tư 19/2019/TT-BCT về việc áp dụng các biện pháp tự vệ đặc biệt</i>			
27	Khoản 8 Điều 4.3 Chương 4 – Mối liên hệ với các biện pháp tự vệ, phòng vệ khác	Điều 9 khoản 1	Tương thích
<i>8. Thông tư 32/2019/TT-BYT sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4 và Phụ lục số 01-MP Thông tư 06/2011/TT-BYT quy định về quản lý mỹ phẩm</i>			
28	Khoản 18 Phụ lục 8-D Chương 8 về Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại – Không yêu cầu CFS đối với mỹ phẩm nhập khẩu từ Đối tác CPTPP	Điều 1	Tương thích
<i>9. Nghị định 95/2020/NĐ-CP hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo CPTPP và Thông tư 09/2020/TT-BKHĐT hướng dẫn Nghị định 95/2020/NĐ-CP</i>			
29	Khoản 3 Điều 15.2 Chương 15 – Các trường hợp không áp dụng cam kết về đấu thầu CPTPP	Khoản 2 Điều 1	Tương thích
30	Khoản 6 Điều 15.2 Chương 15 – Không chia nhỏ gói thầu	Khoản 4 Điều 26	Tương thích
31	Khoản 8 Điều 15.2 – Giá gói thầu	Khoản 2 và 3 Điều 29	Tương thích
32	Điều 15.3 và mục II.6 Phần G Phụ lục 15-A Việt Nam, Chương 15 – Ngoại lệ chung	Khoản 3 Điều 100	Tương thích



STT	Cam kết CPTPP	Quy định nội luật hóa	Nhận xét về tính tương thích
33	Khoản 1-3 Điều 15.4 – Nguyên tắc đối xử quốc gia và không phân biệt đối xử	Khoản 1 Điều 5	Tương thích
34	Khoản 6 Điều 15.4; Điều 15.5 Chương 15; Khoản 8 Phần J Phụ lục 15-A Việt Nam, Chương 15 - Ưu đãi trong nước	Khoản 3 Điều 5 Khoản 2-6 Điều 15 Điều 16, 17	<p>Tương thích ở mức cao hơn yêu cầu cam kết (không tận dụng hết quyền bảo lưu theo cam kết):</p> <ul style="list-style-type: none"> ● CPTPP cho Việt Nam quyền ưu đãi trong nước với tỷ lệ nhất định (40%-30% tùy giai đoạn) tổng giá trị gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh CPTPP toàn quốc; ● Nghị định 95/2020/NĐ-CP quy định quyền ưu đãi trong nước với tỷ lệ (40%-30%) tổng giá trị gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh CPTPP của cơ quan mua sắm.
35	Khoản 8 Điều 15.4; Điều 15.6, 15.7 Chương 15; Phần I Phụ lục 15-A Việt Nam, Chương 15 – Các yêu cầu về minh bạch thông tin	Điều 8-11 Nghị định Các Mẫu hồ sơ mời thầu tại Thông tư 09/2020/TT-BKHĐT	<p>Tương thích ở mức cao hơn yêu cầu cam kết, ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> ● CPTPP: nghĩa vụ <i>tạo điều kiện</i> để tổ chức đấu thầu qua phương tiện điện tử (gồm công bố thông tin gói thầu, các thông báo, hồ sơ mời thầu, tiếp nhận hồ sơ dự thầu); đăng tải thông tin trên Báo Đầu thầu; ● Nghị định 95/2020/NĐ-CP quy định <i>bắt buộc phải đăng tải</i> các thông tin liên quan lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (ngoại trừ nộp hồ sơ dự thầu điện tử) và trích xuất thông tin để đăng tải trên Báo Đầu thầu.
36	Khoản 4 Điều 15.4; Điều 15.9, 15.10, 15.11 Chương 15 – Các hình thức lựa chọn nhà thầu	Điều 20, 21, 46	<p>Hầu hết tương thích.</p> <p>Điều chỉnh nhỏ so với cam kết về điều kiện chỉ định thầu liên quan đến gói thầu cung cấp bổ sung hàng hóa, dịch vụ từ nhà thầu đã trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> ● CPTPP: Điều kiện “would cause significant inconvenience or substantial duplication of costs for the procuring entity”;



STT	Cam kết CPTPP	Quy định nội luật hóa	Nhận xét về tính tương thích
9. Nghị định 95/2020/NĐ-CP hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo CPTPP và Thông tư 09/2020/TT-BKHĐT hướng dẫn Nghị định 95/2020/NĐ-CP			
		<ul style="list-style-type: none"> ● Nghị định 95/2020/NĐ-CP: Điều kiện “làm phát sinh đáng kể chi phí cho cơ quan mua sắm” (bỏ qua điều kiện lựa chọn “gây bất tiện đáng kể” và giảm bớt mức độ của điều kiện về chi phí). 	
			<p>Nghị định 95/2020/NĐ-CP chưa tận dụng hết một số lựa chọn được phép của CPTPP sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Hình thức đàm phán (Điều 15.11); ● Trường hợp được phép chỉ định thầu: “trường hợp có khối lượng công việc xây lắp phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu nhưng nằm trong mục tiêu của hồ sơ mời thầu, do các tình huống không lường trước được, cần thiết phải được thực hiện để hoàn thành gói thầu xây lắp theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Tuy nhiên, tổng giá trị phần khối lượng xây lắp phát sinh không được vượt quá 50% giá trị hợp đồng ban đầu;” (điểm f khoản 2 Điều 15.10 CPTPP).
37	Điều 15.8 Chương 15 – Điều kiện về kinh nghiệm của nhà thầu	Điều 6; khoản 2 Điều 37 Nghị định Bảng Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm (Mẫu Hồ sơ mời thầu) Thông tư 09/2020/TT-BKHĐT	Tương thích
38	Khoản 4 Điều 15.12 Chương 15 – Bảo đảm cạnh tranh	Điều 7 Nghị định Bảng Dữ liệu đấu thầu (Mẫu Hồ sơ mời thầu) Thông tư 09/2020/TT-BKHĐT	Tương thích
39	Khoản 2, 5 Điều 15.14 Chương 15 – Các thời hạn trong đấu thầu	Khoản 2, 4 Điều 13	Tương thích



STT	Cam kết CPTPP	Quy định nội luật hóa	Nhận xét về tính tương thích
9. Nghị định 95/2020/NĐ-CP hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo CPTPP và Thông tư 09/2020/TT-BKHĐT hướng dẫn Nghị định 95/2020/NĐ-CP			
40	Khoản 3, 4 Điều 15.14 Chương 15; Khoản 3 Phần J Phụ lục 15-A Việt Nam, Chương 15 – Các thời hạn trong đấu thầu qua mạng	Khoản 3 Điều 13	Tương thích ở mức cao hơn yêu cầu cam kết (Việt Nam thực hiện cao hơn mức bảo lưu): <ul style="list-style-type: none"> ● CPTPP chung: thời hạn chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu 40 ngày, 35 ngày nếu theo phương thức trực tuyến; ● Bảo lưu của Việt Nam: lần lượt là 25-20 ngày; ● Nghị định: Thời hạn tối thiểu lần lượt là 30 ngày - 25 ngày.
41	Điều 15.16 Chương 15; Khoản 4 Phần J Phụ lục 15-A Việt Nam, Chương 15 – Lưu trữ hồ sơ và công khai kết quả thầu	Điều 18, 44	Tương thích Tương thích ở mức cao hơn yêu cầu cam kết trong một số khía cạnh, ví dụ: <ul style="list-style-type: none"> ● thông báo cả các thông tin mà CPTPP chỉ đòi hỏi thông báo nếu có yêu cầu của nhà thầu; ● thông báo tóm tắt lý do chỉ định thầu trong khi Việt Nam có bảo lưu không cần thông báo điều này trong CPTPP.
42	Điều 15.17 – Công bố thông tin	Điều 8, khoản 3 Điều 38, điểm d khoản 1 Điều 46, điểm d khoản 1 Điều 56 Điểm 25 Chỉ dẫn Nhà thầu (Mẫu hồ sơ mời thầu) Thông tư 09/2020/TT-BKHĐT	Tương thích
43	Điều 15.18 – Cấm nhà thầu có lịch sử gian lận	Điểm 3.4 Chỉ dẫn Nhà thầu; Ghi chú 1 Mẫu số 12 – Hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ (Mẫu hồ sơ mời thầu) Thông tư 09/2020/TT-BKHĐT	Tương thích



STT	Cam kết CPTPP	Quy định nội luật hóa	Nhận xét về tính tương thích
		9. Nghị định 95/2020/NĐ-CP hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo CPTPP và Thông tư 09/2020/TT-BKHĐT hướng dẫn Nghị định 95/2020/NĐ-CP	
44	Khoản 2 Điều 15.21 – Ưu đãi với SME Điểm 4 mục I Phần G Phụ lục 15A (Việt Nam)	Điểm g mục 1 Phụ lục VII	Tương thích
45	Điểm 3 Mục II Phần G Phụ lục 15-A Việt Nam, Chương 15 – Ưu đãi nội khối khi đấu thầu quốc tế	Điều 17	Tương thích
		10. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ (Phần về Sở hữu trí tuệ)	
46	Điều 18.7 Chương 18 – Sở hữu trí tuệ Gia nhập các Hiệp ước về SHTT	Nghị quyết 10/NQ-CP ngày 29/1/2021 về việc gia nhập Hiệp ước Budapest. Hiện đang xây dựng hồ sơ gia nhập Hiệp ước WCT và WPPT.	Tương thích <ul style="list-style-type: none"> ● Đối với Hiệp ước Budapest: Việt Nam thực hiện nghĩa vụ đúng hạn 2 năm; ● Đối với Hiệp ước WCT và WPPT: Hiện vẫn chưa tới thời hạn thực hiện nghĩa vụ (14/1/2022).
47	Điều 18.11 – Quyền	Mặc dù Phụ lục II - NQ72 có nêu nội dung này nhưng Luật sửa đổi không có nội dung này.	Tương thích Rà soát của VCCI cho thấy pháp luật Việt Nam đã tương thích với cam kết về quyền trong CPTPP, chỉ là chưa đủ rõ ràng do các quy định về quyền được nêu rải rác ở nhiều điều khoản thay vì tập trung ở một điều khoản.
48	Điều 18.24 – Hệ thống nhãn hiệu điện tử	Thực tế http://www.noip.gov.vn/nhan-hieu Sửa đổi đối với Điều 89 Luật SHTT	Tương thích



STT	Cam kết CPTPP	Quy định nội luật hóa	Nhận xét về tính tương thích
10. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ (Phần về Sở hữu trí tuệ)			
49	Điều 18.27 – Đăng ký hợp đồng chuyển giao nhãn hiệu	Sửa đổi đối với Điều 148 Luật SHIT	Tương thích
50	Điều 18.20 Điểm a, b Khoản 1 Điều 18.32 - Chi dẫn địa lý gây nhầm lẫn	Sửa đổi đối với khoản 3 Điều 80 Luật SHIT	Tương thích
51	Điểm c Khoản 1 Điều 18.32 – Chi dẫn địa lý là tên gọi chung Điều 18.33	Sửa đổi đối với khoản 1 Điều 80 Luật SHIT	Tương thích Có điều chỉnh hợp lý ở 01 điểm: <ul style="list-style-type: none"> ● CPTPP: tên gọi chung của hàng hóa theo cách hiểu của người tiêu dùng trên lãnh thổ Việt Nam; ● Luật sửa đổi: tên gọi chung của hàng hóa theo nhận thức của người tiêu dùng có liên quan trên lãnh thổ Việt Nam. <p>Việc khoanh vùng ở nhóm người tiêu dùng “có liên quan” là hợp lý do người tiêu dùng không liên quan (không bao giờ tiêu dùng tới sản phẩm đó) suy đoán có thể không thể biết về tên gọi chung của hàng hóa đó.</p>
52	Điều 18.36 – Điều ước quốc tế về chi dẫn địa lý	Sửa đổi đối với tên Mục 4 Chương VIII và bổ sung Điều 120a vào Luật SHIT	Tương thích
53	Điều 18.38 – Tính mới của sáng chế	Sửa đổi đối với khoản 3 và bổ sung khoản 4 Điều 60; đối với Điều 61 Luật SHIT	Tương thích Có bổ sung quy định phù hợp với thực tiễn Việt Nam để bảo đảm toàn vẹn ý nghĩa thực tiễn của cam kết.



STT	Cam kết CPTPP	Quy định nội luật hóa	Nhận xét về tính tương thích
10. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ (Phần về Sở hữu trí tuệ)			
54	Khoản 4 Điều 18.74 – Các khoản thiệt hại cho chủ thể quyền đề xuất	Sửa đổi đối với khoản 1 Điều 205, khoản 2 Điều 136 Luật SHTT	Tương thích
55	Khoản 10, 15 Điều 18.74 – Bên bị kiện nếu thắng phải được thanh toán chi phí tư vấn, luật sư	Sửa đổi đối với Điều 198 Luật SHTT	Tương thích
56	Khoản 4 Điều 18.76 – Cơ quan hải quan cung cấp thông tin về người vi phạm cho chủ thể quyền	Sửa đổi đối với Điều 218 Luật SHTT	Tương thích ở mức cao

11. Bộ luật Lao động 2019 (BILLD 2019)

57	19.3.1 (a) – Nghĩa vụ thông qua và duy trì các quy định PL và thực hiện các quy định PL liên quan tới quyền tự do liên kết	Điều 5.1(c), 7, 170, 172-178 về tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp BILLD 2019	<p>Cơ bản tương thích</p> <p>Có 01 điểm chưa tương thích đầy đủ</p> <p>CPTPP: yêu cầu Việt Nam thông qua - duy trì pháp luật và thực hiện các quy định pháp luật về quyền tự do liên kết (của người lao động).</p> <p>BILLD 2019:</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Đã tương thích ở góc độ nghĩa vụ “thông qua và duy trì” do đã có các quy định ghi nhận quyền tự do liên kết của người lao động (ở tất cả các khía cạnh khác nhau của quyền tự do liên kết của người lao động như nêu tại Công ước 87 ILO, ngoại trừ quyền tại Điều 3 về quyền nhận tài trợ, Điều 5 về quyền liên kết giữa các tổ chức đại diện người lao động, và Điều 7 về tư cách pháp nhân tại Công ước 87 – tuy nhiên do CPTPP không dẫn chiếu tới Công ước ILO cụ thể nào về quyền này, cơ bản vẫn có thể xem là pháp luật Việt Nam đã tương thích);
----	--	--	---



STT	Cam kết CPTPP	Quy định nội luật hóa	Nhận xét về tính tương thích
11. Bộ luật Lao động 2019 (BLLĐ 2019)			
58	19.3.1 (a) – Nghĩa vụ thông qua và duy trì các quy định PL và thực hiện các quy định PL liên quan tới công nhận thực chất quyền thương lượng tập thể	Điều 4.6, 5.1(c), 6.2(c), 8.1, 62-74, 175-177 BLLĐ về thương lượng tập thể Nghị quyết 80/2019/QH14 của Quốc hội gia nhập Công ước 98 của ILO về áp dụng những nguyên tắc của quyền tổ chức và thương lượng tập thể	<ul style="list-style-type: none"> ● Chưa bảo đảm nghĩa vụ “thực hiện” do pháp luật lao động chưa có quy định hướng dẫn (ở cấp Nghị định của Chính phủ) để quyền này có thể triển khai thực thi trên thực tế.
59	Điều 19.3.1(b) về chấm dứt mọi hình thức lao động cưỡng bức hoặc ép buộc		<p>BLLĐ và Nghị quyết 80/2019/QH14 (trong đó có quy định áp dụng toàn bộ nội dung Công ước 98) đã tương thích với cam kết CPTPP về quyền thương lượng tập thể do:</p> <ul style="list-style-type: none"> ■ Đã bao gồm các quy định thực chất với 03 yếu tố cơ bản như nêu tại Công ước 98 ILO gồm: <ul style="list-style-type: none"> ● Người lao động và cán bộ công đoàn phải được bảo vệ trước các hành vi của người sử dụng lao động phân biệt đối xử về việc làm (đặc biệt Điều 177); ● Tổ chức của người lao động không bị can thiệp bởi người sử dụng lao động (đặc biệt Điều 177); ● Nhà nước ban hành và thực hiện các biện pháp để thúc đẩy thương lượng tập thể (đặc biệt là Điều 4.6). ■ Các quy định nói trên đủ để thực hiện việc thương lượng tập thể trên thực tế.
59		Điều 3.7, 5.1, 8, 35.2, 165 BLLĐ Nghị quyết 104/2020/QH14 của Quốc hội về việc gia nhập Công ước 105 của ILO về xóa bỏ lao động cưỡng bức Bãi bỏ Pháp lệnh nghĩa vụ lao động công ích 1999	Tương thích



STT	Cam kết CPTPP	Quy định nội luật hóa	Nhận xét về tính tương thích
11. Bộ luật Lao động 2019 (BLLĐ 2019)			
60	Điều 19.3.1(c) về loại bỏ lao động trẻ em và cấm các hình thức lao động trẻ em tối tệ nhất	Sửa Luật Xử lý vi phạm hành chính, Bộ luật Hình sự, Luật Dân quân tự vệ. Điều 8, 113.1(b), 143-147 Bộ luật Hình sự 2015 Luật An toàn, vệ sinh lao động 2015 Luật Trẻ em 2016 Công ước 182 về các hình thức lao động trẻ em tối tệ nhất (Việt Nam gia nhập năm 2000) Công ước 138 về tuổi tối thiểu đi làm (Việt Nam gia nhập năm 2003)	Tương thích (phù hợp với cách hiểu về lao động trẻ em và hình thức trẻ em tối tệ nhất của ILO).
61	Điều 19.3.1(d) về chấm dứt phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp	Điều 5.1, 8.1, 32.3, 90.3	Tương thích
62	Điều 19.3.2 về bảo đảm điều kiện làm việc có thể chấp nhận được về lương tối thiểu, giờ làm việc và an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	Điều 90-92, 105-111, 133, 134, 142, 145, 149, 159, 164, 166	Tương thích (CPTPP không có tiêu chuẩn về điều kiện lao động có thể chấp nhận được).
63	Điều 19.8 về bảo đảm quyền trong giải quyết tranh chấp về lao động	Điều 179-211 BLLĐ Sửa Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự	Tương thích

Phụ lục III

Kết quả rà soát chi tiết các hoạt động
xây dựng pháp luật thực thi CPTPP



Hoạt động xây dựng văn bản về thuế XNK ưu đãi đặc biệt CPTPP (Nghị định 57/2019/NĐ-CP)

Nghị định 57/2019/NĐ-CP về Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện CPTPP giai đoạn 2019-2022 được soạn thảo bởi Bộ Tài chính và được ban hành bởi Chính phủ ngày 26/6/2019, có hiệu lực thi hành cùng ngày. Nghị định được ban hành nhằm triển khai thực thi trên thực tế các cam kết thuế quan của Việt Nam tại Biểu cam kết của Việt Nam trong Phụ lục Chương 2 Văn kiện Hiệp định CPTPP cho giai đoạn 2019-2022 (mặc dù các cam kết thuế quan thuộc diện cam kết áp dụng trực tiếp theo Phụ lục 2 Nghị quyết 72/2018/QH14 phê chuẩn Hiệp định CPTPP).

Nghị định bao gồm (i) phần lời văn với 07 Điều quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; mô tả ý nghĩa các cột trong các Biểu thuế; các điều kiện đối với hàng hóa nhập khẩu hưởng mức thuế quan ưu đãi đặc biệt theo Nghị định và thủ tục hướng ưu đãi; và hiệu lực thi hành và (ii) các Phụ lục, bao gồm: Phụ lục I – Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi thực hiện CPTPP và Phụ lục II – Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định CPTPP và Danh mục hàng hóa và thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với xe ô tô đã qua sử dụng áp dụng hạn ngạch thuế quan để thực hiện Hiệp định CPTPP.

Các mức thuế quan ưu đãi tại các Biểu thuế ban hành trong các Phụ lục của Nghị định này được xây dựng dựa trên các mức thuế quan cam kết cho các năm từ năm thứ 1 (đối với Mexico)/năm thứ 2 (đối với Australia, Canada, Nhật Bản, New Zealand và Singapore) đến năm thứ 4/năm thứ 5 của Việt Nam cho hàng hóa xuất khẩu tới hoặc nhập khẩu từ các đối tác CPTPP theo tại Biểu cam kết của Việt Nam trong Phụ lục Chương 2 Văn kiện Hiệp định CPTPP. Các chi tiết dòng thuế (theo mã HS) trong Nghị định này đã được chuyển đổi từ Danh mục thuế quan hài hòa ASEAN 2012 – ATHN 2012 (Danh mục được sử dụng để xây dựng Bảng cam kết thuế quan của Việt Nam trong CPTPP) thành ATHN 2017 (Danh mục đang có hiệu lực tại Việt Nam vào thời điểm CPTPP có hiệu lực với Việt Nam và sẽ có hiệu lực tới hết 2022).

Căn cứ vào Nghị định này, hàng hóa xuất khẩu tới hoặc nhập khẩu từ Australia, Canada, Mexico, Nhật Bản, New Zealand và Singapore (các nước đã phê chuẩn Hiệp định CPTPP vào thời điểm Hiệp định có hiệu lực với Việt Nam, ngày 14/1/2019), nếu thuộc các Biểu thuế ban hành kèm theo Nghị định và đáp ứng các điều kiện tương ứng (về vận chuyển, chứng từ xuất xứ hàng hóa/tờ khai nhập khẩu...) và thực hiện đúng các thủ tục yêu cầu thì sẽ được hưởng thuế quan ưu đãi mà Việt Nam cam kết theo Hiệp định cho khoảng thời gian 2019-2022. Nghị định có hiệu lực từ ngày ban hành (26/6/2019) tuy nhiên sẽ được áp dụng hồi tố cho các giao dịch xuất nhập khẩu đáp ứng các điều kiện hướng ưu đãi thuế quan thực hiện từ ngày Hiệp định CPTPP có hiệu lực (14/1/2019) đến ngày ban hành Nghị định.

Vấn đề Kế hoạch của Việt Nam

Nhận xét

<p>1. Thời gian ban hành</p> <p>Nghị quyết Quốc hội: Áp dụng trực tiếp</p> <p>Quyết định của Thủ tướng, của Bộ Tài chính: 1/2019</p>	<p>Ban hành và có hiệu lực ngày 26/6/2019, có quy định hồi tố.</p>	<p>Ban hành chậm so với kế hoạch.</p> <p>Bảo đảm yêu cầu CPTPP về thời hạn hiệu lực từ 14/1/2019 đó:</p> <ul style="list-style-type: none">● Đã có quy định cho phép áp dụng trực tiếp toàn bộ Biểu thuế ưu đãi cam kết (tại Nghị quyết 72/2018/QH14);● Có quy định về hồi tố, và việc hồi tố là khả thi.
<p>2. Cách thức nội luật hóa</p> <p>Nghị quyết Quốc hội: Áp dụng trực tiếp</p> <p>Quyết định của Thủ tướng và Bộ Tài chính: Xây dựng Nghị định</p>	<p>Nghị định riêng cho CPTPP, không áp dụng chung với các văn bản khác.</p>	<p>Từ góc độ lợi ích của doanh nghiệp Việt Nam: Việc ban hành chậm có thể ảnh hưởng nhất định tới việc tận dụng cơ hội CPTPP của doanh nghiệp (do chưa có thông tin đầy đủ để chuẩn bị sẵn sàng cho việc áp dụng hồi tố).</p> <p>Việc Nghị quyết của Quốc hội cho phép áp dụng trực tiếp cam kết về ưu đãi thuế quan là phù hợp nhằm:</p> <ul style="list-style-type: none">● Bảo đảm quyền lợi về nguyên tắc của doanh nghiệp khi xuất nhập khẩu hàng hóa với các đối tác CPTPP;● Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thuế quan mà Việt Nam cam kết. <p>Trên thực tế, quy định về áp dụng trực tiếp các cam kết này có giá trị về pháp lý nhưng phải được bảo đảm thực thi thông qua việc ban hành văn bản nội luật hóa (bởi từ góc độ kỹ thuật, việc thực hiện ưu đãi thuế phải tuân thủ các quy định chi tiết về thủ tục, điều kiện và các vấn đề liên quan trong pháp luật nội địa).</p> <p>Việc ban hành Nghị định để thực thi các cam kết ưu đãi thuế quan là phù hợp với thông lệ trong nước về thực thi cam kết ưu đãi thuế quan đặc biệt theo FTA.</p>



Vấn đề Kế hoạch của Việt Nam

Nhận xét

<p>3. Quá trình soạn thảo</p> <p>Quyết định của Thủ tướng và Bộ Tài chính: Xây dựng Nghị định mới có thể theo quy trình rút gọn</p>	<p>Thực hiện theo quy trình rút gọn.</p> <p>Bắt đầu soạn thảo 12/2018, tháng 1/2019 có dự thảo lấy ý kiến doanh nghiệp.</p> <p>Có tham vấn ý kiến doanh nghiệp, VCCI.</p>	<p>Quá trình soạn thảo đã lấy ý kiến tham vấn doanh nghiệp và cũng được tiến hành rất sớm (tháng 1/2019 đã có dự thảo). Tuy nhiên việc ban hành bị chậm, chủ yếu do phải tuân thủ quy trình ban hành VBQPPL.</p> <p>Hồ sơ Dự thảo gửi lấy ý kiến VCCI bao gồm Dự thảo, Tờ trình.</p>
<p>4. Nội dung và Thực thi</p> <p>Không có</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Các mức thuế ưu đãi được xây dựng dựa trên các mức thuế cam kết tại Biểu cam kết của Việt Nam cho các năm thứ 1 đến năm thứ 5; ● Danh mục các dòng thuế được chuyển đổi từ ATHN 2012 của Biểu cam kết thành ATHN 2017; ● Cách thức và nội dung các quy định tương ứng với thông lệ về các Nghị định ban hành các Biểu thuế ưu đãi theo các FTA của Việt Nam; ● Có quy định chuyển tiếp cho phép áp dụng hội tố với giao dịch từ 14/1/2019 đến ngày Nghị định có hiệu lực. 	<p>Các nội dung tương thích với cam kết.</p> <p>Quá trình thực thi không có phản ánh về vướng mắc liên quan tới mức thuế ưu đãi hay các vấn đề khác liên quan.</p>	

Hoạt động xây dựng văn bản về quy tắc xuất xứ CPTPP đối với hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu (Thông tư 03/2019/TT-BCT, sửa đổi bởi Thông tư 06/2020/TT-BCT)

Thông tư 03/2019/TT-BCT của Bộ Công Thương về quy tắc xuất xứ (QTXX) hàng hóa trong CPTPP ban hành ngày 22/01/2019 (Thông tư 03) và Thông tư 06/2020/TT-BCT ngày 24/3/2020 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 03 được soạn thảo và ban hành bởi Bộ Công Thương. Thông tư 03 được ban hành nhằm nhằm thực thi cam kết tại Chương 3 (Lời văn và Phụ lục về Quy tắc xuất xứ cụ thể từng mặt hàng) và Chương 4 (Lời văn và Phụ lục về Hàng dệt may) của Văn kiện Hiệp định CPTPP. Thông tư 03 ban hành ngày 22/1/2019 và có hiệu lực thi hành từ 8/3/2019, Thông tư sửa đổi (Thông tư 06/2020/TT-BCT) ban hành ngày 24/3/2020, có hiệu lực thi hành ngày 8/5/2020. Ngoài ra, trong quá trình thực thi Thông tư 03, Bộ Công Thương còn ban hành công văn số 8101/XNK-XXHH ngày 25/10/2019 hướng dẫn các cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu CPTPP về Lời văn chứng nhận xuất xứ của nhà sản xuất, nhà xuất khẩu trên C/O mẫu CPTPP và cấp C/O mẫu CPTPP cho hàng dệt may.

Thông tư bao gồm (i) Phần lời văn với 33 Điều quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, các quy tắc chung về xuất xứ hàng hóa trong CPTPP, quy trình chứng nhận và kiểm tra xuất xứ hàng hóa, và các quy định riêng chi áp dụng cho hàng dệt may và (ii) 09 Phụ lục, bao gồm: các Phụ lục về quy tắc xuất xứ (theo mặt hàng, riêng cho sản phẩm ô tô và dệt may), các Phụ lục về các Biểu mẫu, Phụ lục về trường hợp ngoại lệ và Phụ lục về các cơ quan có thẩm quyền cấp chứng nhận xuất xứ CPTPP.

Các quy định tại Phần lời văn cũng như trong các Phụ lục (trừ Phụ lục về cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam) cơ bản chuyển nguyên trạng các cam kết về xuất xứ trong các cam kết liên quan của Hiệp định CPTPP cùng với một số thay đổi nhỏ về ngôn ngữ (cho phù hợp với tiếng Việt), về hình thức (cho phù hợp với hình thức văn bản pháp luật Việt Nam) và chuyển các cam kết điển giải quy tắc xuất xứ theo mặt hàng thành ký hiệu. Thông tư 06 sửa đổi Thông tư 03 chủ yếu là về các nội dung liên quan tới các biểu mẫu chi áp dụng riêng với Việt Nam (do Việt Nam duy trì hệ thống cấp chứng nhận xuất xứ bởi cơ quan có thẩm quyền), và về 01 khái niệm liên quan tới xác định xuất xứ hàng dệt may.

Căn cứ vào Thông tư này, doanh nghiệp có thể xác định xuất xứ của các lô hàng xuất/nhập khẩu thuộc diện được hưởng ưu đãi thuế quan, từ đó có thể thực hiện các thủ tục chứng nhận xuất xứ với cơ quan có thẩm quyền (đối với hàng hóa xuất khẩu đáp ứng quy tắc xuất xứ), tự chứng nhận xuất xứ nếu đủ điều kiện, yêu cầu đối tác thực hiện các bước cần thiết để hàng hóa được hưởng ưu đãi thuế quan CPTPP. Cũng trên cơ sở các quy định này, doanh nghiệp sản xuất có căn cứ để tính toán điều chỉnh sản xuất, nguồn cung nếu phù hợp để hàng hóa đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi thuế quan CPTPP.

Vấn đề	Kế hoạch của Việt Nam	Thực tế thực thi tại Việt Nam	Nhận xét
1. Thời gian ban hành	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nghị quyết Quốc hội: Áp dụng trực tiếp một số cam kết về QTXX; ▪ Quyết định của Thủ tướng: 1/2019; ▪ Quyết định của Bộ Tài chính: Không có (do Quyết định ban hành 3/2019, sau khi TT 03 đã ban hành). 	<p>Ban hành ngày 22/1/2019.</p> <p>Có hiệu lực ngày 8/3/2019, có quy định hồi tố.</p>	<p>Ban hành đúng Kế hoạch.</p> <p>Bảo đảm yêu cầu của CPTPP về thời điểm có hiệu lực thông qua quy định về hồi tố.</p> <p>Từ góc độ lợi ích của doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư bảo đảm các lợi ích của doanh nghiệp do:</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Là văn bản thực thi CPTPP được ban hành và có hiệu lực sớm nhất, cho phép hàng hóa xuất khẩu Việt Nam tận dụng cơ hội ưu đãi thuế quan ở các thị trường CPTPP sớm nhất; ● Quy định về hồi tố là hoàn toàn khả thi và không ảnh hưởng tới lợi ích của doanh nghiệp.
2. Cách thức nội luật hóa	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nghị quyết Quốc hội: Áp dụng trực tiếp Điều 3.10 về cộng gộp toàn phần và Điều 3.23.1a về miễn giấy chứng nhận xuất xứ; ▪ Quyết định của Thủ tướng: Xây dựng Thông tư về xuất xứ. 	<p>Thông tư nội luật hóa tất cả các cam kết về xuất xứ, bao gồm cả các cam kết được phép áp dụng trực tiếp theo Nghị quyết của Quốc hội.</p>	<p>Nghị quyết của Quốc hội cho phép áp dụng trực tiếp một số điều khoản CPTPP để doanh nghiệp có thể được hưởng lợi từ cam kết này (cộng gộp và miễn giấy chứng nhận xuất xứ) ngay cả khi Thông tư 03 chưa được ban hành.</p>
3. Quá trình soạn thảo	<p>Quyết định của Thủ tướng: Không đề cập tới quy trình.</p>	<p>Thông tư được soạn thảo theo quy trình thông thường, có công bố Dự thảo trên website của Bộ Công Thương để lấy ý kiến doanh nghiệp (dự thảo 11/2018).</p>	<p>Quá trình soạn thảo được thực hiện sớm, bắt đầu ngay khi ký CPTPP (3/2018), do đó được ban hành hầu như kịp thời hạn.</p> <p>Dự thảo được gửi lấy ý kiến VCCI và các Hiệp hội ngành hàng.</p> <p>Hồ sơ đăng tải lấy ý kiến chi có Dự thảo, không có Tờ trình hay tài liệu liên quan khác.</p>



4. Nội dung
và Thực thi

Không có

Thông tư 03

- Theo sát nội dung cam kết phần Lời văn Chương 3 CPTPP (kể cả theo thứ tự lần lượt), có một số điều chỉnh nhỏ để Việt hóa về ngôn ngữ;
- Thay thế các diễn giải cụ thể về QTXX theo dòng sản phẩm tại Phụ lục Chương III CPTPP bằng các ký hiệu (CC, CTH...);
- Xây dựng quy định riêng liên quan tới thủ tục cấp chứng nhận xuất xứ, các mẫu tờ khai, C/O (do chỉ Việt Nam thực hiện thủ tục này).

Thông tư 06 (sửa đổi Thông tư 03):

- Chủ yếu sửa các nội dung về quy định riêng liên quan tới thủ tục cấp chứng nhận xuất xứ (các mẫu C/O, tờ khai...);
- Bổ sung giải thích với 01 từ ngữ (quy trình “xe toàn bộ” đối với một số sản phẩm dệt may);
- Bổ sung yêu cầu áp dụng trực tiếp các hướng dẫn, cách hiểu liên quan tới QTXX được các Nước thành viên thống nhất trong khuôn khổ thực thi CPTPP.

Ưu điểm

- Bám sát nội dung cam kết và/hoặc chuyển nguyên văn cam kết;
- Có một số điều chỉnh hợp lý để thích hợp với hình thức và nội dung của quy định pháp luật Việt Nam;
- Một số điều chỉnh về ngôn ngữ rõ ràng hơn cho việc áp dụng (đặc biệt là các quy định trong phần Quy tắc cụ thể mặt hàng);
- Quá trình thực hiện Thông tư 03/2019/TT-BCT cho thấy có vướng mắc, cơ quan có thẩm quyền đã khắc phục các bất cập, sửa đổi các quy định gây vướng mắc bằng Thông tư 06/2020/TT-BCT.

Tồn tại

Về nội dung

Thông tư 03

- Sử dụng ngôn ngữ tương tự cam kết nên không thật dễ hiểu, một số trường hợp mặc dù đã điều chỉnh Việt hóa nhưng chưa đủ (một số cam kết bản tiếng Việt/Việt hóa không rõ ràng bằng bản tiếng Anh);
- Trong QTXX từng mặt hàng, các ký hiệu được sử dụng thay thế diễn giải quy tắc (CC, CTH...) nhưng lại không có giải thích về nghĩa:
Ví dụ: Quy tắc xuất xứ đối với nhóm sản phẩm có mã HS từ 01.01-01.06
 - Cam kết TA: *A change to a good of heading 01.01 through 01.06 from any other chapter;*
 - Cam kết TV: *Chuyển đổi cho hàng hóa của nhóm 01.01 đến 01.06 từ bất kỳ chương nào khác;*
 - Thông tư 03: *CC (Thông tư không có giải thích CC là gì).*

Thông tư 06:

Đối với các giải thích bổ sung về QTXX (do các nước thành viên CPTPP thống nhất với nhau qua các phiên họp trong quá trình thực thi), Thông tư 06 quy



Vấn đề Kế hoạch của Việt Nam

Thực tế thực thi tại Việt Nam

Nhận xét

định MOIT sẽ thông báo cho các cơ quan liên quan để thực hiện. Việc chi giới hạn đối tượng được thông báo là cơ quan có thẩm quyền mà không bao gồm cả các doanh nghiệp chưa thật minh bạch. Ngoài ra, về mặt pháp lý, các hướng dẫn (nếu có) là ra cần được đưa vào Thông tư sửa đổi.

Theo giải thích từ cơ quan soạn thảo thì lựa chọn này xuất phát từ thực tế (i) các giải thích bổ sung này hầu như là các vấn đề kỹ thuật rất nhỏ, không phải sửa hay giải thích cam kết; (ii) sửa Thông tư tốn nhiều thời gian, quy trình phức tạp, không đáp ứng ngay được yêu cầu doanh nghiệp; (iii) ngoài thông báo chính thức cho các cơ quan liên quan (hài quan, tổ cấp C/O) thì có đăng tải công khai để doanh nghiệp được biết (trên website của Cục XNK).

Về thực thi:

- Diễn giải quy định về QTXX đối với hàng dệt may còn vướng mắc

Theo doanh nghiệp dệt may thì cơ quan có thẩm quyền giải thích QTXX theo hướng “từ bông trở đi” là quá chặt so với cam kết (“từ sợi trở đi”), việc xử lý còn chậm và chưa toàn diện (tháng 10/2019 mới có Công văn 8101/BCT- XNK gỡ vướng, và chỉ cho phép “từ sợi trở đi” đối với sợi kéo tại Việt Nam).

Theo Bộ Công Thương (BCT) thì cam kết CPTPP theo từng nhóm sản phẩm dệt may là “từ bông trở đi”. Trước đề xuất của doanh nghiệp, BCT đã trao đổi với các thành viên CPTPP, đi đến giải pháp là vận dụng cam kết “cộng gộp toàn phần” kết hợp với cam kết “từ bông trở đi” để giải thích QTXX dệt may CPTPP.

- Xây ra một số vướng mắc kỹ thuật trên thực tế, chủ yếu liên quan tới Biểu mẫu về cấp giấy chứng nhận xuất xứ (ô số 11 trên mẫu C/O, một số thông tin bắt buộc trên mẫu chưa bám sát cam kết)
- CPTPP khuyến khích cơ chế tự chứng nhận xuất xứ (mặc dù Việt Nam bảo lưu quyền không áp dụng cơ chế này trong 5 năm, có thể gia hạn 5 năm) và doanh nghiệp (dệt may) khuyến nghị Việt Nam nên sớm xây dựng cơ chế tự CNXX cho CPTPP.

Theo BCT thì hiện Việt Nam đã đang nghiên cứu về cơ chế này, dự kiến sẽ thi điểm thực hiện sớm với 1 số ngành (da giày), ở một số thị trường đối tác CPTPP.



Hoạt động xây dựng văn bản hướng dẫn thực thi cam kết CPTPP về xác định xuất xứ đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (Thông tư 62/2019/TT-BTC)

Thông tư 62/2019/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 38/2018/TT-BTC quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (sau đây gọi là Thông tư 62) được soạn thảo và ban hành bởi Bộ Tài chính. Thông tư 62 ban hành ngày 05/9/2019 và có hiệu lực thi hành từ 21/10/2019. Thông tư 62 bao gồm 02 phần riêng rẽ, (i) các sửa đổi, bổ sung chung đối với các thủ tục hải quan liên quan tới xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, và (ii) 01 điều khoản riêng về thủ tục hải quan liên quan tới xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt trong khuôn khổ Hiệp định CPTPP. Điều khoản được bổ sung mới trong Thông tư 62 được xây dựng căn cứ trên một số cam kết tại Chương 3 (Phần B – Thủ tục chứng nhận xuất xứ và Phụ lục B – Yêu cầu thông tin tối thiểu) của Văn kiện Hiệp định CPTPP và nhằm thực thi các cam kết về ưu đãi thuế quan và quy tắc xuất xứ tương ứng của Hiệp định này từ góc độ thủ tục hải quan (phía Việt Nam).

Điều khoản về CPTPP trong Thông tư 62 quy định về việc khai, nộp, kiểm tra, xác minh, từ chối chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện Hiệp định CPTPP. Các quy định này được xây dựng trên cơ sở kết hợp các quy định bắt buộc trong các cam kết CPTPP liên quan và các quy định chung theo pháp luật Việt Nam về vấn đề này.

Căn cứ vào Thông tư này, doanh nghiệp có thể thực hiện các thủ tục, xuất trình các giấy tờ cần thiết liên quan tới xuất xứ hàng hóa để được hưởng thuế xuất khẩu ưu đãi, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định CPTPP.

Vấn đề	Kế hoạch của Việt Nam	Thực tế thực thi tại Việt Nam	Nhận xét
1. Thời gian ban hành	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Quyết định của Thủ tướng: 1/2019; ▪ Quyết định của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương (phối hợp): 1/2019. 	<p>Ban hành ngày 5/9/2019.</p> <p>Có hiệu lực ngày 21/10/2019, có quy định hồi tố.</p>	<p>Ban hành chậm so với kế hoạch.</p> <p>Bảo đảm tuân thủ yêu cầu CPTPP về thời hạn do có quy định về hồi tố.</p>
2. Cách thức nội luật hóa	<p>Quyết định của Thủ tướng và Quyết định của Bộ Tài chính: Xây dựng Nghị định.</p>	<p>Soạn thảo bổ sung 01 điều khoản riêng cho trường hợp của hàng hóa xuất nhập khẩu theo CPTPP vào Thông tư 38/2018/NĐ-CP hướng dẫn chung về xác định xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu (trong quy trình hải quan).</p>	<p>Từ góc độ tác động lợi ích doanh nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Mặc dù ban hành muộn nhưng trong giai đoạn chưa có Thông tư 62, đã có 02 Công văn hướng dẫn về vấn đề xác định xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu theo CPTPP, bao gồm (i) Công văn 4470/TCHQ-TXNK ngày 9/7/2019 của Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính về việc thực hiện Nghị định số 57/2019/NĐ-CP về Biểu thuế Xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế Nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định CPTPP; và (ii) Công văn số 4993/TCHQ-GSQL ngày 5/8/2019 của Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính hướng dẫn về chứng từ chứng nhận xuất xứ trong khuôn khổ CPTPP; ● Văn bản khi được ban hành có quy định về việc áp dụng hồi tố và việc hồi tố là khả thi. Tuy nhiên, việc ban hành chậm vẫn bản này có thể ảnh hưởng nhất định tới việc tận dụng cơ hội từ ưu đãi thuế quan CPTPP (do khi chưa có văn bản, doanh nghiệp sẽ không biết cần chuẩn bị sẵn giấy tờ gì để hưởng ưu đãi thuế quan hồi tố).
			<p>Việc bổ sung thêm các quy định áp dụng riêng cho xác định xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu theo CPTPP vào văn bản áp dụng chung, theo đó trường hợp có quy định riêng thì áp dụng quy định riêng, các vấn đề khác không có quy định riêng thì áp dụng quy định chung là phù hợp bởi:</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Bảo đảm tuân thủ cam kết CPTPP; ● Không phải quy định lại các vấn đề chung (mà CPTPP không quy định và vì thế vẫn áp dụng quy định trong pháp luật hiện hành).



Vấn đề**Thực tế thực thi tại Việt Nam****Kế hoạch của Việt Nam****Nhận xét**

3. Quá trình soạn thảo

Quyết định của Thủ tướng: Không đề cập tới quy trình.

Thông tư được soạn thảo theo quy trình thông thường, có công bố Dự thảo trên website của Bộ (tháng 4/2019).

Quá trình soạn thảo bắt đầu chậm (tháng 4/2019 mới tổ chức lấy ý kiến).

Dự thảo được gửi lấy ý kiến VCCI.

Hồ sơ đăng tải/gửi lấy ý kiến chỉ có Dự thảo, không có Tờ trình hay tài liệu liên quan khác.

4. Nội dung

Nghị định về xác minh xuất xứ đối với hàng hóa nhập khẩu, hợp tác hải quan và giám sát hải quan (bao gồm cả dệt may).

Thông tư hướng dẫn cụ thể việc khai, nộp, kiểm tra, xác minh, từ chối chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện Hiệp định CPTPP trên cơ sở kết hợp các quy trình của Việt Nam với các yêu cầu bắt buộc tại Hiệp định về các vấn đề liên quan.

Ưu điểm

- Quy định hướng dẫn tập trung các vấn đề về xuất xứ riêng áp dụng cho hàng hóa xuất nhập khẩu trong khuôn khổ CPTPP, do đó thuận tiện để theo dõi, áp dụng;
- Quy định kết hợp với quy trình thông lệ chung của Việt Nam, tương đối nhuần nhuyễn.

Tồn tại

- Quy định tách riêng phần về CPTPP trong Thông tư có thể chưa hợp lý, do (i) Không thống nhất với cách quy định chung của Thông tư 38 (theo đó với mỗi vấn đề, Thông tư 38 quy định nguyên tắc áp dụng chung, sau đó quy định riêng về đặc thù của một/một số FTA về vấn đề đó, nếu có), (ii) Việc áp dụng có thể có khó khăn bởi với mỗi vấn đề, doanh nghiệp không nhận diện được ngay là sẽ áp dụng quy định chung hay quy định riêng CPTPP;
- Có một số vướng mắc trong thực thi (ví dụ thông tin bắt buộc về số tham chiếu trong Tờ khai; xử lý trong trường hợp chứng từ chứng nhận xuất xứ cấp lỗi...);
- Cơ quan hải quan đã ban hành Công văn để hướng dẫn về cách xử lý (việc ban hành Công văn cho thấy cơ quan hải quan đã quan tâm chú ý xử lý vướng mắc cho doanh nghiệp, tuy vậy cần lưu ý rằng Công văn không phải văn bản pháp luật, do đó tính pháp lý yếu).



Hoạt động xây dựng các văn bản thực thi cam kết CPTPP về hạn ngạch (Thông tư 07/2019/TT-BCT, Thông tư 03/2020/TT-BCT và Thông tư 04/2020/TT-BCT)

Liên quan tới các hạn ngạch thuế quan trong CPTPP, đã có 03 văn bản pháp luật được ban hành mới nhằm thực thi các cam kết về vấn đề này, bao gồm Thông tư 07/2019/TT-BCT quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mexico theo CPTPP, Thông tư 04/2020/TT-BCT quy định về đầu giá hạn ngạch thuế quan nhập khẩu ô tô đã qua sử dụng theo CPTPP và Thông tư 03/2020/TT-BCT về việc nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu theo hạn ngạch thuế quan CPTPP được ban hành bởi Bộ Công Thương. Ba văn bản này được xây dựng nhằm hướng dẫn thực thi 03 trong số nhiều nhóm cam kết về hạn ngạch thuế quan đối với hàng hóa của Việt Nam và của đối tác CPTPP. Trên thực tế, CPTPP có cam kết về hạn ngạch đối với nhiều loại hàng hóa, cả của Việt Nam cho đối tác (hạn ngạch đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam) và của đối tác cho Việt Nam (hạn ngạch đối với hàng hóa Việt Nam xuất khẩu), mặc dù vậy chỉ có một số ít cam kết cần có hướng dẫn cụ thể để thực thi, số còn lại có thể thực hiện trên cơ sở tự động hoặc thực hiện theo các cơ chế quản lý sẵn có mà không cần hướng dẫn nào thêm (ví dụ các cam kết về hạn ngạch thuế quan đối với nhiều loại nông sản của cả Việt Nam và đối tác).

■ Thông tư 07/2019/TT-BCT ban hành ngày 19/4/2019, có hiệu lực từ 20/6/2019 nhằm hướng dẫn thực thi trên thực tế việc áp dụng các ưu đãi hạn ngạch thuế quan đối với hàng dệt may Việt Nam khi xuất khẩu sang Mexico theo thỏa thuận giữa Việt Nam và Mexico tại Thư song phương về thương mại hàng dệt may theo nguồn cung thiếu hụt và quần áo trẻ em bằng sợi tổng hợp và Thư song phương về giám sát doanh nghiệp xuất khẩu hàng dệt may sang Mexico trong khung khổ Văn kiện CPTPP. Thông tư gồm 12 Điều và 03 Phụ lục về (i) quy định về hạn ngạch thuế quan đối với hàng dệt may Việt Nam nhập khẩu vào Mexico, các điều kiện và cơ chế hưởng ưu đãi từng loại hạn ngạch thuế quan; (ii) quy trình quản lý điều hành hạn ngạch thuế quan đối với hàng dệt may Việt Nam xuất khẩu đi Mexico, và (iii) thủ tục đăng ký để giám sát doanh nghiệp xuất khẩu hàng dệt may đi Mexico. Các nội dung của Thông tư 07 được thiết kế trên cơ sở kết hợp các yêu cầu cam kết trong 02 Thư song phương giữa hai Bên trong CPTPP với thông lệ quy trình quản lý của Việt Nam đối với các vấn đề tương tự. Căn cứ vào Thông tư này, các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu hàng dệt may đi Mexico có thể được hưởng ưu đãi theo hạn ngạch thuế quan CPTPP mà Mexico cam kết cho Việt Nam.

Vấn đề Kế hoạch của Việt Nam

Thực tế thực thi tại Việt Nam

Đánh giá

Thông tư 07/2019/TT-BCT về xuất khẩu hàng dệt may sang Mexico theo CPTPP

1. Thời gian ban hành	<ul style="list-style-type: none"> Quyết định của Thủ tướng: 1/2019; Quyết định của Bộ Công Thương: Quý I/2019. 	Ban hành ngày 19/4/2019. Có hiệu lực ngày 20/6/2019, không có quy định về việc áp dụng hồi tố (do không khả thi về kỹ thuật).	Ban hành chậm so với kế hoạch. Không vi phạm yêu cầu của CPTPP về thời điểm hiệu lực do đây là quyền của Việt Nam, không phải nghĩa vụ. Từ góc độ lợi ích doanh nghiệp Việt Nam: Sự chậm trễ trong ban hành văn bản này có thể khiến doanh nghiệp dệt may Việt Nam xuất khẩu các sản phẩm liên quan sang thị trường Mexico thiệt hại nhất định (do không được sử dụng hạn ngạch thuế quan của Mexico cho các lô hàng xuất khẩu trước 20/6/2019).
-----------------------	---	--	--



Vấn đề **Kế hoạch của Việt Nam**

Đánh giá

Thông tư 07/2019/TT-BCT về xuất khẩu hàng dệt may sang Mexico theo CPTPP

<p>2. Cách thức nội luật hóa</p> <p>Quyết định của Thủ tướng và Quyết định của Bộ Tài chính: Xây dựng văn bản mới.</p>	<p>Soạn thảo và ban hành 01 văn bản riêng về các vấn đề liên quan tới hàng dệt may xuất khẩu đi Mè-hi-cô (hạn ngạch thuế quan, chứng thư xuất khẩu, giám sát doanh nghiệp).</p>	<p>Việc xây dựng một văn bản riêng quy định về các vấn đề liên quan tới xuất khẩu dệt may sang Mexico theo CPTPP là phù hợp bởi đây là vấn đề riêng, không liên quan tới bất kỳ nội dung trong một văn bản sẵn có nào.</p>
<p>3. Quá trình soạn thảo</p> <p>Quyết định của Bộ Công Thương: Không đề cập tới quy trình.</p>	<p>Thông tư được soạn thảo theo quy trình thông thường, bắt đầu từ 11/2018, công bố Dự thảo trên website của Bộ Công Thương để lấy ý kiến doanh nghiệp (dự thảo 12/2018).</p>	<p>Quá trình soạn thảo được thực hiện sớm, tuy nhiên vẫn bị ban hành chậm so với yêu cầu.</p> <p>Dự thảo không được gửi lấy ý kiến VCCI.</p> <p>Hồ sơ đăng tải lấy ý kiến chỉ có Dự thảo, không có Tờ trình hay tài liệu liên quan khác.</p>
<p>4. Nội dung</p> <p>Quyết định của Bộ Công Thương: Văn bản về hạn ngạch, điều hành và giám sát việc xuất khẩu hàng dệt may sang Mexico.</p>	<p>Thông tư quy định ưu đãi thuế theo hạn ngạch thuế quan đối với hàng dệt may xuất khẩu sang Mexico theo CPTPP, nguyên tắc điều hành hạn ngạch thuế quan và giám sát hàng dệt may xuất khẩu sang Mexico theo CPTPP.</p>	<p>Ưu điểm</p> <ul style="list-style-type: none">● Quy định rõ các nội dung theo cam kết;● Cơ chế tổ chức được thiết kế thuận lợi (hệ thống điện tử cấp Chứng thư xuất khẩu cho các doanh nghiệp xuất khẩu hàng dệt may sang Mexico thực hiện hoàn toàn qua Internet, trừ lùi hạn ngạch tự động). <p>Tồn tại</p> <p>Không thấy công bố khai thông tin về hạn ngạch dệt may hàng năm của Mexico cho Việt Nam như quy định trong Thông tư.</p> <p>Theo Bộ Công Thương thì điều này là do phía Mexico không công bố hạn ngạch từ 2020 – Bộ đã phản ánh nhiều lần với phía Mexico.</p>

- Thông tư 03/2020/TT-BCT quy định về việc nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu theo hạn ngạch thuế quan theo CPTPP được Bộ Công Thương ban hành ngày 22/1/2020, có hiệu lực từ 29/2/2020 nhằm hướng dẫn thực thi trên thực tế cam kết về hạn ngạch thuế quan ưu đãi với thuốc lá nguyên liệu nhập khẩu vào Việt Nam từ các nước CPTPP tại Biểu cam kết và Phụ lục A của Việt Nam trong Chương 2 Văn kiện CPTPP. Thông tư gồm 06 Điều và 01 Phụ lục quy định về (i) lượng hạn ngạch thuế quan đối với thuốc lá nguyên liệu nhập khẩu theo CPTPP (không tính vào hạn ngạch đối với sản phẩm tương tự theo WTO), (ii) đối tượng được phân giao hạn ngạch (doanh nghiệp thương mại Nhà nước theo Thông tư 12/2018/TT-BCT đã có) và (iii) thủ tục phân giao hạn ngạch (dẫn chiếu thủ tục tại Thông tư 12/2018/TT-BCT đã có). Căn cứ vào Thông tư này, các doanh nghiệp thương mại Nhà nước đáp ứng yêu cầu có thể được hưởng các lợi ích từ cam kết ưu đãi của Việt Nam đối với thuốc lá nguyên liệu nhập khẩu trong CPTPP.

Vấn đề	Kế hoạch của Việt Nam	Thực tế thực thi tại Việt Nam	Đánh giá
--------	-----------------------	-------------------------------	----------

1. Thời gian ban hành	Quyết định của Bộ Công Thương: Không có văn bản này.	Ban hành ngày 22/1/2020. Có hiệu lực ngày 29/2/2020; Không có quy định về áp dụng hồi tố.	Không so sánh với Kế hoạch (do ban đầu không dự định ban hành văn bản này). Không vi phạm yêu cầu của CPTPP về thời hạn do: <ul style="list-style-type: none"> Cam kết liên quan đã được áp dụng trực tiếp (theo Nghị quyết 72/2018/QH14), và việc thực hiện cam kết CPTPP về hạn ngạch thuế quan đối với sản phẩm này có thể thực hiện tự động (mà không cần văn bản nào hướng dẫn); Thông tư được ban hành chỉ để làm rõ hơn các vấn đề, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc thực thi. <p>Từ góc độ lợi ích của doanh nghiệp Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> Việc ban hành văn bản này chỉ để làm rõ thêm 1 số nội dung (ví dụ liên quan tới đối tượng được phân bổ hạn ngạch và cách thức tính hạn ngạch CPTPP trong tương quan với hạn ngạch WTO); Việc chậm ban hành văn bản này có thể không gây ảnh hưởng trên thực tế nếu doanh nghiệp vẫn được nhập khẩu theo cam kết CPTPP từ 14/1/2019 (áp dụng trực tiếp). <p>Theo Bộ Công Thương thì việc ban hành văn bản này chủ yếu xuất phát từ yêu cầu kỹ thuật của các đối tác CPTPP (trong phiên họp Hội đồng CPTPP).</p>
-----------------------	---	--	--



Vấn đề Kế hoạch của Việt Nam

Đánh giá

2. Cách thức nội luật hóa	Không có dự kiến gì	Soạn thảo và ban hành 01 văn bản riêng về đối tượng áp dụng và hạn ngạch thuế quan cụ thể đối với thuốc lá nguyên liệu.	Có một văn bản riêng giải thích về việc thực hiện cam kết hạn ngạch thuế quan đối với thuốc lá nguyên liệu theo CPTPP là phù hợp, giúp hướng dẫn áp dụng rõ ràng hơn, minh bạch về hạn ngạch CTPPP và phân biệt với hạn ngạch WTO.
3. Quá trình soạn thảo	Không có dự kiến gì	Thông tư được soạn thảo theo quy trình thông thường, công bố Dự thảo trên website của Bộ Công Thương 10/2019.	Quá trình soạn thảo được triển khai muộn, theo yêu cầu của các đối tác CPTPP. Dự thảo không gửi lấy ý kiến VCCI. Hồ sơ công bố chỉ có Dự thảo, không có Tờ trình.
4. Nội dung và Thực thi	Không có dự kiến gì	Thông tư quy định về các hạn ngạch thuế quan theo năm và đối tượng áp dụng phân bổ hạn ngạch thuế quan đối với thuốc lá nguyên liệu nhập khẩu theo CPTPP. Thông tư cũng giải thích về tương quan giữa hạn ngạch thuế quan CPTPP và WTO.	Ưu điểm <ul style="list-style-type: none">● Quy định rõ các nội dung theo cam kết;● Viện dẫn cụ thể tới văn bản về quy trình phân bổ hạn ngạch.

- Thông tư 04/2020/TT-BCT quy định về đấu giá hạn ngạch thuế quan nhập khẩu ô tô đã qua sử dụng theo CPTPP được Bộ Công Thương ban hành ngày 22/1/2020, có hiệu lực từ 5/3/2020 (Thông tư này sau đó đã được đình chính bởi Quyết định số 731/QĐ-BCT ngày 04/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương do một số lỗi sai sót về kỹ thuật). Thông tư này hướng dẫn thực thi trên thực tế cam kết về hạn ngạch thuế quan ưu đãi với ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu vào Việt Nam từ các nước CPTPP tại Biểu cam kết và Phụ lục A của Việt Nam trong Chương 2 Văn kiện CPTPP. Đây là lần đầu tiên pháp luật Việt Nam có quy định về đấu giá “quyền tài sản” (mà không phải là đấu giá “tài sản” như thông thường). Thông tư gồm 09 Điều và 01 Phụ lục về các nguyên tắc và điều kiện đấu giá hạn ngạch thuế quan nhập khẩu ô tô đã qua sử dụng trên cơ sở các yêu cầu riêng về quy trình đấu giá sản phẩm này theo cam kết tại Hiệp định CPTPP trên nền chung của pháp luật về đấu giá tài sản và điều kiện nhập khẩu ô tô hiện hành của Việt Nam. Căn cứ vào Thông tư này, các doanh nghiệp nhập khẩu ô tô đủ điều kiện theo quy định của pháp luật Việt Nam có thể được hưởng các lợi ích từ cam kết về hạn ngạch thuế quan đối với ô tô đã qua sử dụng của Việt Nam trong CPTPP. Để thực thi trên thực tế, Hội đồng đấu giá thành lập theo Thông tư 04 còn ban hành Quy chế đấu giá cụ thể theo từng năm, với các nội dung chi tiết về quy trình, thời hạn, điều kiện, các biểu mẫu.

Vấn đề Kế hoạch của Việt Nam Thực tế thực thi tại Việt Nam Đánh giá

1. Thời gian ban hành	Quyết định của Thủ tướng và của Bộ Công Thương; Không có văn bản này.	Ban hành ngày 22/1/2020. Có hiệu lực ngày 5/3/2020, không có hiệu lực hồi tố.	Việc xây dựng Thông tư không được dự kiến trong Kế hoạch. Bảo đảm yêu cầu CPTPP về thời điểm có hiệu lực do:
			<ul style="list-style-type: none"> Cam kết mà Thông tư hướng dẫn thuộc Nhóm cam kết đã được áp dụng trực tiếp theo Nghị quyết 72/2018/QH14; Về nguyên tắc các cam kết nội luật hóa trong Thông tư có thể được thực hiện theo thủ tục đấu giá thông thường; Thông tư được ban hành chỉ để làm rõ hơn các vấn đề, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc thực thi.



Từ góc độ lợi ích của doanh nghiệp Việt Nam:

- Thông tư thiết lập một thủ tục riêng cho việc đấu giá hạn ngạch thuế quan ô tô nhập khẩu CPTPP – một dạng quyền tài sản (để thích hợp hơn so với thủ tục chung về đấu giá tài sản);
- Việc chậm ban hành văn bản này trên thực tế có thể đã ảnh hưởng tới quyền lợi của doanh nghiệp nhập khẩu Việt Nam theo cam kết liên quan.

Việc xây dựng một văn bản riêng quy định về các vấn đề liên quan tới quản lý đấu giá hạn ngạch ô tô cũ là phù hợp bởi:

- Mặc dù Việt Nam có quy trình về đấu giá tài sản nhưng việc đấu giá hạn ngạch thuế quan đối với ô tô cũ nhập khẩu là đấu giá quyền tài sản, do đó có những điểm đặc thù;
- Việc nhập khẩu ô tô nói chung và ô tô đã qua sử dụng nói riêng cần phải đáp ứng các yêu cầu riêng, không giống như việc nhập khẩu các hàng hóa thông thường.

Thông tư được soạn thảo theo quy trình thông thường, có công bố Dự thảo trên website của Bộ Công Thương để lấy ý kiến doanh nghiệp (Dự thảo công bố tháng 11/2019).

Dự thảo không được gửi lấy ý kiến VCCI.

Hồ sơ đăng tải lấy ý kiến chi có Dự thảo, không có Torrình hay tài liệu liên quan khác.



Vấn đề **Kế hoạch của Việt Nam**

Đánh giá

4. Nội dung và Thực thi Không có dự kiến gì

Thông tư quy định các nguyên tắc về đầu giá hạn ngạch thuế quan đối với ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu và hạn ngạch cụ thể theo từng năm.

Ngoài Thông tư này, Hội đồng đầu giá hạn ngạch thuế quan ô tô đã qua sử dụng theo CPTPP của Bộ Công Thương còn ban hành Quy chế cụ thể về đầu giá (Quy chế ban hành theo từng năm).

Ưu điểm

- Quy định rõ các nội dung theo cam kết;
- Cơ chế tổ chức tương đối rõ ràng.

Tồn tại

Về nội dung

- Một số nội dung chi tiết trong Thông tư có khác biệt nhỏ so với cam kết CPTPP (Xem Phụ lục II);
- Các điều kiện cho nhập khẩu ô tô cũ khó khăn, ít khả thi.

Thực tiễn

Không đầu giá năm 2021 do không doanh nghiệp nào quan tâm (mà lý do được cho là các điều kiện nhập khẩu ô tô quá khó với doanh nghiệp nhỏ có nhu cầu nhập khẩu ô tô cũ, và mức bỏ giá tối thiểu không hấp dẫn).



Hoạt động xây dựng văn bản thực thi cam kết CPTPP về biện pháp tự vệ đặc biệt (Thông tư 19/2019/TT-BCT)

Thông tư 19/2019/TT-BCT quy định về áp dụng các biện pháp tự vệ đặc biệt để thực thi CPTPP được Bộ Công Thương ban hành ngày 30/9/2019, có hiệu lực từ 14/11/2019. Thông tư này hướng dẫn về biện pháp phòng vệ thương mại trong Chương 6 về phòng vệ thương mại và biện pháp khẩn cấp trong Chương 4 về dệt may của CPTPP.

Thông tư gồm 13 Điều quy định về các nguyên tắc và yêu cầu riêng về quy trình điều tra và áp dụng các biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may (áp dụng riêng cho hàng dệt may nhập khẩu từ các nước CPTPP theo cam kết tại Chương 4 Dệt may CPTPP) và các biện pháp tự vệ chuyên tiếp đối với hàng hóa nhập khẩu từ một hoặc các nước CPTPP. Đối với các vấn đề về quy trình, thủ tục, cách thức áp dụng biện pháp tự vệ chuyên tiếp mà cam kết CPTPP không đề cập (không có yêu cầu riêng), Thông tư dẫn chiếu tới các văn bản chung về điều tra và áp dụng biện pháp tự vệ theo quy định của WTO.

Với Thông tư này, trong giai đoạn chuyển tiếp, nhà sản xuất nội địa Việt Nam nếu bị thiệt hại hoặc đe dọa thiệt hại nghiêm trọng từ việc gia tăng nhập khẩu ô at hàng hóa từ một hoặc các nước CPTPP do Việt Nam cắt giảm thuế quan theo cam kết CPTPP, có thể yêu cầu Bộ Công Thương thực hiện điều tra và áp dụng biện pháp tự vệ đặc biệt nhằm bảo vệ lợi ích của mình.

Vấn đề	Kế hoạch của Việt Nam	Thực tế thực thi tại Việt Nam	Đánh giá
1. Thời gian ban hành	Quyết định của Chính phủ: 1/2019. Quyết định của Bộ Công Thương: Quý III/2019.	Ban hành ngày 30/9/2019. Có hiệu lực ngày 14/11/2019, không có quy định hồi tố.	Ban hành chậm so với Kế hoạch Chính phủ, đúng tiến độ theo Kế hoạch của Bộ Công Thương. Không vi phạm yêu cầu của CPTPP về thời điểm hiệu lực do việc thực hiện các biện pháp tự vệ đặc biệt đối với hàng hóa từ các đối tác CPTPP là quyền của Việt Nam, không phải nghĩa vụ. Từ góc độ lợi ích của doanh nghiệp Việt Nam: <ul style="list-style-type: none">Về lý thuyết thì việc ban hành chậm có thể ảnh hưởng tới quyền lợi của doanh nghiệp nội địa nếu họ có nhu cầu sử dụng công cụ này trước ngày Thông tư có hiệu lực (tuy nhiên theo cam kết CPTPP thì các biện pháp tự vệ đặc biệt chỉ có thể được thực hiện sau khi Hiệp định có hiệu lực ít nhất 6 tháng, tức là phải từ 14/7/2019 mới có thể sử dụng);



Vấn đề	Kế hoạch của Việt Nam	Thực tế thực thi tại Việt Nam	Đánh giá
2. Cách thức nội luật hóa	Quyết định của Chính phủ, BTC: Xây dựng văn bản mới.	Soạn thảo và ban hành 01 văn bản riêng về các vấn đề liên quan tới biện pháp tự vệ đặc biệt theo CPTPP.	<ul style="list-style-type: none"> Về thực tế, việc sử dụng công cụ này trong thời gian đầu của Hiệp định là không khả thi, do thực tế không ghi nhận tình trạng gia tăng ô ạt hàng nhập khẩu do Hiệp định (thiếu điều kiện cần để sử dụng công cụ).
3. Quá trình soạn thảo	Quyết định của Bộ Công Thương: Không đề cập tới quy trình.	Thông tư được soạn thảo theo quy trình thông thường, có công bố Dự thảo trên website của Bộ Công Thương để lấy ý kiến doanh nghiệp (dự thảo 8/2019).	<p>Việc xây dựng một văn bản riêng trong trường hợp này là phù hợp bởi:</p> <ul style="list-style-type: none"> Đây là các quy định riêng, chỉ áp dụng cho biện pháp tự vệ đặc biệt với hàng hóa từ CPTPP (không chung với các FTA khác); Các quy định này tương đối cụ thể, liên quan tới nhiều khía cạnh (do đó không thích hợp để bổ sung quy định vào pháp luật chung về phòng vệ thương mại).
4. Nội dung và Thực thi	Quyết định của Bộ Công Thương: Văn bản hướng dẫn về phòng vệ thương mại.	Thông tư gồm 03 phần nội dung chính: <ul style="list-style-type: none"> Các quy định chung; Các quy định về biện pháp tự vệ chuyển tiếp; Các quy định về biện pháp khẩn cấp đối với hàng dệt may. Đối với các vấn đề về quy trình, thủ tục, cách thức áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp mà cam kết CPTPP không đề cập (không có yêu cầu riêng), Thông tư dẫn chiếu tới các văn bản chung về điều tra và áp dụng biện pháp tự vệ toàn cầu (theo WTO).	<p>Quá trình soạn thảo được thực hiện phù hợp với kế hoạch của Bộ Công Thương.</p> <p>Dự thảo được gửi lấy ý kiến VCCI.</p> <p>Dự thảo được đăng tải trên website của Bộ Công Thương, Hồ sơ đăng tải lấy ý kiến có cả Dự thảo và Tờ trình.</p>
Ưu điểm			<p>Quy định rõ các nội dung theo cam kết, với ngôn ngữ pháp lý thích hợp.</p> <p>Thực tế chưa có vụ việc liên quan, do đó chưa đánh giá được ở góc độ thực thi.</p>



Hoạt động xây dựng văn bản thực thi cam kết CPTPP về hàng rào kỹ thuật về mỹ phẩm (Thông tư 32/2019/TT-BYT)

Thông tư 32/2019/TT-BYT sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4 và Phụ lục số 01-MP Thông tư 06/2011/TT-BYT quy định về quản lý mỹ phẩm được soạn thảo và ban hành bởi Bộ Y tế ngày 16/12/2019, có hiệu lực từ 01/02/2020. Thông tư có 01 nội dung sửa đổi nhằm thực thi 01 cam kết tại Phụ lục 8-D Chương 8 Văn kiện CPTPP về mỹ phẩm.

Thông tư gồm 05 Điều và 01 Phụ lục, trong đó có 02 Điều liên quan tới việc sửa đổi Thông tư chung về quản lý mỹ phẩm (Thông tư 06/2011/TT-BYT) để thực thi 01 cam kết CPTPP, các nội dung khác của Thông tư không liên quan tới cam kết CPTPP. Theo sửa đổi này, đối với các trường hợp mỹ phẩm nhập khẩu từ các nước CPTPP, hồ sơ công bố mỹ phẩm yêu cầu phải có chứng nhận lưu hành tự do (CFS) của nước sở tại nơi sản xuất mỹ phẩm. Như vậy, so với mỹ phẩm nhập khẩu từ các nước khác ngoài CPTPP, đối với mỹ phẩm từ các nước CPTPP, doanh nghiệp sẽ tiết kiệm được các chi phí liên quan tới việc xin CFS của nước sở tại cũng như xin xác nhận hợp pháp hóa lãnh sự loại giấy tờ này.

Vấn đề	Kế hoạch của Việt Nam	Thực tế thực thi tại Việt Nam	Đánh giá
1. Thời gian ban hành	Quyết định của Chính phủ: tháng 1/2019. Quyết định của Bộ: 2019-2020.	Ban hành ngày 16/12/2019. Có hiệu lực: ngày 01/02/2020.	Ban hành chậm so với Kế hoạch của Chính phủ. Bảo đảm tuân thủ yêu cầu của CPTPP về thời điểm có hiệu lực do có quy định hồi tố từ 14/1/2019. Từ góc độ lợi ích của doanh nghiệp Việt Nam: <ul style="list-style-type: none">● Về lý thuyết là không ảnh hưởng do đã có quy định về việc áp dụng hồi tố đối với các hồ sơ nộp từ 14/1/2019;● Trên thực tế, quy định hồi tố ít ý nghĩa thực tiễn (do hồ sơ công bố mỹ phẩm hợp lệ sẽ được cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm trong vòng 03 ngày làm việc và kể cả khi hồ sơ phải bổ sung thì thời hạn cho toàn bộ việc bổ sung là 40 ngày – trong khi Thông tư có hiệu lực chính thức chậm hơn 11 tháng).
2. Cách thức nội luật hóa	Quyết định của Chính phủ: Không nêu rõ. Quyết định của BYT: Sửa Thông tư 06 (Thông tư áp dụng chung).	Không ban hành văn bản riêng mà chỉ sửa văn bản chung để quy định riêng về trường hợp của CPTPP (như là một ngoại lệ của cơ chế quản lý chung).	Việc không ban hành văn bản riêng là hợp lý, bởi vấn đề cần nội luật hóa không phải là bổ sung yêu cầu mới mà là bỏ một yêu cầu đang có.



Vấn đề Kế hoạch của Việt Nam

Đánh giá

Thực tế thực thi tại Việt Nam

<p>3. Quá trình soạn thảo</p> <p>Không đề cập tới quy trình.</p>	<p>Thông tư được soạn thảo theo quy trình thông thường, có công bố Dự thảo trên website của Bộ Y tế để lấy ý kiến doanh nghiệp (02 dự thảo tháng 3 và tháng 6/2019).</p> <p>Thông tư sửa đổi bao gồm cả nội dung sửa đổi chung và nội dung sửa đổi nội luật hóa cam kết CPTPP.</p> <p>Điều khoản nội luật hóa cam kết CPTPP: điều chỉnh quy định chung về yêu cầu CFS trong Hồ sơ công bố mỹ phẩm nhập khẩu, theo đó yêu cầu này chỉ áp dụng đối với mỹ phẩm nhập khẩu từ các nguồn ngoài CPTPP (còn mỹ phẩm nhập khẩu từ CPTPP thì không cần nộp CFS trong Hồ sơ công bố).</p>
<p>4. Nội dung và Thực thi</p> <p>Quyết định của Chính phủ: sửa đổi các văn bản liên quan tới yêu cầu về Giấy chứng nhận tự do lưu hành (CFS) đối với mỹ phẩm nhập khẩu.</p> <p>Quyết định của BYT: Sửa TT 06/2011/TT-BYT.</p>	<p>Ưu điểm</p> <p>Quy định tương thích với cam kết.</p> <p>Tồn tại</p> <p>Nhiều ý kiến doanh nghiệp cho rằng Việt Nam nên quy định vượt lên trên cam kết, theo hướng bỏ yêu cầu CFS không chỉ cho mỹ phẩm nhập khẩu từ CPTPP theo cam kết mà cho mỹ phẩm nhập khẩu từ tất cả các nguồn khác bởi:</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Các giấy tờ khác trong Hồ sơ công bố phải nộp cho cơ quan có thẩm quyền đã đủ để chứng minh chất lượng và các khía cạnh khác được xác nhận trong CFS; ● Về mặt logic quản lý rủi ro, không có lý do gì để cho rằng mỹ phẩm nhập khẩu từ các nguồn khác (đặc biệt là từ các nền kinh tế phát triển có yêu cầu TBT cao) không có CFS thì không bảo đảm yêu cầu quản lý về chất lượng như CPTPP; ● Về mặt thực tế: yêu cầu về CFS hiện hành đang gây nhiều chi phí cho doanh nghiệp nhập khẩu.

Ngược lại, từ góc độ quản lý, có ý kiến cho rằng vẫn cần duy trì CFS đối với mỹ phẩm nhập khẩu nói chung đó:

- Trong bối cảnh năng lực thanh tra, kiểm tra và giám sát kỹ thuật của Việt Nam còn hạn chế, CFS là một chỉ dấu quan trọng để các cơ quan quản lý Nhà nước Việt Nam cho phép đăng ký mỹ phẩm tại Việt Nam dựa vào đó đưa ra quyết định;



- Mặc dù ở nhiều nước phát triển (trong đó có các nước CPTPP), việc quản lý mỹ phẩm dựa trên nguyên tắc “Tự Thông báo bảo, tự chịu trách nhiệm” (Notification), do tiêu chuẩn kỹ thuật ở các nước này tương đối cao và việc kiểm soát thực thi nghiêm khắc nên CFS được cấp kể cả dựa trên tuyên bố của nhà sản xuất vẫn cần cứ vào các quy định tiêu chuẩn cao, vì vậy đáng tin cậy;
- Nhiều đối tác ngoài CPTPP, thậm chí trong CPTPP cũng đang thực hiện yêu cầu CFS đối với mỹ phẩm nhập khẩu từ Việt Nam, vì vậy việc Việt Nam đơn phương không yêu cầu CFS mà không đối lại ứng xử tương tự của các đối tác dường như là không công bằng.



Hoạt động xây dựng văn bản thực thi cam kết CPTPP về mua sắm công (Nghị định 95/2020/NĐ-CP, Thông tư 09/2020/TT-BKHĐT)

Nghị định 95/2020/NĐ-CP quy định về việc thực hiện đấu thầu mua sắm theo CPTPP được Chính phủ ban hành và có hiệu lực ngày 24/8/2020. Văn bản này quy định tất cả các vấn đề liên quan tới đấu thầu mua sắm cho các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của CPTPP, và vì vậy ngoài trừ quy định nền tảng chung là Luật Đấu thầu, Nghị định này (cùng với các Thông tư hướng dẫn, mà hiện mới có 01 Thông tư là Thông tư 09/2020/TT-BKHĐT) hầu như tạo thành một hệ thống các quy định pháp luật riêng về đấu thầu cho gói thầu CPTPP, song song với hệ thống các quy định pháp luật về đấu thầu chung (Nghị định 63/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đấu thầu và các Thông tư hướng dẫn).

Nghị định 95/2020/NĐ-CP là một văn bản đồ sộ, bao gồm 11 Chương, với 103 Điều và 07 Phụ lục, quy định hướng dẫn Luật Đấu thầu về tất cả các vấn đề liên quan tới việc lựa chọn nhà thầu để thực hiện tất cả các gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ xây dựng, cung cấp hàng hóa thuộc dự án, dự toán mua sắm mà Việt Nam cam kết mở cửa cho các nhà thầu CPTPP tham gia theo cam kết tại Hiệp định này. Về nội dung, Nghị định này được xây dựng chủ yếu dựa trên các quy định hiện hành về quy trình lựa chọn nhà thầu tại Nghị định 63/2014/NĐ-CP cùng với các điều chỉnh thích hợp ở những khía cạnh mà các cam kết về mua sắm công tại Chương 15 CPTPP có quy định khác với pháp luật đấu thầu Việt Nam (chủ yếu liên quan tới tính minh bạch và bảo đảm cạnh tranh trong quy trình đấu thầu).

Do các quy định hướng dẫn về đấu thầu theo CPTPP được xây dựng theo hướng thiết lập một chỉnh thể riêng với đầy đủ các quy định pháp luật đấu thầu chỉnh thể cho các gói thầu thuộc diện điều chỉnh, sau Nghị định suy đoán Việt Nam sẽ phải ban hành các Thông tư hướng dẫn chi tiết về hồ sơ mời thầu đối với các gói thầu khác nhau thuộc phạm vi điều chỉnh theo cam kết CPTPP (tương đương với hệ thống các Thông tư quy định chi tiết về lập hồ sơ mời thầu hiện hành theo pháp luật đấu thầu chung). Cho tới 9/2021, mới có 01 Thông tư hướng dẫn Nghị định này, là Thông tư 09/2020/TT-BKHĐT do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành ngày 27/11/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/1/2021 hướng dẫn Nghị định 95/2020/NĐ-CP về lập hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của CPTPP. Thông tư này gồm 08 Điều và 02 Mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa. Về cơ bản các hướng dẫn trong Thông tư và các Mẫu hồ sơ đều căn cứ trên các quy định của Nghị định 95/2020/NĐ-CP. Về mặt logic, theo cách tiếp cận như hiện tại, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ còn phải ban hành một số Thông tư hướng dẫn khác (tương đương với hệ thống Thông tư hướng dẫn về hồ sơ mời thầu hiện hành), ví dụ Thông tư quy định chi tiết lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ mời thầu dự thầu, hồ sơ mời thầu xây lắp...). Về mặt nội dung, các Thông tư này chỉ quy định chi tiết về việc lập các mẫu hồ sơ mời thầu dựa trên các quy định của Nghị định 95/2020/NĐ-CP do đó suy đoán là phù hợp với Nghị định này. Vì vậy, việc phân tích đánh giá các văn bản hướng dẫn CPTPP về đấu thầu được thực hiện với Nghị định 95/2020/NĐ-CP là chủ yếu, chỉ xem xét đến Thông tư 09/2020/TT-BKHĐT trong trường hợp Nghị định không đề cập.

Vấn đề Kế hoạch của Việt Nam

Đánh giá

Vấn đề	Kế hoạch của Việt Nam	Thực tế thực thi tại Việt Nam	Đánh giá
1. Thời gian ban hành	Quyết định của Chính phủ: tháng 1/2019 (Trường hợp ban hành chậm thì có văn bản hướng dẫn việc thực thi tạm thời).	Ban hành và có hiệu lực ngày 24/08/2020, không có quy định hồi tố.	Ban hành chậm so với Kế hoạch của Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Bảo đảm tuân thủ yêu cầu của CPTPP về thời điểm có hiệu lực do đã có Thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 251/BKHĐT-QLĐT ngày 10/01/2019 thông báo đến các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định để thực hiện cam kết về đầu thầu.
2. Cách thức nội luật hóa	Quyết định của Chính phủ: Nghị định hướng dẫn riêng đối với các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của CPTPP, chỉ áp dụng đối với các nước CPTPP. Quyết định của Bộ KHĐT: Nghị định hướng dẫn thực thi Điều ước quốc tế về đầu thầu.	Xây dựng Nghị định hướng dẫn toàn bộ các vấn đề về đầu thầu đối với các gói thầu theo CPTPP, không sử dụng chung hệ thống pháp luật đầu thầu hiện hành (ngoại trừ văn bản gốc là Luật Đầu thầu). Đây là văn bản duy nhất trong số các văn bản nội luật hóa CPTPP không những nội luật hóa các nội dung pháp luật Việt Nam chưa thích với CPTPP (theo cách hướng dẫn riêng chỉ về các nội dung không tương thích) mà thiết lập một chính thể pháp luật đầu thầu đầy đủ để áp dụng riêng cho các gói thầu CPTPP.	Có thể việc soạn thảo và ban hành muộn xuất phát từ cách tiếp cận theo hướng quy định lại toàn bộ hệ thống pháp luật đầu thầu riêng cho CPTPP. Việc ban hành một văn bản riêng quy định về toàn bộ các vấn đề đầu thầu cho gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của CPTPP tạo điều kiện thuận lợi cho người áp dụng (không phải tra cứu các văn bản chung). Mặc dù vậy, cách thiết lập một hệ thống riêng song song với hệ thống chung (chưa từng có tiền lệ trong hệ thống pháp luật Việt Nam) có điểm bất cập: <ul style="list-style-type: none"> ● Khiến hệ thống pháp luật đầu thầu nặng nề, các đơn vị mua sắm phải biết cùng lúc 2 hệ thống quy định riêng biệt để áp dụng cho các gói thầu thuộc CPTPP và không thuộc CPTPP (trong khi nếu chỉ bổ sung các điểm khác biệt riêng của gói thầu CPTPP thì với các trường hợp không có khác biệt, đơn vị mua sắm cứ theo hệ thống pháp luật chung vốn đã quen thuộc mà thực hiện); ● Trường hợp muốn sửa đổi về bất kỳ vấn đề nào chung cho cả 2 hệ thống, sẽ phải sửa đổi cùng lúc nhiều văn bản.
3. Quá trình soạn thảo	Quyết định của Chính phủ: Không đề cập tới quy trình.	Nghị định được soạn thảo theo thủ tục rút gọn (được Chính phủ cho phép), được thực hiện bắt đầu từ 3/2019. Mặc dù được soạn thảo theo trình tự rút gọn, Dự thảo Nghị định vẫn được đăng công khai và lấy ý kiến rộng rãi từ 6/2019.	Quá trình soạn thảo được thực hiện tương đối muộn (từ tháng 3/2019) tuy nhiên cơ bản phù hợp với dự kiến về thời hạn tại Kế hoạch của Bộ KHĐT (dự kiến ban hành văn bản vào tháng 11/2019) và Dự thảo cũng được công bố phù hợp với dự kiến ban hành nhưng việc ban hành bị chậm trễ.



Vấn đề Kế hoạch của Việt Nam

Thực tế thực thi tại Việt Nam

Đánh giá

Dự thảo không được gửi lấy ý kiến VCCI, tuy nhiên VCCI có được thông tin về.

Dự thảo và chủ động tiếp cận cơ quan soạn thảo để lấy Dự thảo.

Mặc dù được cho phép soạn thảo theo quy trình rút gọn, trên thực tế việc soạn thảo vẫn bị kéo dài.

Ưu điểm

Nghị định bao gồm 11 Chương, 103 Điều và 07 Phụ lục quy định về tất cả các vấn đề liên quan tới việc lựa chọn nhà thầu để thực hiện các gói thầu mà Việt Nam cam kết mở cửa cho các nhà thầu CPTPP (gói thầu CPTPP).

Các quy định của Nghị định được xây dựng theo hướng:

- Đối với các nội dung CPTPP có cam kết bắt buộc thì quy định rõ cam kết để áp dụng;
- Đối với các nội dung CPTPP có cam kết tùy nghi (khuyến khích, không bắt buộc) thì quy định như pháp luật đấu thầu chung;
- Đối với các nội dung CPTPP không có cam kết: quy định tương tự pháp luật đấu thầu chung, “đơn giản và hoàn thiện hơn”.



Hoạt động xây dựng văn bản thực thi cam kết CPTPP về sở hữu trí tuệ

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ được Quốc hội thông qua ngày 14/06/2019 và có hiệu lực ngày 01/11/2019. Liên quan tới phần sửa về Luật Sở hữu trí tuệ, văn bản này sửa đổi một số quy định của Luật Sở hữu trí tuệ liên quan tới xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu nổi tiếng và chỉ dẫn địa lý, về tính mới và tính sáng tạo của sáng chế, đơn/đề nghị quốc tế về chỉ dẫn địa lý, về nghĩa vụ sử dụng liên tục nhãn hiệu, về đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp, về một số khía cạnh trong tố tụng giải quyết tranh chấp về sở hữu trí tuệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại biên giới. Đây là các cam kết CPTPP mà pháp luật Việt Nam chưa tương thích và phải thực hiện ngay khi CPTPP có hiệu lực với Việt Nam. Văn bản sửa đổi này chưa bao gồm việc nội luật hóa các cam kết CPTPP về sở hữu trí tuệ có lộ trình thực hiện muộn hơn thời điểm Hiệp định CPTPP có hiệu lực.

Mặc dù là văn bản nhằm thực thi CPTPP, xuất phát từ nguyên tắc đối xử quốc gia và đối xử tối huệ quốc tuyệt đối tại Hiệp định về các khía cạnh thương mại của quyền sở hữu trí tuệ của WTO (Hiệp định TRIPS) mà Việt Nam là thành viên, các sửa đổi được thực hiện trực tiếp đối với Luật Sở hữu trí tuệ và sẽ được áp dụng chung cho tất cả các đối tượng, các giao dịch liên quan, bao gồm cả các chủ thể Việt Nam và nước ngoài (không phụ thuộc vào việc chủ thể hoặc giao dịch có thuộc phạm vi điều chỉnh hay không). Với văn bản này, tất cả các chủ thể đều được hưởng lợi hoặc chịu các ràng buộc mới về sở hữu trí tuệ theo cam kết CPTPP.

Vấn đề	Kế hoạch của Việt Nam	Thực tế thực thi tại Việt Nam	Đánh giá
1. Thời gian ban hành	Quyết định của Chính phủ và của Bộ Khoa học và Công nghệ: tháng 5/2019.	Ban hành ngày 14/6/2019. Có hiệu lực ngày 01/11/2019, có quy định hồi tố.	Ban hành đúng Kế hoạch của Chính phủ và Bộ Khoa học và Công nghệ. Bảo đảm yêu cầu của CPTPP về thời điểm có hiệu lực do có quy định về hồi tố. Tư góc độ lợi ích của các chủ thể liên quan: Việc chậm này cơ bản không ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của các chủ thể liên quan do các quy định được áp dụng hồi tố và về cơ bản đều khả thi.
2. Cách thức nội luật hóa	Nghị Quyết của Quốc hội, Quyết định của Chính phủ và của Bộ KHCCN:	Xây dựng Luật sửa đổi bao gồm các điều khoản sửa đổi trực tiếp các điều khoản chưa tương thích của Luật Sở hữu trí tuệ so với các cam kết CPTPP có hiệu lực từ 14/1/2019.	Cách thức nội luật hóa này phù hợp với: <ul style="list-style-type: none">● Tính chất và yêu cầu của cam kết CPTPP;● Các nguyên tắc trong TRIPS;



Vấn đề	Kế hoạch của Việt Nam	Thực tế thực thi tại Việt Nam	Đánh giá
	<p>Văn bản sửa đổi các điều khoản chưa tương thích của Luật Sở hữu trí tuệ theo yêu cầu của CPTPP.</p>	<p>Theo cách thức này, các quy định sửa đổi sẽ kết hợp với các quy định hiện hành của Luật Sở hữu trí tuệ thành một chỉnh thể chung, áp dụng cho tất cả các đối tượng điều chỉnh của Luật này (chứ không chỉ giới hạn ở các chủ thể hay giao dịch thuộc phạm vi của CPTPP).</p>	<ul style="list-style-type: none"> Quy định tại Phụ lục 3 - Nghị quyết 72/2018/QH14 phê chuẩn Hiệp định CPTPP và các Kế hoạch thực hiện CPTPP của Chính phủ và Bộ Khoa học và Công nghệ.
3. Quá trình soạn thảo	<p>Quyết định của Chính phủ: Soạn thảo theo quy trình, thủ tục rút gọn.</p>	<p>Luật sửa đổi được soạn thảo theo thủ tục rút gọn (được Chính phủ cho phép), được thực hiện bắt đầu từ 1/2019. Mặc dù được soạn thảo theo trình tự rút gọn, Dự thảo Luật sửa đổi vẫn được đăng công khai và lấy ý kiến rộng rãi từ 3/2019.</p>	<p>Quá trình soạn thảo được thực hiện đúng tiến độ dự kiến, bảo đảm quá trình tham vấn, lấy ý kiến đối tượng chịu tác động dù theo quy trình rút gọn và được trình Quốc hội thông qua đúng thời hạn. Dự thảo được gửi lấy ý kiến VCCI.</p>
4. Nội dung và Thực thi	<p>Nghị Quyết của QH: <ul style="list-style-type: none"> Sửa đổi 04 Điều khoản của Luật SHTT; Bổ sung một số quy định chi tiết về 07 vấn đề. </p>	<p>Luật sửa đổi gồm các quy định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung với 12 điều khoản của Luật Sở hữu trí tuệ, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> Chỉ bao gồm 04 vấn đề được dự kiến sửa đổi theo Nghị Quyết của Quốc hội; Giải trình về việc không sửa đổi với một số vấn đề nêu trong Nghị Quyết của Quốc hội; Bổ sung việc sửa đổi một số vấn đề chưa được dự liệu trong Phụ lục II Nghị Quyết của Quốc hội. </p>	<p>Các quy định cơ bản tương thích hoàn toàn với cam kết.</p>



Văn bản thực thi cam kết CPTPP về lao động

Bộ luật Lao động sửa đổi năm 2019 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2019 và có hiệu lực ngày 01/01/2021. Việc sửa đổi Bộ luật Lao động được thực hiện tổng thể, trên hầu như tất cả các chế độ của văn bản này, nhằm đáp ứng đòi hỏi nội tại của thực tiễn Việt Nam trong bối cảnh mới là chủ yếu. Một số chế độ trong Bộ luật Lao động 2019 nội luật hóa các cam kết CPTPP về lao động, bao gồm: cam kết về các quyền lao động cơ bản (quyền tự do lập hội và thương lượng tập thể thực chất, chấm dứt mọi hình thức lao động cưỡng bức hoặc ép buộc, loại bỏ lao động trẻ em và cấm các hình thức lao động trẻ em tối tệ nhất, chấm dứt phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp); cam kết về các điều kiện lao động chấp nhận được (lượng tối thiểu, giờ làm việc và an toàn, sức khỏe nghề nghiệp); cam kết về bảo đảm quyền trong giải quyết tranh chấp lao động. Bộ luật Lao động 2019 cũng bao gồm các sửa đổi liên quan tới Bộ luật Tố tụng dân sự để thực thi cam kết CPTPP về giải quyết tranh chấp lao động tại toà án. Ngoài Bộ luật Lao động 2019, một số quy định liên quan tại các văn bản pháp luật khác (ví dụ Luật Vệ sinh, an toàn lao động 2015, Luật Trẻ em 2016, Luật Dân quân tự vệ 2019...) liên quan tới các cam kết nói trên cũng được điều chỉnh để phù hợp với các cam kết liên quan của CPTPP (tuy nhiên phần lớn các sửa đổi này được thực hiện trước khi CPTPP được phê chuẩn, do đó được tính là đã tương thích với CPTPP vào thời điểm Hiệp định này có hiệu lực với Việt Nam).

Mặc dù là các cam kết mà Việt Nam đưa ra với các đối tác CPTPP, xuất phát từ đòi hỏi của cam kết (nước thành viên phải thông qua và duy trì các quy định pháp luật và thực tiễn chung về các quyền lao động, điều kiện lao động, giải quyết tranh chấp lao động), việc nội luật hóa này được thực hiện tại văn bản chung về lao động (là Bộ luật lao động 2019), và được áp dụng cho tất cả các chủ thể liên quan (không phân biệt có liên quan tới thành viên CPTPP hay không). Với các quy định liên quan trong Bộ luật Lao động này, tất cả các chủ thể đều được hưởng lợi hoặc chịu các ràng buộc mới về lao động theo cam kết CPTPP.

Vấn đề	Kế hoạch của Việt Nam	Thực tế thực thi tại Việt Nam	Đánh giá
1. Thời gian ban hành	<p>Nghị Quyết của Quốc hội: “Theo quy định của Hiệp định” (tức là 14/1/2019).</p> <p>Nghị Quyết của Chính phủ: 2019-2020</p> <p>Quyết định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: 2019 (Văn bản dưới luật trong các năm tiếp theo).</p>	<p>Ban hành ngày 20/11/2019.</p> <p>Có hiệu lực ngày 01/01/2021, không có hiệu lực hồi tố.</p>	<p>Ban hành đúng Kế hoạch của Chính phủ và Bộ LĐTBXH.</p> <p>Mặc dù có hiệu lực muộn, Bộ luật Lao động vẫn bảo đảm tuân thủ yêu cầu của CPTPP về thời điểm có hiệu lực của tất cả các cam kết về lao động ngoại trừ cam kết về quyền tự do liên kết của người lao động do Bộ luật Lao động 2012 trước đó đã tương thích với các cam kết CPTPP.</p>
2. Quá trình soạn thảo	<p>Quyết định của Chính phủ:</p> <p>Không đề cập.</p>	<p>Quá trình soạn thảo thực hiện qua 02 giai đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giai đoạn 1: 2016-2017 chỉ sửa một số điều của BLLĐ (để phù hợp cam kết TPP); Giai đoạn 2: 2018-2019 sửa toàn bộ BLLĐ. <p>Bộ luật Lao động sửa đổi được soạn thảo và ban hành theo thủ tục thông thường (bắt đầu từ 2018 nếu chi tính giai đoạn 2).</p> <p>Dự thảo Bộ luật sửa đổi được đăng công khai và lấy ý kiến rộng rãi từ 4/2019 nếu chi tính từ giai đoạn 2).</p>	<p>Từ góc độ lợi ích của các chủ thể liên quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> Về nguyên tắc việc chậm có hiệu lực của Bộ luật Lao động có thể ảnh hưởng tới quyền thành lập tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp; Về thực tế, theo thông tin từ Bộ LĐTBXH, sau gần 1 năm Bộ luật này có hiệu lực, Bộ chưa nhận được thông tin nào về nhu cầu thành lập tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp. <p>Quá trình soạn thảo được thực hiện đúng tiến độ dự kiến, bảo đảm quá trình tham vấn, lấy ý kiến đối tượng chịu tác động, VCCI và các Hiệp hội thông qua nhiều kênh khác nhau.</p> <p>Hồ sơ gửi lấy ý kiến bao gồm Dự thảo, Tờ trình và nhiều tài liệu khác.</p>



3. Nội dung và Thực thi

Nghị Quyết của Quốc hội:

Sửa đổi 02 nhóm nội dung:

- Công đoàn và Tổ chức của người lao động ;
- Đối thoại tại nơi làm việc, Thương lượng tập thể, Tranh chấp lao động – Đình công (gắn với vai trò của các tổ chức đại diện của người lao động).

Bộ luật Lao động 2019 gồm (i) các quy định mới về tổ chức, nguyên tắc, yêu cầu, quyền và nghĩa vụ của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp; (ii) điều chỉnh, sửa đổi các quy định khác liên quan tới quyền thương lượng tập thể thực chất, điều kiện lao động chấp nhận được.

Ngoại trừ quy định về quyền tự do liên kết của người lao động mới tương thích một phần (tương thích về pháp luật nhưng chưa bảo đảm thực thi do thiếu văn bản hướng dẫn cụ thể), các quy định còn lại đã tương thích đầy đủ với cam kết CPTPP về lao động cần nội luật hóa.

Về các quy định nội luật hóa liên quan tới quyền tự do liên kết, cam kết CPTPP yêu cầu các nước thành viên phải ban hành và duy trì các quy định pháp luật về quyền tự do liên kết – so sánh với cam kết này thì:

- Với Bộ luật Lao động 2019, Việt Nam có thể xem như đã đáp ứng yêu cầu “ban hành” quy định về vấn đề này;
- Tuy nhiên do các quy định này cần hướng dẫn thi hành mới có thể “thực hiện” trên thực tế (bằng một Nghị định của Chính phủ, quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký; thẩm quyền, thủ tục cấp đăng ký, thu hồi đăng ký; quản lý nhà nước đối với vấn đề tài chính, tài sản của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, quyền liên kết của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp; điều lệ của tổ chức này) mà hiện lại chưa có văn bản này. Theo thông tin từ Bộ LĐTBXH, hiện Nghị định này đang được triển khai xây dựng (tuy nhiên chưa có Dự thảo nào được công bố chính thức).

Chú ý: Quyền tự do liên kết của người lao động và việc hình thành các tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp là vấn đề hoàn toàn mới ở Việt Nam. Thực thi quyền này đòi hỏi không chỉ việc xây dựng nền tảng nhận thức mới cho cả người lao động, doanh nghiệp, và cơ quan quản lý Nhà nước mà còn phải (i) thiết lập mới các điều kiện quản lý, cơ chế và bộ máy quản lý Nhà nước về vấn đề này; (ii) thực hiện các điều chỉnh cần thiết đối với pháp luật, thực tiễn liên quan (ví dụ pháp luật về Công đoàn, đặc biệt là trong mối quan hệ với các tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp và với doanh nghiệp).



Vấn đề**Kế hoạch của
Việt Nam****Thực tế thực thi tại Việt Nam****Đánh giá**

Quá trình xây dựng văn bản hướng dẫn về vấn đề này cần tính đến tất cả các yếu tố trên, do đó cần khá nhiều thời gian. Vì vậy, sự chậm trễ trong quá trình soạn thảo, ban hành văn bản hướng dẫn là có thể lý giải.

Từ góc độ pháp luật trong nước, việc ban hành Nghị định chậm trễ cũng chưa phù hợp với quy định của Luật ban hành VBQPPL theo đó văn bản hướng dẫn phải được ban hành và có hiệu lực cùng thời điểm với văn bản được hướng dẫn.

Hoạt động xây dựng văn bản thực thi cam kết CPTPP về dịch vụ phụ trợ bảo hiểm

Theo Nghị quyết 72/2018/QH14 của Quốc hội phê chuẩn Hiệp định CPTPP, Luật Kinh doanh bảo hiểm được xếp vào danh mục văn bản cần sửa đổi bổ sung để thực thi cam kết CPTPP (mục 5 Phụ lục II của Nghị quyết 72/2018/QH14) với nội dung sửa đổi là “bổ sung quy định về dịch vụ phụ trợ bảo hiểm như dịch vụ tư vấn, đánh giá rủi ro, dịch vụ hỗ trợ và các dịch vụ giám định” và thời hạn hoàn thành là khi CPTPP có hiệu lực. Theo các Kế hoạch thực thi CPTPP của Chính phủ và của Bộ Tài chính, việc xây dựng một Luật sửa đổi 03 Luật (trong đó có Luật Kinh doanh bảo hiểm về dịch vụ phụ trợ bảo hiểm) để thực thi CPTPP là nhiệm vụ được xác định với thời hạn trình Quốc hội thông qua là vào kỳ họp tháng 5/2019.

Trên thực tế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ đã được ban hành ngày 27/06/2019 và được xếp vào diện văn bản thực thi CPTPP. Tiếp sau đó, Bộ Tài chính cũng chủ trì soạn thảo trình Chính phủ ban hành hoặc tự ban hành 02 văn bản hướng dẫn Luật nói trên về dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, bao gồm:

- Nghị định 80/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 73/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Nghị định 98/2013/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 48/2019/NĐ-CP) và
 - Thông tư 65/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định nội dung đào tạo, thi, cấp, công nhận chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm.
- Tuy nhiên, rà soát các nội dung của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ (phần về Luật Kinh doanh bảo hiểm) và 02 văn bản hướng dẫn về dịch vụ phụ trợ bảo hiểm cho thấy các văn bản này không hướng dẫn thực thi cam kết CPTPP về dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, cụ thể:
- Các cam kết tại Chương 11 – Dịch vụ tài chính và Phụ lục III – Các biện pháp không tương thích về dịch vụ tài chính của Văn kiện CPTPP liên quan tới mở cửa dịch vụ phụ trợ bảo hiểm hầu như không khác gì so với cam kết của Việt Nam trong WTO về vấn đề này. Trong nhiều năm qua (từ năm 2007), Việt Nam không có các quy định về dịch vụ phụ trợ bảo hiểm nhưng không ảnh hưởng tới việc thực thi cam kết;
 - Không nhận diện được các quy định trong các văn bản nói trên hướng dẫn cam kết cụ thể nào của CPTPP về lĩnh vực này:

- (i) Luật sửa đổi và Thông tư 65/2019/TT-BTC: Các quy định trong hai văn bản này không nội luật hóa cam kết cụ thể nào của CPTPP về dịch vụ phụ trợ bảo hiểm;
- (ii) Nghị định 80/2019/NĐ-CP: Các quy định trong Nghị định không nội luật hóa cam kết cụ thể nào của CPTPP về dịch vụ phụ trợ bảo hiểm mà chỉ sử dụng quyền quản lý theo nguyên tắc thận trọng được ghi nhận trong CPTPP để đặt ra các điều kiện đối với nhà cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm nước ngoài (tuy nhiên quyền này thực chất đã được thừa nhận chung theo WTO và đã áp dụng ở Việt Nam từ khi xây dựng Luật kinh doanh bảo hiểm hiện hành).

- Các quy định tại các văn bản này áp dụng chung cho tất cả nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài mà không hạn chế ở các nhà cung cấp dịch vụ CPTPP (chú ý đây không phải là hình thức mở cửa tự nguyện, vượt lên trên cam kết CPTPP của Việt Nam cho các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài CPTPP mà là cam kết của Việt Nam trong WTO).

Như vậy, về bản chất, các quy định về dịch vụ phụ trợ bảo hiểm trong các văn bản này là cơ chế quản lý của Việt Nam thiết lập lần đầu tiên đối với dịch vụ này mà không phải là quy định thực thi cam kết CPTPP theo yêu cầu bắt buộc để bảo đảm tính tương thích của pháp luật nội địa với CPTPP hay để triển khai trên thực tế cam kết CPTPP. Và việc soạn thảo và ban hành các văn bản này xuất phát từ thực tế phát triển của thị trường và nhu cầu quản lý của Nhà nước đối với dịch vụ phụ trợ bảo hiểm (trong bối cảnh trước đó Việt Nam chưa có cơ chế quản lý cụ thể nào về dịch vụ phụ trợ bảo hiểm).

Từ các lý do nêu trên, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ (Phần về Kinh doanh bảo hiểm), Nghị định 80/2019/NĐ-CP và Thông tư 65/2019/TT-BTC sẽ không được xem xét như là một văn bản thực thi cam kết CPTPP trong Rà soát này. Tất cả các thông tin liên quan (về thời gian ban hành, tính tương thích...) tới các văn bản này vì vậy cũng không được đưa vào thông kê chung của Rà soát này.



Hoạt động xây dựng văn bản thực thi cam kết CPTPP liên quan tới chính sách sách cạnh tranh

Theo các Kế hoạch thực thi CPTPP của Chính phủ và của Bộ Công Thương, Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Cạnh tranh 2018 được xếp vào diện văn bản cần soạn thảo, ban hành nhằm thực thi CPTPP, với thời hạn thực hiện là Quý I/2019. Trên thực tế, Nghị định 35/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh đã được Bộ Công Thương soạn thảo và Chính phủ ban hành ngày 24/3/2020, có hiệu lực từ ngày 15/5/2020. Theo đúng các Kế hoạch thực thi nói trên, Nghị định này được đưa vào danh mục văn bản pháp luật thực thi CPTPP trên Công Thông tin về CPTPP của Bộ Công Thương (tại đường dẫn <http://cptpp.moit.gov.vn/?page=legal>).

Tuy nhiên rà soát các quy định của Nghị định này cho thấy tất cả đều thuần túy là các quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh. Mặc dù trong số này có khoảng 03 điều liên quan tới nguyên tắc về tổ tụng cạnh tranh cam kết trong CPTPP (đặc biệt là khoản 3 Điều 16.2 CPTPP về nghĩa vụ áp dụng hoặc duy trì các quy định về thủ tục tố tụng và chứng cứ áp dụng), bản thân quy định của Luật Cạnh tranh 2018 (mà Nghị định phải quy định chi tiết) đã tương thích với các cam kết liên quan trong Chương 16 về Chính sách cạnh tranh của CPTPP. Hơn nữa, cam kết CPTPP về chính sách cạnh tranh phần lớn không bao gồm các yêu cầu cụ thể mà là những nguyên tắc bao trùm vốn đã được đáp ứng ngay từ Luật Cạnh tranh 2005 (nói cách khác, bản thân việc xây dựng Luật Cạnh tranh 2018 cũng hầu như không bị ảnh hưởng bởi cam kết trong CPTPP). Vì vậy, về nội dung, không có căn cứ nào cho thấy Nghị định này nội luật hóa cam kết CPTPP về cạnh tranh.

Về quy trình soạn thảo, Nghị định được soạn thảo theo kế hoạch về việc xây dựng pháp luật cạnh tranh nhằm thực thi Luật Cạnh tranh ban hành năm 2018, có hiệu lực từ 1/7/2019. Dự thảo Nghị định đã được xây dựng và công khai để lấy ý kiến doanh nghiệp từ 10/2018 với các nội dung hướng dẫn về tổ tụng cạnh tranh cơ bản tương tự như Nghị định được ban hành. Trong Từ trình đi kèm Dự thảo Nghị định tháng 10/2018 không có giải trình nào về việc nội luật hóa cam kết CPTPP. Do đó, về hình thức và nội dung, không có căn cứ để cho rằng việc thực hiện cam kết CPTPP là một trong những căn cứ để soạn thảo và ban hành Nghị định này.

Từ các lý do nêu trên, Nghị định 35/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh sẽ không được xem xét như là một văn bản thực thi cam kết CPTPP trong Rà soát này. Tất cả các thông tin liên quan (về thời gian ban hành, tính tương thích...) tới văn bản này vì vậy cũng không được đưa vào thông kê chung của Rà soát này.

Báo cáo

HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG PHÁP LUẬT THỰC THI CPTPP
Đánh giá hiệu quả thực hiện và Hàm ý chính sách

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng Biên tập NXB
Nguyễn Minh Huệ

Biên tập
Đông Thị Thu Thủy
Nguyễn Thị Thanh Thảo
Lương Thị Ngọc Bích

Trình bày
Thaidung85@gmail.com
Tranhamy.kts17@gmail.com

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

In 300 cuốn, khổ 19x26 cm tại Công ty TNHH In và Thương mại Trần Gia
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 3830-2021/CXBIPH/02-188/CT
Số Quyết định xuất bản: 319A/QĐ-NXBCT ngày 05 tháng 11 năm 2021
In xong và nộp lưu chiểu: Quý IV/2021
Mã số ISBN: 978-604-311-794-3

TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM (VCCI)

Địa chỉ: Số 09 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: +84-24-35771458

Email: banthuky@trungtamwto.vn

Website: www.trungtamwto.vn/www.chongbanphagia.vn/www.aecvcci.vn